TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TÀI LIỆU HỌC TẬP

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(DÙNG CHO SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG)

BỘ MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LONG XUYÊN, THÁNG 12 NĂM 2009

Biên soạn

Tập thể giảng viên
Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
Khoa Lý luận chính trị - Trường Đại học An Giang

LỜI NÓI ĐẦU

Quán triệt đường lối đổi mới công tác tư tưởng, lý luận của Đảng và chủ trương cải cách công tác giảng dạy, học tập bậc đại học, cao đẳng, tháng 9/2008 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nhằm phục vụ thuận lợi cho công việc giảng dạy và học tập môn học này, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Ban chủ nhiệm khoa Lý luận chính trị, Ban Giám Hiệu trường Đại học An Giang, tập thể giảng viên bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành biên soạn tài liệu Hướng dẫn học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tài liệu bao gồm hệ thống câu hỏi được cấu trúc theo ba phần: phần trắc nghiệm, phần trả lời ngắn gọn và phần tự luận. Nội dung câu hỏi của mỗi phần được sắp xếp theo trình tự chương trình của giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Sau mỗi câu hỏi là đáp án hoặc gợi ý trả lời. Với nội dung và bố cục được trình bày như trên, chúng tôi hy vọng tài liệu này sẽ giúp ích cho sinh viên trong quá trình học tập và ôn thi môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng tài liệu khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý bạn đọc.

BỘ MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRẢ LỜI NGẮN GỌN

<u>Câu 1</u>. Nêu các sự kiện chính trị lớn của tình hình thế giới vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và ảnh hưởng của nó đối với cách mạng Việt Nam.

- Sự kiện:

+ Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).

+ Cách mạng Tháng Mười Nga thành công (1917).

+ Quốc tế Cộng sản ra đời (3/1919).

+ Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ.

- Ảnh hưởng: lựa chọn con đường cứu nước cho cách mạng Việt Nam.

<u>Câu 2</u>. Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX?

- Chuyển biến về kinh tế:

+ Vừa tồn tại phương thức sản xuất phong kiến lạc hậu, vừa tồn tại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa còn non yếu.

+ Kinh tế Việt Nam phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

- Chuyển biến về xã hội:

+ Về chính trị: chuyên chế về chính trị.

+ Về văn hoá: thi hành chính sách ngu dân.

+ Về giai cấp: phân hóa thành 5 giai cấp và tầng lớp.

+ Về mâu thuẫn: có 2 mâu thuẫn cơ bản.

<u>Câu 3</u>. Các phong trào yêu nước tiêu biểu theo khuynh hướng phong kiến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và ý nghĩa của các phong trào đó?

- Phong trào yêu nước tiêu biểu theo khuynh hướng phong kiến:

+ Phong trào Cần Vương (1885 - 1896).

+ Khởi nghĩa Yên Thế (1884 - 1913).

- Ý nghĩa:

+ Tinh thần yêu nước nồng nàn.

+ Ý chí chiến đấu bất khuất, kiên cường, bền bỉ của nhân dân Việt Nam.

<u>Câu 4</u>. Các phong trào yêu nước tiêu biểu theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX?

- Phong trào Đông du do Phan Bội Châu lãnh đạo.

- Phong trào Duy Tân do Phan Chu Trinh lãnh đạo.

- Phong trào Đông kinh nghĩa thục do Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp lãnh đạo.

Câu 5. Vì sao trong quá trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cách mạng vô sản?

Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ.

Câu 6. Những hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu năm 1925?

- Tháng 6/1925, thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

- Mở lớp huấn luyện cán bộ và ra tờ báo Thanh niên.

Câu 7. Hành trang tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc khi ra đi tìm đường cứu nước?

- Vốn hiểu biết về văn hoá dân tộc.

- Vốn hiểu biết về Nho học, Phật học.

- Những hiểu biết ban đầu về văn hoá phương Tây.

- Nhận ra sự hạn chế của các nhà yêu nước đương thời.

Câu 8. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?

- Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.

- Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam (chủ yếu là nông dân) với giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 9. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có mâu thuẫn chủ yếu nào?

Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và tay sai.

Câu 10. Hậu quả của việc thực hiện chính sách thống trị về kinh tế của thực dân Pháp ở nước ta?

- Nền kinh tế Việt Nam tiến triển chậm chạp.

- Vừa tồn tại phương thức sản xuất phong kiến lạc hậu, vừa tồn tại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa còn non yếu.

- Kinh tế Việt Nam phụ thuộc hoàn toàn vào nền kinh tế của thực dân Pháp.

Câu 11. Chính sách cai trị của thực dân Pháp ở nước ta cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX?

Về chính trị: Thực dân Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền đối ngoại và đối nội của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn; chia Việt Nam thành ba xứ: Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ và mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng. Đồng thời thực dân Pháp câu kết với giai cấp địa chủ trong việc bóc lột kinh tế và áp bức về chính trị đối với nhân dân Việt Nam.

Về kinh tế: Thực dân Pháp thực hiện chính sách bóc lột về kinh tế: tiến hành cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; đầu tư khai thác tài nguyên; xây dựng một số

cơ sở công nghiệp; xây dựng hệ thống đường giao thông, bến cảng phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

Về văn hóa: Thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hóa, giáo dục thực dân; dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu…

Câu 12. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam?

- Đặc điểm chung: giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; có tinh thần cách mạng triệt để; có tính tổ chức và kỉ luật cao, mang bản chất quốc tế.

- Đặc điểm riêng: Do bị ba tầng áp bức bóc lột nên có tinh thần cách mạng triệt để hơn so với công nhân thế giới; ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam; ra đời khi Cách mạng Tháng Mười Nga đã thành công, khi phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang phát triển mạnh; liên minh với giai cấp nông dân một cách tự nhiên và chặt chẽ.

Câu 13. Vì sao các phong trào dân tộc theo khuynh hướng chính trị tư sản và tiểu tư sản thành thị trước ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời bị thất bại?

- Hệ tư tưởng lỗi thời của giai cấp lãnh đạo.

- Không có đường lối chính trị rõ ràng.

- Không có hệ thống tổ chức chặt chẽ.

- Không có khả năng tập hợp quần chúng.

Câu 14. Từ năm 1920 đến năm 1928, Nguyễn Ái Quốc đã viết hai tác phẩm nổi tiếng. Cho biết tên và năm xuất bản của hai tác phẩm ấy.

- "Bản án chế độ thực dân Pháp" - xuất bản năm 1925.

- "Đường kách mệnh" - xuất bản năm 1927.

Câu 15. Hồ Chí Minh sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên vào thời gian nào? Cơ quan ngôn luận của tổ chức này là gì?

- Tháng 6 năm 1925.

- Báo Thanh niên.

Câu 16. Con đường Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin?

- Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, Nguyễn Ái Quốc ngưỡng mộ Lênin, tham gia nhiều cuộc vận động ủng hộ nhân dân Nga.

- Tháng 3/1919, Quốc tế III ra đời. Nguyễn Ái Quốc tham gia vào cuộc đấu tranh lựa chọn giữa hai con đường của Đảng Xã hội Pháp: ở lại Quốc tế II hay gia nhập Quốc tế III?

- Tháng 7/1920, đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Luận cương ảnh hưởng quyết định đến lập trường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc: Người đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin và tán thành Quốc tế III.

Câu 17. Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với cách mạng Việt Nam?

Từ khi chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào Việt Nam, phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

Câu 18. Vai trò của Quốc tế cộng sản đối với cách mạng Việt Nam?

Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh vai trò của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam "An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế".

Câu 19. Cách thức Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam?

- Truyền bá bằng sách, báo.

- Bằng việc lập ra các tổ chức như:

+ Hội liên hiệp thuộc địa.

+ Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.

+ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 20. Tính chất và nhiệm vụ của Cách mạng Việt Nam được đề cập trong tác phẩm "Đường kách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc.

- Cách mạng việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nòng cốt là liên minh công nông.

Câu 21. Nhiệm vụ và vai trò của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

- Nhiệm vụ: Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cứu nước của Nguyễn Ái Quốc vào công nhân, nông dân, các tầng lớp nhân dân.

- Vai trò: Chuẩn bị tiền đề cho việc thành lập Đảng Cộng sản.

Câu 22. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam được thành lập vào thời gian nào? Nhiệm vụ của chi bộ là gì?

- Thời gian: Tháng 3/1929.

- Nhiệm vụ: Tích cực chuẩn bị để đi đến thành lập một đảng cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 23. Tư tưởng cơ bản về cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc?

- Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Cách mạng giải phóng dân tộc phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc.

- Cách mạng giải phóng dân tộc cần tiến hành chủ động, sáng tạo.

- Cách mạng giải phóng dân tộc được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực.

Câu 24. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam .

Câu 25. Vì sao nói: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử?

- Chính sách thống trị và khai thác thuộc địa của Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam xuất hiện hai mâu thuẫn cơ bản; do vậy, việc giải quyết mâu thuẫn để đưa xã hội Việt Nam tiến lên theo đúng xu thế của thời đại là tất yếu khách quan.

- Khuynh hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản phát triển mạnh đưa đến sự ra đời của ba tổ chức Đảng. Ba tổ chức Đảng đã hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là tổ chức có khả năng nắm ngọn cờ dân tộc, đấu tranh giải phóng dân tộc và đưa cách mạng Việt Nam tiến lên.

Câu 26. Nội dung cơ bản của Chính cương vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng:

- Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản".

- Nhiệm vụ cụ thể của cách mạng tư sản dân quyền:

+ Về chính trị: Đánh đuổi Pháp và phong kiến làm cho nước Nam độc lập.

+ Về kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái, tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn (công nghiệp, vận tải, ngân hàng) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc làm của công để chia cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ.

+ Về văn hóa xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa.

Câu 27. Ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

- Cương lĩnh đã phát triển thêm một số luận điểm quan trọng của tác phẩm "Đường kách mệnh".

- Vừa mới ra đời, Đảng đã sớm xác định đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng đúng đắn. Đây là điều có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ quá trình hoạt động của Đảng.

- Cương lĩnh đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử, trở thành ngọn cờ tập hợp dân tộc.

- Cương lĩnh đánh dấu bước phát triển về chất của cách mạng Việt Nam.

- Cương lĩnh ra đời chứng tỏ: Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những yếu tố cơ bản nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Câu 28. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta?

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội (giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người).

Câu 29. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời từ sự hợp nhất của những tổ chức cộng sản nào?

Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Câu 30. Ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

Hội nghị mang tầm vóc như một Đại hội thành lập Đảng. Hội nghị đã quy tụ toàn bộ phong trào công nhân và phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của một đội tiên phong duy nhất cách mạng, với đường lối cách mạng đúng đắn, dẫn đến sự thống nhất về tư tưởng và hành động của phong trào cách mạng cả nước.

Câu 31. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp của những yếu tố nào?

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Câu 32. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

- Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối cứu nước ở nước ta, là sự kiện có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

- Giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

- Xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam.

Câu 33. Từ năm 1930 đến nay, Đảng ta có bao nhiêu Cương lĩnh chính trị? Nêu tên của những Cương lĩnh chính trị đó.

- Có 4 Cương lĩnh chính trị.

- Tên cụ thể:

+ Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt (2/1930).

+ Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10/1930).

+ Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (02/1951).

+ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. (6/1991).

Câu 34. Tên gọi của Đảng ta qua các thời kỳ?

- Tháng 02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tháng 10/1930, Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Tháng 02/1951, Đảng Lao động Việt Nam.

- Tháng 12/1976, Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 35. Nội dung phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương được nêu ra trong Luận cương chính trị tháng 10/1930.

- Cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất thổ địa và phản đế. Sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi thì sẽ tiếp tục phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

- Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

<u>Câu 36</u>. Những mặt khác nhau giữa Luận cương chính trị với Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt.

- Luận cương chính trị không nêu ra được mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, từ đó không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu.

- Đánh giá không đúng vai trò cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc và chưa thấy khả năng phân hóa, lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ trong cách mạng giải phóng dân tộc, từ đó Luận cương đã không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai.

<u>Câu 37</u>. Nguyên nhân của những mặt khác nhau giữa luận cương chính trị với chính cương vắn tắt và sách lược vắn tắt.

Thứ nhất: Luận cương chính trị chưa tìm ra và nắm vững những đặc điểm của xã hội thuộc địa, nửa phong kiến Việt Nam.

Thứ hai: Do nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng ở thuộc địa và lại chịu ảnh hưởng trực tiếp khuynh hướng tả của Quốc tế cộng sản và một số đảng cộng sản trong thời gian đó.

<u>Câu 38</u>. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cao trào 1930 - 1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh?

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, Pháp dồn gánh nặng khủng hoảng vào các nước thuộc địa. Nhân dân Việt Nam lâm vào cảnh khốn cùng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân.

- Cuộc bạo động của Việt Nam quốc dân Đảng bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu.

<u>Câu 39</u>. Khái quát ý nghĩa của cao trào cách mạng 1930 - 1931.

Cao trào cách mạng 1930 - 1931 đã khẳng định trong thực tế:

- Đường lối cách mạng do Đảng đề ra là đúng.

- Khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực cách mạng của giai cấp công nhân.

- Xây dựng khối liên minh công nông trong thực tế.

<u>Câu 40</u>. Nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Đông Dương được nêu lên tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng (3/1935)?

- Củng cố và phát triển Đảng.

- Đẩy mạnh cuộc vận động thu phục đông đảo quần chúng.

- Mở rộng tuyên truyền chống chiến tranh, chống đế quốc; ủng hộ hoà bình, ủng hộ Liên Xô,...

<u>Câu 41</u>. Khái quát hoạt động chính của Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng từ năm 1930 đến năm 1935.

- Lãnh đạo phong trào cách mạng rộng lớn trong cả nước (1930-1931).

- Lãnh đạo cuộc đấu tranh chống khủng bố trắng của thực dân Pháp.

- Lãnh đạo cuộc đấu tranh khôi phục phong trào.

Câu 42. Quan điểm mới của Đảng ta về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ được nêu trong văn kiện Chung quanh vấn đề chính sách mới.

"Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phát triển điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng". Vì rằng tùy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước tập trung đánh đổ đế quốc rồi mới giải quyết vấn đề điền địa.

Nhưng có khi vấn đề điền địa và phản đế phải liên tiếp giải quyết, vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động.

Câu 43. Tóm tắt hoàn cảnh lịch sử triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 7/1936.

- Tình hình thế giới: Mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản ngày càng gay gắt và phong trào quần chúng dâng cao; Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và thắng thế ở một số nơi, vận dụng Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản,...

- Tình hình trong nước: Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã tác động sâu sắc đến đời sống các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động. Bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét bóc lột và khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân ta làm cho tình hình kinh tế và chính trị hết sức ngột ngạt,… mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ. Đảng cộng sản Đông Dương đã được khôi phục sau một thời kì đấu tranh cực kì gian khổ, đủ sức lãnh đạo nhân dân ta bước vào một thời kì đấu tranh mới.

Câu 44. Ý nghĩa của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 7/1936?

- Chấm dứt thời kỳ đấu tranh khôi phục phong trào, đưa cách mạng Đông Dương chuyển sang cao trào cách mạng mới.

- Thể hiện sự trưởng thành của Đảng trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược với mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng.

Câu 45. Khái quát quá trình Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng từ năm 1936 đến năm 1939.

- Lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi triệu tập Đông Dương Đại hội và đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

- Lãnh đạo đẩy mạnh cuộc đấu tranh công khai, hợp pháp trên báo chí và nghị trường.

Câu 46. Thành quả của cao trào cách mạng 1936 - 1939?

- Khẳng định vai trò và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng.

- Xây dựng được lực lượng đấu tranh chính trị rộng lớn. Hình thành khối liên minh công - nông bền vững trong thực tiễn đấu tranh.

- Đảng tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý báu về phương pháp cách mạng, về xây dựng lực lượng.

Câu 47. Khái quát ý nghĩa của cao trào cách mạng 1936 - 1939.

- Đảng có bước trưởng thành.

- Tổ chức Đảng từng bước được phục hồi.

- Đội ngũ cán bộ đảng viên phát triển mạnh, được đào tạo rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh cách mạng.

- Uy tín và ảnh hưởng của Đảng đối với quần chúng được nâng cao.

Câu 48. Sau khi chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ (9/1939), cuộc cách mạng ở Đông Dương mang tính chất là cuộc cách mạng gì? Tại sao?

- Cách mạng giải phóng dân tộc.

- Mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc xâm lược đã phát triển gay gắt quyết liệt và đòi hỏi phải được giải quyết.

Câu 49. Nội dung chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 6 (11/1939), lần 7 (11/1940) và lần 8 (5/1941)?

- Xác định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc này là cách mạng giải phóng dân tộc.

- Khởi nghĩa vũ trang được xác định là nhiệm vụ trung tâm.

- Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh và các Hội cứu quốc.

Câu 50. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào thời gian nào? tại đâu?

- Nguyễn Ái Quốc về nước vào năm 1941.

- Tại Pắc Bó (xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng).

Câu 51. Chủ trương thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Đảng đề ra vào tháng, năm nào? Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ mấy?

- Tháng 05/1941.

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 8 (khoá I).

Câu 52. Chủ trương chiến lược mới của Đảng trước chính sách thống trị thời chiến của Pháp - Nhật ở Đông Dương?

- Tập trung giải quyết nhiệm vụ hàng đầu là đánh đuổi đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc.

- Giành quyền độc lập dân tộc cho các dân tộc ở Đông Dương theo quan điểm thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Việt Nam sau khi đánh đuổi Pháp, Nhật sẽ lập nước Việt Nam mới theo chế độ dân chủ cộng hoà.

- Tập hợp mọi tầng lớp nhân dân vào Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc thật rộng rãi, lấy liên minh công nông làm cơ sở.

- Chuyển hình thức đấu tranh từ công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp sang bí mật, bất hợp pháp, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Câu 53. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Mặt trận Việt Minh?

- Mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc ngày càng gay gắt. Giải phóng dân tộc trở thành nhiệm vụ hàng đầu.

- Đoàn kết tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.

Câu 54. Khái quát quá trình Đảng lãnh đạo phong trào chống Pháp - Nhật, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.

- Vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu,…

- Xây dựng các tổ chức Đảng và các tổ chức cứu quốc của quần chúng.

- Xây dựng căn cứ địa cách mạng và từng bước xây dựng lực lượng vũ trang.

Câu 55. Kể theo thứ tự tên các đồng chí Tổng Bí thư của Đảng từ năm 1930 đến năm 1945.

- Trần Phú.

- Lê Hồng Phong.

- Hà Huy Tập.

- Nguyễn Văn Cừ.

- Trường Chinh.

Câu 56. Nội dung cơ bản của chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng?

- Xác định kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật; thay khẩu hiệu "đánh đuổi phát xít Pháp - Nhật" bằng khẩu hiệu "đánh đuổi phát xít Nhật".

- Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

- Dự đoán thời cơ khởi nghĩa.

Câu 57. Ý nghĩa của Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng?

- Thể hiện sự nhận định kiên quyết, sáng suốt và kịp thời của Đảng.

- Là kim chỉ nam cho mọi hành động của toàn Đảng, của Việt Minh trong cao trào kháng Nhật, cứu nước.

Câu 58. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12/3/1945) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã dự kiến điều kiện khởi nghĩa như thế nào?

- Quân đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật. Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản, để phía sau sơ hở.

- Cách mạng Nhật bùng nổ. Chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập.

- Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940. Quân đội viễn chinh Nhật hoang mang mất tinh thần.

Câu 59. Đảng và Hồ Chí Minh đã làm gì để đón Đồng minh vào giải giáp vũ khí của quân đội Nhật vào tháng 8/1945?

- Lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy, tước vũ khí của quân Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, giành lấy chính quyền từ tay Nhật, lật đổ bọn bù nhìn tay sai của Nhật.

- Đứng ở địa vị làm chủ đất nước mà đón tiếp quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương.

Câu 60. Những mốc son lịch sử đánh dấu thắng lợi trong quá trình Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước vào tháng 8/1945?

- Ngày 19/8, giành chính quyền ở Hà Nội.

- Ngày 23/8, giành chính quyền ở Huế.

- Ngày 25/8 giành chính quyền ở Sài Gòn.

- Ngày 28/8, Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chấm dứt chế độ phong kiến ở Việt Nam.

- Ngày 02/9, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập.

Câu 61. Tư tưởng trung tâm của bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa?

- Tuyên bố trước quốc dân và thế giới: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

- Độc lập, tự do là tư tưởng trung tâm của bản Tuyên ngôn độc lập.

Câu 62. Ý nghĩa lịch sử của bản Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Lễ Độc lập ngày 02/9/1945?

Là văn kiện lịch sử có ý nghĩa sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân ta trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam.

Câu 63. Bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có kế thừa tư tưởng của những văn bản pháp lý nào?

- Tuyên ngôn độc lập của Mỹ.

- Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp.

- Bản yêu sách 8 điểm của Nguyễn Ái Quốc.

- Chương trình hành động của Mặt trận Việt Minh.

Câu 64. Những nội dung cơ bản của Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà?

- Khẳng định quyền cơ bản của con người.

- Tuyên bố với quốc dân và thế giới:

"Nước Việt Nam đã trở thành nước tự do, độc lập"

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập".

- Quyết tâm giữ vững quyền tự do và độc lập của dân tộc Việt Nam.

<u>Câu 65</u>. Nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

- Nguyên nhân khách quan: Bối cảnh quốc tế thuận lợi:

+ Nhật bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại.

+ Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Là kết quả của 15 năm đấu tranh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Đoàn kết toàn dân trong tổ chức Việt Minh trên cơ sở liên minh công - Nông dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

+ Đảng lãnh đạo có đường lối cách mạng đúng đắn, dày dạn kinh nghiệm đấu tranh, nắm đúng thời cơ, khôn khéo tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo kẻ thù.

<u>Câu 66</u>. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

- Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông.

- Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

- Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

- Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

- Xây dựng một Đảng Mác - Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

<u>Câu 67</u>. Làm rõ "Vận mệnh nước ta như ngàn cân treo sợi tóc" sau tháng 8/1945?

- Khó khăn do thù trong giặc ngoài gây ra*:*

+ Phía Bắc vĩ tuyến 16, 20 vạn quân Tưởng kéo vào.

+ Phía Nam vĩ tuyến 16, quân đội Anh đồng lõa và tiếp tay cho Pháp quay lại Đông Dương.

+ 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp.

- Về kinh tế: mất mùa, hàng hóa khan hiếm, kho bạc trống rỗng.

- Về văn hoá: 95% dân số không biết chữ, tệ nạn xã hội nặng nề.

- Về ngoại giao: Chưa có nước nào công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

Câu 68. Ba vấn đề lớn lớn được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên ngày 03/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời là gì ?

- Diệt giặc đói.

- Diệt giặc dốt.

- Diệt giặc ngoại xâm.

Câu 69. Đường lối ngoại giao của Đảng được xác định trong chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" (25/11/1945)?

Kiên trì các nguyên tắc "bình đẳng, tương trợ", thêm bạn, bớt thù: thực hiện khẩu hiệu: "Hoa - Việt thân thiện" đối với quân đội Tưởng Giới Thạch và chủ trương "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế" đối với Pháp.

Câu 70. Chủ trương của Đảng trong việc xây dựng chế độ mới về kinh tế, chính trị và văn hoá trên đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám?

- Kinh tế: Tăng gia sản xuất tiến tới xây dựng nền kinh tế độc lập.

- Chính trị: Tiến hành Tổng tuyển cử trong cả nước (6/01/1946) và ban hành Hiến pháp.

- Văn hoá: Thực hiện phong trào bình dân học vụ; xây dựng nền văn hoá mới với 3 tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng.

Câu 71. Nội dung cơ bản của Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" (25/11/1945)?

- Xác định: Cách mạng Đông Dương vẫn là cách mạng giải phóng dân tộc.

- Kẻ thù chính: Thực dân Pháp xâm lược.

- Nhiệm vụ cơ bản trước mắt:

  + Củng cố chính quyền cách mạng (nhiệm vụ bao trùm).

  + Chống thực dân Pháp xâm lược.

  + Bài trừ nội phản.

  + Cải thiện đời sống nhân dân.

- Đề ra các biện pháp về nội chính, về quân sự, về ngoại giao.

Câu 72. Ý nghĩa của Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc?

Đã giải quyết kịp thời và khôn khéo những vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng trong tình thế vô cùng hiểm nghèo của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới khai sinh.

Câu 73. Nguyên tắc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài của Đảng ta trong thời kỳ 1945 - 1946?

- Giữ vững đường lối cách mạng của Đảng.

- Đảm bảo xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Lãnh đạo nhân dân chống thù trong giặc ngoài trên cơ sở "dĩ bất biến ứng vạn biến".

- Đảng nắm công cụ của bạo lực cách mạng.

Câu 74. Sau khi thực dân Pháp và quân đội Tưởng ký hiệp ước ở Trùng Khánh (28/02/1946), Đảng và Chính phủ ta đã tiến hành những biện pháp gì để đối phó với tình hình mới?

Thương lượng với Pháp nhằm buộc quân Tưởng rút ngay về nước, tránh tình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, bảo toàn thực lực, tranh thủ thời gian hoà hoãn để chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới.

Câu 75. Ngày 06/3/1946, Ta và Pháp ký Hiệp định Sơ bộ để tiến tới cuộc đàm phán chính thức. Hãy cho biết thời gian và địa điểm diễn ra cuộc đàm phán chính thức.

- Thời gian: Tháng 7 đến tháng 9 năm 1946.

- Địa điểm: Phôngtennơblô (Pháp).

Câu 76. Đối sách của Đảng trong cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài giai đoạn 1945 - 1946?

- Từ tháng 9/1945 đến 6/3/1945: Hòa với Tưởng ở miền Bắc để đánh Pháp ở miền Nam, hạn chế sự phá hoại của Tưởng và tay sai.

- Từ 6/3/1946 đến tháng12/1946: Hoà với Pháp để đuổi Tưởng, tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng để sẵn sàng cho cuộc kháng chiến toàn quốc.

Câu 77. Nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc (12/1946)?

- Thực dân Pháp bội ước.

- Chiến sự ở miền Nam nổ ra gay gắt.

- Ở miền Bắc, Pháp lấn chiếm và gây ra nhiều vụ khiêu khích trắng trợn ở nhiều nơi.

Câu 78. Khẩu hiệu: "Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" ra đời trong hoàn cảnh nào?

Cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đang lan ra trên cả nước ta.

Câu 79. Ý nghĩa của "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

Là tiếng gọi của non sông đất nước, là lời hịch cứu quốc, khơi dậy mạnh mẽ lòng tự hào dân tộc, truyền thống anh hùng bất khuất, kiên cường của nhân dân ta; làm cho cả nước sục sôi đứng lên chiến đấu với ý chí "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", vì độc lập tự do thiêng liêng của Tổ quốc.

Câu 80. Hãy nêu mục tiêu, tính chất và mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng ta.

- Mục tiêu: đánh bọn thực dân phản động Pháp xâm lược nhằm giành độc lập, thống nhất.

- Tính chất: dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

- Mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ: hoàn thành nhiệm vụ giải phóng đất nước, củng cố và mở rộng chế độ cộng hoà dân chủ. Không tịch thu ruộng

đất của địa chủ phong kiến, chỉ tịch thu ruộng đất và các hạng tài sản khác của Việt gian phản động.

Câu 81. Hãy nêu hai vấn đề có tính chất quyết định đã được Đảng ta tiến hành khi mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

- Phát động kháng chiến đúng lúc.

- Xác định về cơ bản đường lối kháng chiến.

Câu 82. Tác phẩm nào của Trường Chinh đã làm sáng tỏ đường lối kháng chiến chống pháp? Tác phẩm đó được xuất bản lần đầu tiên vào năm nào?

- Kháng chiến nhất định thắng lợi.

- Xuất bản năm 1947.

Câu 83. Khối liên minh ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia thành lập (3/1951) dựa trên những nguyên tắc nào ?

- Tự nguyện.

- Bình đẳng.

- Tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau.

Câu 84. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cứu nước, khái niệm "lực lượng vũ trang ba thứ quân" của ta bao gồm những lực lượng nào?

- Du kích quân.

- Địa phương quân.

- Chủ lực quân.

Câu 85. Mặt trận Liên Việt ra đời trên cơ sở hợp nhất những tổ chức nào? Vào thời gian nào? Ai làm chủ tịch?

- Hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

- Tháng 3 năm 1951.

- Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch.

Câu 86. Nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (02/1951)?

- Tách Đảng Cộng sản Đông Dương ra làm 3 Đảng.

- Thông qua Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Báo cáo Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội của Trường Chinh.

- Thông qua Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam.

- Báo cáo về tổ chức và Điều lệ Đảng sửa đổi,...

Câu 87. Tính chất và mâu thuẫn cơ bản của cách mạng Việt Nam được xác định trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2/1951)?

- Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến.

- Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân với tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đã được giải quyết trong quá trình kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

Câu 88. Đối tượng và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được xác định trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2/1951)?

- Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng, đối tượng chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

- Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Câu 89. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951), Đảng Cộng sản Đông Dương được tách ra thành ba đảng riêng. Hãy cho biết tên gọi của ba đảng đó.

- Đảng Lao động Việt Nam.

- Đảng nhân dân cách mạng Lào.

- Đảng nhân dân cách mạng Campuchia.

Câu 90. Ba nhiệm vụ lớn được Đảng nêu lên tại hội nghị Trung ương lần thứ 2 (10/1951):

- Ra sức tiêu diệt sinh lực địch, tiến tới giành ưu thế quân sự.

- Phá tan âm mưu lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt.

- Củng cố và phát triển sức kháng chiến của toàn quốc, toàn dân, củng cố và phát triển đoàn kết.

Câu 91. Thời gian diễn ra chiến dịch Điện Biên Phủ?

Từ ngày 13/03 đến ngày 07/5/1954.

Câu 92. Trình bày nội dung cơ bản của Hiệp định Giơnevơ được ký kết vào ngày 20/7/1954.

- Ngừng bắn trên toàn chiến trường Đông Dương. Pháp rút quân.

- Các nước tôn trọng độc lập chủ quyền của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

- Việt Nam: bị chia cắt làm hai miền và vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời. Sau hai năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

- Lào: lực lượng kháng chiến có một khu tập kết ở hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ.

- Campuchia: lực lượng kháng chiến không có khu tập kết và phục viên tại chỗ.

Câu 93. Ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ?

Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất của cuộc đọ sức toàn diện và quyết liệt của quân dân Việt Nam với quân đội xâm lược Pháp. Chiến công đó được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.

Câu 94. Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)?

- Có sự lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị và quân sự đúng đắn.

- Có sự đoàn kết chiến đấu toàn dân được tổ chức tập hợp trong Mặt trận dân tộc rộng rãi dựa trên nền tảng của khối liên minh công - nông và trí thức.

- Có lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

- Có chính quyền dân chủ nhân dân - chính quyền của dân, do dân và vì dân.

- Có hậu phương ngày càng mở rộng và củng cố về mọi mặt.

- Có sự liên minh chiến đấu của 3 dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia và được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân các nước XHCN, các dân tộc bị áp bức và các lực lượng hòa bình tiến bộ trên thế giới.

Câu 95. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

- Chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên một nửa nước. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, hoàn thành thống nhất nước nhà.

- Cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị nô dịch vùng lên chống chủ nghĩa đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân, vì độc lập dân tộc và dân chủ tiến bộ, báo hiệu một thời kỳ sụp đổ từng mảng của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, góp phần tích cực vào tiến trình phát triển của cách mạng thế giới.

Câu 96. Kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)?

- Thứ nhất, đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt sâu rộng đường lối đó cho toàn Đảng, toàn dân thực hiện, đó là đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

- Thứ hai, kết hợp chặt chẽ, đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội, trong đó nhiệm vụ tập trung hàng đầu là chống đế quốc giải phóng dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng.

- Thứ ba, thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh để có tiềm lực mọi mặt đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

- Thứ tư, quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài đồng thời tích cực, chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, đưa kháng chiến đến thắng lợi.

- Thứ năm, tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

Câu 97. Kể tên những chiến thắng quân sự tiêu biểu đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi.

- Chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông năm 1947.

- Chiến thắng Biên Giới năm 1950.

- Chiến thắng Tây Bắc năm 1952.

- Chiến thắng Đông - Xuân năm 1953 - 1954.

- Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 98. Đặc điểm tình hình nước ta sau năm 1954?

- Miền Nam: Mỹ hất cẳng Pháp nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, lập phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan xuống các nước Đông Nam Á, lấy miền Nam làm căn cứ để tiến công miền Bắc, bao vây và uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa khác.

- Miền Bắc: Được hoàn toàn giải phóng, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân về cơ bản đã hoàn thành và bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 99. Nội dung cơ bản của nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1/1959):

- Cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

- Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là "giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

- Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân". Đó là con đường "lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Câu 100. Nội dung đường lối chiến lược chung của cả nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đề ra.

- Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước.

- Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

- Mỗi chiến lược có vị trí quan trọng quyết định nhằm giải quyết yêu cầu riêng của từng miền, nhưng cả hai đều hướng vào mục tiêu chung trước mắt là thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc.

<u>Câu 101</u>. Ý nghĩa đường lối chiến lược chung của cả nước được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960).

- Thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ của Đảng.

- Là kết quả của sự vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa chiến tranh và cách mạng, giữa đấu tranh cách mạng và bảo vệ hoà bình vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam.

- Là ngọn cờ dẫn đến thắng lợi rực rỡ của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

<u>Câu 102.</u> Vai trò của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9/1960)?

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

<u>Câu 103</u>. Khái quát quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời kỳ 1954 - 1965.

- 1955 - 1957: Khôi phục kinh tế (trọng tâm là nông nghiệp), hoàn thành cải cách ruộng đất.

- 1958 - 1960: Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong 3 năm.

- 1961 - 1965: Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

<u>Câu 104.</u> Vai trò của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9/1960)?

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

<u>Câu 105.</u> Mối quan hệ giữa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thời kỳ 1954 - 1975?

- Cách mạng hai miền có mục tiêu chung là hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước và thống nhất nước nhà.

- Mối quan hệ giữa cách mạng 2 miền là quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến.

- Cả hai cuộc cách mạng đều kết hợp chặt chẽ và thúc đẩy nhau cùng phát triển.

<u>Câu 106.</u> Sức mạnh của đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ 1954 - 1975?

- Huy động sức mạnh của cả dân tộc.

- Huy động được sức mạnh của ba dòng thác cách mạng thế giới.

Sức mạnh dân tộc cùng với sức mạnh thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp. Nhờ đó, dân tộc ta đã đánh được Mỹ và thắng được Mỹ.

Câu 107. Khái quát quá trình Đảng lãnh đạo đánh thắng Chiến lược chiến tranh đơn phương của đế quốc Mỹ (1954 - 1960).

Chuyển hình thức, phương pháp và tổ chức đấu tranh của cách mạng miền Nam từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị là chủ yếu, thực hiện thế giữ gìn lực lượng. Rồi chuyển dần từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đánh bại Chiến lược chiến tranh đơn phương của đế quốc Mỹ.

Câu 108. Mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng (9/1960)?

Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc, củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Câu 109. Biện pháp thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng xác định (9/1960)?

- Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân sang làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo XHCN đối với nông nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh,…

- Xây dựng lực lượng sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, phát triển kinh tế quốc doanh.

- Thực hiện công nghiệp hoá bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Đẩy mạnh CMXHCN về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật.

Câu 110. Đại hội nào của Đảng được coi là "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà"?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960).

Câu 111. Nội dung cơ bản của kế hoạch khôi phục kinh tế ở miền Bắc nước ta thời kỳ 1955 - 1957?

Khôi phục kinh tế mà trọng tâm là khôi phục nông nghiệp, tiến hành đồng thời với cải cách ruộng đất.

Câu 112. Kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế ở miền Bắc nước ta thời kỳ 1958 - 1960 được tiến hành như thế nào?

- Đối với nông nghiệp: hợp tác hoá nông nghiệp.

- Đối với tiểu thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ: hợp tác xã.

- Đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh: cải tạo hoà bình với hình thức chuộc lại, trả dần và công tư hợp doanh.

Câu 113. Nội dung của cuộc vận động "ba xây, ba chống" trong công nghiệp và thương nghiệp ở miền Bắc nước ta được Trung ương Đảng phát động vào tháng 7/1963?

- Ba xây: Nâng cao ý thức trách nhiệm; tăng cường quản lý kinh tế tài chính; cải tiến kỹ thuật.

- Ba chống: Quan liêu, tham ô, lãng phí.

Câu 114. Nội dung cơ bản của phong trào "Ba sẵn sàng" trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước do Đoàn thanh niên phát động ngày 09/8/1964?

- Sẵn sàng chiến đấu.

- Sẵn sàng nhập ngũ.

- Sẵn sàng đi bất cứ nơi nào khi Tổ quốc cần đến.

Câu 115. Nội dung cơ bản của phong trào "Ba sẵn sàng" trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước do Đoàn thanh niên phát động tháng 05/1965?

- Sẵn sàng chiến đấu, nhập ngũ.

- Sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, công tác và học tập.

- Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần.

Câu 116. Những điển hình thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965)?

- Nông nghiệp : Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình).

- Công nghiệp: Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng).

- Tiểu thủ công nghiệp: Hợp tác xã Thành Công (Thanh Hóa).

- Quân đội: Cờ ba nhất .

- Giáo dục: Trường Bắc Lý (Hà Nam).

Câu 117. Những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong thời kỳ 1954 - 1975?

- Kiến lập mô hình kinh tế - xã hội xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ ở miền Bắc.

- Đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại bằng phương tiện và kỹ thuật hiện đại của đế quốc Mỹ.

- Làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ của hậu phương đối với tiền tuyến lớn.

Câu 118. Trong thời kỳ 1954 - 1975, trên chiến trường miền Nam, nhân dân ta đã đánh bại những chiến lược chiến tranh nào của đế quốc Mỹ?

- Chiến tranh đơn phương (1954 - 1960).

- Chiến tranh đặc biệt (1961 - 1965).

- Chiến tranh cục bộ (1965 - 1968).

- Việt Nam hoá chiến tranh (1969 - 1975).

Câu 119. Tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết về Đường lối cách mạng miền Nam được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 khoá II (01/1959)?

- Nhân dân miền Nam phải sử dụng con đường cách mạng bạo lực để tự giải phóng mình, ngoài ra, không có con đường nào khác.

- Phương hướng phát triển cơ bản là chuẩn bị để tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

- Phương thức khởi nghĩa là dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Câu 120. Thắng lợi của phong trào cách mạng miền Nam dưới ánh sáng của Nghị quyết về Đường lối cách mạng miền Nam được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 khóa II (01/1959)?

- Cục diện cách mạng miền Nam chuyển biến rất mau lẹ: phát triển thành cao trào Đồng khởi trên toàn miền Nam.

- Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn.

- Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

- Cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 121. Chủ trương của Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 01/1961 và tháng 02/1962 đối với cách mạng miền Nam?

- Tiếp tục giữ vững tư tưởng chiến lược tiến công.

- Đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị.

- Tiến công địch trên cả 3 vùng chiến lược, bằng 3 mũi giáp công.

Câu 122. Những chiến thắng vang dội của lực lượng vũ trang miền Nam trong thời kỳ đánh bại Chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ?

- Chiến thắng Ấp Bắc (1963).

- Chiến thắng Bình Giã (1964).

- Chiến thắng Ba Gia - Đồng Xoài (1965).

Câu 123. Phương châm chiến lược chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được xác định tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 (3/1965) và lần thứ 12 (12/1965)?

Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả 2 miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

Câu 124. Chủ trương chuyển hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc giai đoạn 1965 - 1975?

- Chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại, bảo đảm yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

- Phải tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển của tình hình cả nước có chiến tranh.

- Ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất.

- Phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức đi đôi với chuyển hướng kinh tế và tăng cường quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới.

Câu 125. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Trung ương cục miền Nam (R) được thành lập vào thời gian nào? Đồng chí nào được chỉ định làm Bí thư Trung ương Cục?

- Tháng 10/1961.

- Nguyễn Văn Linh.

Câu 126. Sau chiến thắng nào quân dân miền Nam rút ra cách đánh Mỹ: "Nắm thắt lưng địch mà đánh" và một cao trào đánh Mỹ, diệt Ngụy dấy lên mạnh mẽ trên toàn miền Nam?

Chiến thắng Vạn Tường ở Quảng Ngãi (tháng 8/1965).

Câu 127. Nội dung cơ bản của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 18 khóa III (01/1970)?

- Cách mạng miền Nam cần phải khắc phục những thiếu sót trên chiến trường miền Nam.

- Tình hình Campuchia sẽ diễn biến phức tạp, cách mạng miền Nam cần đề phòng đối phó.

- Chủ trương kiên trì đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tiếp tục phát triển chiến lược tiến công, ra sức xây dựng mọi mặt, chú trọng công tác hậu cần, đánh bại âm mưu xuống thang từng bước và kéo dài chiến tranh của Mỹ, đề phòng việc Đông Dương hoá chiến tranh của chúng.

Câu 128. Ý nghĩa của hiệp định Pa-ri - Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam?

Đè bẹp ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Câu 129. Chủ trương của Hội nghị Ban Chấp hành trung ương lần thứ 21 khóa III (7/1973)?

Bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công. Nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết, vừa cơ bản trong giai đoạn cách mạng mới. Tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Câu 130. Hãy kể tên các đoàn đại biểu tham dự Hội nghị bốn bên tại Pa-ri (từ tháng 01/1969) để giải quyết vấn đề của miền Nam Việt Nam.

- Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam .

- Đoàn Mỹ.

- Đoàn Ngụy quyền Sài Gòn.

Câu 131. Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời vào thời gian nào? Do ai làm Chủ tịch?

- Ngày 06 tháng 6 năm 1969.

- Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát.

<u>Câu 132.</u> Những đồng chí nào được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cử làm tư lệnh, làm chính ủy trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975)?

- Tư lệnh: Đại tướng Văn Tiến Dũng.

- Chính ủy: Phạm Hùng.

<u>Câu 133.</u> Sau khi Trung ương Cục được thành lập, ngay trong năm 1961, các tổ chức đoàn thể quần chúng nào đã lần lượt ra đời và phát triển làm hậu thuẫn cho sự nghiệp giải phóng miền Nam?

- Hội phụ nữ giải phóng miền Nam (08/3/1961).
- Hội lao động giải phóng miền Nam (27/4/1961).
- Hội văn nghệ giải phóng miền Nam (17/ 7/1961).
- Uỷ ban đoàn kết Á- Phi của miền Nam (20/ 7/1961).
- Uỷ ban bảo vệ hoà bình thế giới của miền Nam Việt Nam (15/10/1961).
- Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam (01/11/1961).

<u>Câu 134</u>. Để giải phóng hoàn toàn miền Nam, nhân dân ta đã tiến hành bao nhiêu chiến dịch? Đó là những chiến dịch nào?

- Ba chiến dịch.

- Chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh.

<u>Câu 135.</u> Nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Là kết quả của cuộc đấu tranh đầy hi sinh gian khổ của quân đội và nhân dân cả nước, đặc biệt là của cán bộ chiến sĩ và đồng bào yêu nước miền Nam.

- Là thắng lợi của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, của đồng bào và chiến sĩ ở miền Nam.

- Là kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam - Lào - Campuchia và sự ủng hộ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ.

<u>Câu 136.</u> Ý nghĩa dân tộc của thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

Quét sạch bọn đế quốc xâm lược, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hoàn thành trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

<u>Câu 137.</u> Ý nghĩa thời đại của thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

Nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược qui mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau chiến tranh thế giới II, làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở đầu sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần tăng cường lực lượng của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình thế giới.

Câu 138. Bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

- Đảng đã tìm ra được phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo.

- Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu tài giỏi của Đảng qua các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội.

- Đảng ta hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước.

Câu 139. Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960).

Xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Câu 140. Vai trò công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đảng khẳng định như thế nào?

Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 141. Đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của Đảng được hình thành và bắt đầu thực hiện từ khi nào?

Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960).

Câu 142. Cho biết những mốc chính trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa giai đoạn trước đổi mới?

- 1960 - 1975: Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

- 1975 - 1885: Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước.

Câu 143. Đặc điểm lớn nhất chi phối sự hình thành đường lối công nghiệp hóa của Đảng từ năm 1960 đến năm 1975?

Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Câu 144. Tính tất yếu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)?

Muốn cải biến tình trạng kinh tế lạc hậu của nước ta, không có con đường nào khác, ngoài con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Câu 145. Nội dung chính của công nghiệp hóa thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)?

Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Câu 146. Những nội dung cơ bản về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được bổ sung trong giai đoạn 1960 – 1975?

- Xây dựng và phát triển công nghiệp miền Bắc trong kế hoạch 5 năm 1960 - 1965. (Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy, khóa III, 4/1962).

- Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng. (Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ mười, khóa III, năm1964).

- Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. (Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ mười chín, khóa III, 3/1971).

Câu 147. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) đề ra nội dung chính của công nghiệp hóa của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như thế nào?

"Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công-nông-nghiệp".

Câu 148. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982) đề ra nội dung chính của công nghiệp hóa trong chặng đường trước mắt của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như thế nào?

- Lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu.

- Ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Câu 149. Những đặc trưng chủ yếu của Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới (1960 - 1985)?

- Công nghiệp hóa theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng.

- Chủ yếu dựa vào lợi thế lao động, tài nguyên đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa; chủ lực thực hiện công nghiệp hóa là Nhà nước và các doanh nghiệp Nhà nước.

- Nóng vội, giản đơn, chủ quan duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đúng mức đến hiệu quả kinh tế xã hội.

Câu 150. Thành quả cơ bản của công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới (1960 - 1985)?

- Nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành, đã có nhiều cơ sở đầu tiên cho các ngành công nghiệp nặng quan trọng như điện, than, cơ khí, luyện kim, hóa chất được xây dựng.

- Đã có hàng chục trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật.

Câu 151. Những sai lầm nào xuất phát từ chủ quan duy ý chí trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới (1960 - 1985)?

Sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định mục tiêu, bước đi về cơ sở vật chất kỹ thuật, bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư,…

Câu 152. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) đã xác định nhiệm vụ bao trùm trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là gì?

Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo.

Câu 153. Nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1986 - 1990 được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986)?

Tập trung sức người sức của thực hiện ba chương trình mục tiêu là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Câu 154. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa được nêu lên tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 khóa VII (1/1994).

"Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ của khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao".

Câu 155. Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa được nêu lên tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6/1996).

- Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế; dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa ngoại lực từ bên ngoài; xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước là chủ đạo.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Khoa học và công nghệ là động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

- Lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Câu 156. Những điểm mới về công nghiệp hóa được bổ sung tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4/2001), lần thứ X (4/2006).

- Con đường công nghiệp hóa ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước.

- Hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Câu 157. Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xác định tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 khóa VII (1/1994).

"Cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Câu 158. Mục tiêu cụ thể của công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006).

Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Câu 159. Những quan điểm cơ bản của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới?

- Một là, công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- Hai là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Ba là, lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho việc phát triển nhanh và bền vững.

- Bốn là, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Năm là, phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

Câu 160. Định nghĩa về kinh tế tri thức theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD)?

Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 161. Tại sao công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta phải gắn với kinh tế tri thức?

Nước ta thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa khi trên thế giới kinh tế tri thức đã phát triển. Nước ta có thể và cần thiết không trải qua các bước phát triển

tuần tự từ kinh tế nông nghiệp lên kinh tế công nghiệp rồi mới phát triển kinh tế tri thức. Đó là lợi thế của các nước đi sau.

Câu 162. Vì sao trong đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta hiện nay, Đảng ta chủ trương lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững?

Trong năm yếu tố chủ yếu để tăng trưởng kinh tế, con người là yếu tố quyết định. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, trong đó lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ, khoa học quản lý và đội ngũ công nhân lành nghề giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Câu 163. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đã xác định vai trò của kinh tế tri thức như thế nào?

Kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hoá.

Câu 164. Nội dung cơ bản của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006) đề ra?

- Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, từng dự án kinh tế - xã hội.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ.

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng xuất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

Câu 165. Trình bày định hướng phát triển các ngành và các lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức?

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

- Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

- Phát triển kinh tế vùng.

- Phát triển kinh tế biển.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu công nghệ.

- Bảo vệ, sử dụng hiệu qủa tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên.

Câu 166. Vì sao phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn?

Nông nghiệp, nông thôn và nông dân là vấn đề lớn có tầm quan trọng hàng đầu của qúa trình công nghiệp hóa:

- Công nghiệp hóa là quá trình thu hẹp khu vực nông nghiệp, nông thôn và gia tăng khu vực công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và đô thị.

- Nông nghiệp là nơi cung cấp lương thực, nguyên liệu và lao động cho công nghiệp và thành thị, là thị trường rộng lớn của công nghiệp và dịch vụ.

- Nông thôn chiếm đa số dân cư ở thời điểm khi bắt đầu công nghiệp hóa.

Câu 167. Những thành tựu nổi bật của công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ năm 1986 đến nay?

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật của đất nước được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã đạt được những kết quả quan trọng.

- Những thành tựu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện.

Câu 168. Những thành tựu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của đất nước ta?

Những thành tựu có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở phấn đấu để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Câu 169. Hãy cho biết những hạn chế nổi bật của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta trong thời kỳ đổi mới.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực thời kỳ đầu công nghiệp hóa. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp.

- Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Kinh tế vùng chưa có sự liên kết chặt chẽ và chưa được quan tâm đúng mức. Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Câu 170. Nguyên nhân chủ quan của những hạn chế trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta hiện nay là gì?

- Nhiều chính sách, giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực, vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

- Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả. Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện kém hiệu quả.

Câu 171. Chế độ bao cấp được thực hiện dưới các hình thức chủ yếu nào?

- Bao cấp qua giá.

- Bao cấp qua chế độ tem phiếu.

- Bao cấp theo chế độ cấp phát vốn của ngân sách.

Câu 172. Biểu hiện của hình thức bao cấp qua giá?

Nhà nước quyết định giá trị tài sản, thiết bị, vật tư, hàng hóa thấp hơn giá trị thực của chúng nhiều lần so với giá thị trường. Do đó, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức.

Câu 173. Biểu hiện của hình thức bao cấp qua chế độ tem phiếu?

Nhà nước quy định chế độ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên theo định mức qua hình thức tem phiếu. Chế độ tem phiếu với mức giá khác xa so với giá thị trường đã biến chế độ tiền lương thành lương hiện vật, thủ tiêu động lực kích thích người lao động và phá vỡ nguyên tắc phân phối theo lao động.

Câu 174. Đặc điểm chủ yếu của cơ chế kế hoạch hóa tập trung?

- Nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết từ trên xuống dưới.

- Các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với chính sách quyết định của mình.

- Quan hệ hàng hóa - tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu.

- Bộ máy quản lý cồng kềnh, nhiều cấp trung gian vừa kém năng động vừa sinh ra đội ngũ quản lý kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu.

Câu 175. Tác dụng của chế độ bao cấp trong thời kì kinh tế còn tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng?

Chế độ bao cấp trong thời kỳ kinh tế còn tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng cho phép tập trung tối đa các nguồn lực kinh tế vào các mục tiêu chủ yếu trong từng giai đoạn và điều kiện cụ thể, đặc biệt trong quá trình công nghiệp hóa theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Câu 176. Những hạn chế của chế độ bao cấp?

- Thủ tiêu cạnh tranh.

- Kìm hãm tiến bộ khoa học - công nghệ.

- Triệt tiêu động lực kinh tế đối với người lao động.

- Không kích thích tính năng động, sáng tạo của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Câu 177. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII?

Nhận thức về kinh tế thị trường có sự thay đổi căn bản và sâu sắc:

- Kinh tế thị trường không phải là cái riêng của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.

- Kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Câu 178. Đặc điểm chủ yếu của kinh tế thị trường?

- Các chủ thể kinh tế có tính độc lập, có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, lỗ, lãi tự chịu.

- Giá cả cơ bản do cung cầu điều tiết, hệ thống thị trường phát triển đồng bộ và hoàn hảo.

- Nền kinh tế có tính mở cao và vận hành theo quy luật vốn có của kinh tế thị trường như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, quy luật lưu thông tiền thị trường.

- Có hệ thống pháp quy kiện toàn và sự quản lý vĩ mô của nhà nước.

Câu 179. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng xác định như thế nào là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

Là "một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội".

Câu 180. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là gì?

Làm cho các thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 181. Những căn cứ thực tế để Đảng đi đến quyết định thay đổi căn bản cơ chế quản lý kinh tế?

- Khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo Chỉ thị số 100-CT/TƯ của Ban Bí thư Trung ương khóa IV.

- Bù giá vào lương ở Long An.

- Nghị quyết Trung ương 8 khóa V (1985) về giá- lương- tiền.

- Tình hình thực hiện Nghị định số 25-CP và 26-CP của Chính phủ.

Câu 182. Điểm giống nhau giữa kinh tế hàng hóa và kinh tế thị trường ?

- Nhằm sản xuất ra để bán.

- Nhằm mục đích giá trị và đều trao đổi thông qua quan hệ hàng hóa - tiền tệ.

- Dựa trên cơ sở phân công lao động xã hội và các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất.

- Làm cho những người sản xuất vừa độc lập vừa phụ thuộc vào nhau.

Câu 183: Điểm khác nhau giữa kinh tế hàng hóa và kinh tế thị trường?

- Kinh tế hàng hóa ra đời từ kinh tế tự nhiên, nhưng còn nhà nước ở trình độ thấp, chủ yếu là sản xuất hàng hóa tư nhân, quy mô nhỏ bé, kỹ thuật thủ công, năng suất thấp.

- Kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa phát triển cao. Kinh tế thị trường lấy khoa học, công nghệ hiện đại làm cơ sở và nền sản xuất xã hội hóa cao.

Câu 184. Vì sao Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng khẳng định việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành nhu cầu cần thiết và cấp bách?

Vì việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và đẻ ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Câu 185. Quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng về mục đích phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

- Thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- Giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao cao đời sống nhân dân.

- Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Câu 186. Phương hướng của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng về phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, trong mỗi cá nhân và mọi vùng miền…phát huy tối đa nội lực để phát triển nhanh nền kinh tế.

Câu 187. Mục tiêu cơ bản để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta đến năm 2020:

Làm cho các thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng XHCN, phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng XHCN, xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN

Câu 188. Định hướng xã hội của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng về ở nước ta nhận định là gì?

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển và chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. hạn chế tác động tiêu cực của kinh tế thị trường.

Câu 189. Nêu một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại hình thị trường

- Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lí của nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 190. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong lĩnh vực phân phối như thế nào?

- Phân phối chủ yếu theo kết quả lao động.

- Phân phối theo hiệu quả kinh tế.

- Phân phối theo phúc lợi xã hội.

- Phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

Câu 191. Tiêu chí thể hiện sự khác biệt giữa kinh thế thị trường tư bản chủ nghĩa với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

- Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân.

- Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết của nền kinh tế của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 192. Vai trò của kinh tế nhà nước?

- Là lực lượng vật chất để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển.

-Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Câu 193. Tên gọi của hệ thống chính trị ở nước ta qua các giai đoạn lịch sử?

- Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945 - 1954).

- Hệ thống chuyên chính vô sản (1955 - 1989).

- Hệ thống chính trị (từ 3/1989 đến nay).

Câu 194. Nhiệm vụ của hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (giai đoạn 1945-1954)?

Thực hiện đường lối cách mạng "Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội".

Câu 195. Cơ sở hình thành hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta?

- Lý luận Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và về chuyên chính vô sản.

- Đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Cơ sở chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta được hình thành từ năm 1930 và bắt rễ vững chắc trong lòng dân tộc và xã hội.

- Cơ sở kinh tế của hệ thống chuyên chính vô sản là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

- Cơ sở xã hội của hệ thống chuyên chính vô sản là liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức

Câu 196. Thế nào là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa?

Xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh các quan hệ xã hội thể hiện ngày càng đầy đủ sự làm chủ của nhân dân lao động trên tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Câu 197. Trong chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng được xác định như thế nào?

Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản. Sự lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cao nhất cho chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, cho sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 198. Trong chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam, quyền làm chủ của nhân dân được xác định như thế nào?

Quyền làm chủ của nhân dân được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức.

Câu 199. Trong chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam, việc xây dựng nhà nước được xác định như thế nào?

Nhà nước trong thời kỳ quá độ là "Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa", là một tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một tổ chức thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối của mình đối với tiến trình phát triển của xã hội.

Câu 200. Trong chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được xác định như thế nào?

Bảo đảm cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước, đồng thời là trường học về chủ nghĩa xã hội.

Câu 201. Trong chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam, cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội được xác định như thế nào?

Mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Câu 202. Nguyên nhân chủ quan dẫn đến sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm với nhiệm vụ trong giai đoạn 1975 - 1986?

- Duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp.

- Hệ thống chuyên chính vô sản có biểu hiện bảo thủ, trì trệ, chậm đổi mới.

- Bệnh chủ quan, duy ý chí; tư tưởng tiểu tư sản vừa "tả" khuynh, vừa "hữu" khuynh trong vai trò lãnh đạo của Đảng.

Câu 203. Việc thực hiện đường lối của Đảng giai đoạn 1975-1986 còn những hạn chế gì?

- Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ở từng cấp, từng đơn vị chưa được xác định thật rõ; mỗi bộ phận, mỗi tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản

chưa làm tốt chức năng của mình. Chế độ trách nhiệm không nghiêm, pháp chế xã hội chủ nghĩa còn nhiều thiếu sót.

- Bộ máy nhà nước cồng kềnh và kém hiệu quả.

- Sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm những nhiệm vụ của giai đoạn mới.

- Đảng chưa phát huy tốt vai trò và chức năng của các đoàn thể trong việc giáo dục, động viên quần chúng tham gia quản lý kinh tế - xã hội.

Câu 204. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị dựa trên những nhận thức nào?

- Nhận thức mới về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị.

- Nhận thức mới về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị

- Nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Nhận thức mới về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị

- Nhận thức mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị.

- Nhận thức mới về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị.

Câu 205. Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị?

Bắt đầu từ đổi mới kinh tế, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị.

- Đổi mới thành công về kinh tế mới tạo điều kiện cơ bản để đổi mới hệ thống chính trị thuận lợi.

- Hệ thống chính trị được đổi mới kịp thời, phù hợp sẽ là điều kiện quan trọng để thúc đẩy đổi mới và phát triển kinh tế.

Câu 206. Nhận thức của Đảng về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Câu 207. Quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng về mối quan hệ giữa các giai cấp.

Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 208. Nhận thức của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng về nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn mới.

- Thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển.

- Thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công.

- Đấu tranh ngăn chặn, khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái.

- Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Câu 209. Quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới?

Động lực chủ yếu phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Câu 210. Nhận thức mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị được xác định từ 1991 đến nay?

- Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật;

- Pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội;

- Người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền tự do sống và làm việc theo khả năng và sở thích của mình trong phạm vi pháp luật cho phép.

Câu 211. Nêu nhận thức về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị.

- Đảng Cộng sản cầm quyền là Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không làm thay Nhà nước.

- Đảng quan tâm xây dựng củng cố Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội, phát huy vai trò của các thành tố này trong quản lý, điều hành xã hội.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Câu 212. Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị?

- Nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

- Nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Câu 213. Quan điểm xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới là gì?

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị.

- Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội.

Câu 214. Hệ thống chính trị nước ta gồm những yếu tố nào?

- Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Mặt trận Tổ quốc và năm đoàn thể chính trị - xã hội.

Câu 215. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị tập trung vào những nội dung nào?

- Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị.

- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị.

Câu 216. Theo Cương lĩnh năm 1991 của Đảng, phương thức lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị được xác định như thế nào?

Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Câu 217. Theo Cương lĩnh năm 1991 của Đảng, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị được xác định như thế nào?

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hành động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Câu 218. Những đặc điểm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa?

- Đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và đảm bảo cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Nhà nước tôn trọng và đảm bảo quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một Đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận.

Câu 219. Biện pháp để xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị?

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính.

- Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

Câu 220. Vai trò chủ yếu của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội?

- Tập hợp vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân.

- Đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng.

- Giám sát và phản biện xã hội.

Câu 221. Những thành tựu đạt được trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới hệ thống chính trị của Đảng?

- Đảng đã thường xuyên coi trọng việc đổi mới và tự chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong điều kiện mới.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh.

- Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội đã có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức để tập hợp ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân;

Câu 222. Nhược điểm trong thực tế vận hành hệ thống chính trị.

Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa ngang tầm với đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ mới.

Câu 223. Nguyên tắc của nền văn hóa mới được xác định trong Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943 là gì?

- Dân tộc hóa.

- Đại chúng hóa.

- Khoa học hóa.

Câu 224. Hai nhiệm vụ cấp bách về văn hóa được xác định trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ (9/1945)?

- Chống nạn mù chữ.

- Giáo dục lại tinh thần nhân dân.

Câu 225. Bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam bao gồm những giá trị văn hóa gì?

Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị văn hóa bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước:

- Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc.

- Đó là lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, là đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động.

- Sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống.

Câu 226. Trình bày quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa trong thời kỳ đổi mới.

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội.

- Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

- Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

- Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Câu 227. Mục tiêu của đường lối xây dựng và phát triển văn hóa trong giai đoạn 1955 - 1986?

Làm cho nhân dân thoát nạn mù chữ và thói hư tật xấu do xã hội cũ để lại, có trình độ văn hóa ngày càng cao, có hiểu biết cần thiết về khoa học, kỹ thuật tiên tiến để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa.

Câu 228. Tính chất "tiên tiến" trong nền văn hóa Việt Nam được hiểu như thế nào?

Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu tất cả vì con người. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

Câu 229. Quan điểm của Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII về vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ?

- Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Câu 230. Vai trò của văn hóa đối với vấn đề bảo vệ môi trường?

Văn hóa giúp hạn chế lối sống chạy theo ham muốn quá mức của "xã hội tiêu thụ", dẫn đến chỗ làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường sinh thái.

Câu 231. Trình bày quan điểm của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới.

- Một là, kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội

- Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.

- Ba là, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

- Bốn là, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI), và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

Câu 232. Chính sách xã hội cấp bách được Đảng ta xác định trong giai đoạn 1945 - 1954?

Làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành. Tiếp sau đó là làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm.

Làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có ở, làm cho dân được học hành.

Câu 233. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong giai đoạn 1955 - 1975?

Các vấn đề xã hội được giải quyết trong mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, trong hoàn cảnh chiến tranh. Chế độ phân phối về thực chất là theo chủ nghĩa bình quân. Nhà nước và tập thể đáp ứng các nhu cầu xã hội thiết yếu bằng chế độ bao cấp tràn lan dựa vào viện trợ.

Câu 234. Hạn chế trong thực hiện chính sách xã hội thời kỳ trước đổi mới?

Trong xã hội đã hình thành tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể trong cách giải quyết các vấn đề xã hội; chế độ phân phối trên thực tế là bình quân - cào bằng không khuyến khích những đơn vị, cá nhân làm tốt, làm giỏi… đã hình thành một xã hội đóng, ổn định nhưng kém năng động, chậm phát triển về nhiều mặt.

Câu 235. Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế trong thực hiện chính sách xã hội thời kỳ trước đổi mới?

Chưa đặt đúng tầm chính sách xã hội trong quan hệ với chính sách thuộc các lĩnh vực khác, đồng thời lại áp dụng và duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

Câu 236. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới?

- Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói, giảm nghèo.

- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.

- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.

- Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.

- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

Câu 237. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trong chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong thời kỳ đổi mới?

- Tăng trưởng kinh tế vẫn tách rời mục tiêu và chính sách xã hội, chạy theo số lượng, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển xã hội.

- Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 238. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội trong giai đoạn 1975 - 1985?

Các vấn đề xã hội được giải quyết theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, trong hoàn cảnh đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế- xã hội nghiêm trọng, nguồn viện trợ giảm dần, bị bao vây, cô lập và cấm vận.

Câu 239. Nội dung đường lối đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng Tháng Tám thành công?

- Về mục tiêu đối ngoại: góp phần đưa nước nhà đến độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn.

- Về nguyên tắc đối ngoại: lấy nguyên tắc của Hiến chương Đại Tây Dương làm nền tảng.

- Về phương châm đối ngoại: quán triệt quan điểm độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

Câu 240. Chủ trương đối ngoại của Đảng ta được thông qua tại Hội nghị Trung ương lần 8 (5/1941)?

- Giải quyết vấn đề dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc tự quyết trong khuôn khổ từng nước Đông Dương.

- Xác định cách mạng Đông Dương là một bộ phận cách mạng thế giới và trong giai đoạn hiện tại là một bộ phận dân chủ chống phát xít.

Câu 241. Nhiệm vụ ngoại giao của Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được đề ra trong chương trình Việt Minh?

- Hủy bỏ tất cả các hiệp ước mà Pháp đã ký với bất kỳ nước nào.

- Tuyên bố các dân tộc bình đẳng và hết sức giữ hòa bình.

- Kiên quyết chống tất cả các lực lượng xâm phạm đến quyền lợi của nước Việt Nam.

- Mật thiết liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới.

Câu 242. Chủ trương đối ngoại của Đảng được thông qua tại Hội nghị toàn quốc ở Tân Trào?

- Thân thiện hợp tác và bình đẳng với các nước trên nguyên tắc tôn trọng nền độc lập của Việt Nam.

- Thêm bạn bớt thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn và phân hóa hàng ngũ đối phương. Hết sức tránh một mình đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc.

- Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của Liên Xô, của nhân dân yêu chuộng hòa bình, độc lập dân tộc trên thế giới, kể cả nhân dân các nước thù địch.

Câu 243. Phương châm đối ngoại của Đảng ta được Hồ Chí Minh nêu ra trong "Lời kêu gọi Liên Hợp Quốc"?

- Nền ngoại giao của nước Việt Nam mới quán triệt quan điểm độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

- Trong quan hệ quốc tế, phải nắm vững phương châm kiên trì về nguyên tắc, giữ vững chiến lược, nhưng mềm dẻo, linh hoạt về sách lược.

- Mục đích bất di, bất dịch của ta vẫn là hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì phải linh hoạt.

Câu 244. Chính sách đối ngoại của Đảng sau khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

- Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống bọn phản động thực dân Pháp.

- Đoàn kết với hai dân tộc Miên, Lào và các dân tộc bị áp bức trong khối Liên hiệp Pháp.

- Thân thiện với các dân tộc Tàu, Xiêm, Miến Điện, Ấn Độ, Nam Dương và các dân tộc yêu chuộng dân chủ, hòa bình trên thế giới.

Câu 245. Những hạn chế của Đảng về hoạt động đối ngoại trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

- Chưa có nhiều kinh nghiệm trong vận dụng tư tưởng độc lập, tự chủ trên mặt trận đối ngoại song phương và đa phương, nhất là trong thời điểm quan hệ giữa các nước lớn đang diễn ra phức tạp.

- Cuộc vận động quốc tế có nhiều lúc thiên về châu Âu hơn là châu Á, Đông Nam Á.

- Nhận thức của ta về chiến lược của các nước lớn có lúc còn chưa sâu, hiểu biết về ngoại giao đa phương còn hẹp.

Câu 246. Kết quả hoạt động đối ngoại của Đảng ta giai đoạn 1945 - 1946?

- Mở ra cục diện đấu tranh ngoại giao góp phần bải vệ nền độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng non trẻ.

- Đặt cơ sở cho việc xây dựng quan hệ với liên hợp quốc và một số nước khác, qua đó nâng cao hình ảnh, uy tín của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Câu 247. Kết quả hoạt động đối ngoại của Đảng ta thời kỳ 1946 - 1975?

Xây dựng được một mặt trận nhân dân thế giới rộng rãi, đoàn kết và ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược. Mặt trận đó bao gồm:

- Các nước xã hội chủ nghĩa.

- Các nước độc lập dân tộc.

- Các lực lượng yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tiến bộ trên thế giới.

Câu 248. Mục tiêu, chủ trương chính sách đối ngoại của Việt Nam được xác định trong "Nghị quyết về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng"?

- Chống chính sách chiến tranh của đế quốc Mỹ, chống Mỹ tổ chức khối xâm lược Đông Nam Á, củng cố hòa bình ở Đông Dương, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và toàn thế giới.

- Đối với Pháp cần tiếp tục dùng hình thức thương lượng và đàm phán để điều chỉnh, tránh quá căng thẳng gây tan vỡ; mở rộng quan hệ kinh tế mậu dịch trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi với Pháp; mở rộng quan hệ với các nước như Ấn Độ, Nam Dương…; phát triển và củng cố tình hữu nghị với Liên Xô, Trung Quốc và tất cả các nước dân chủ nhân dân khác.

Câu 249. Nội dung cơ bản chính sách ngoại giao của Việt Nam được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)

- Tiếp tục tăng cường sự đoàn kết nhất trí giữa nước ta và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu.

- Đối với các nước láng giềng, Việt Nam mong muốn xây dựng và phát triển mối quan hệ tốt trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau…chúng ta sẵn sàng đặt quan hệ hữu nghị với tất cả các nước khác trên cơ sở bình đẳng và hai bên cùng có lợi.

- Đi đôi với việc xây dựng và tăng cường quan hệ với các chính phủ, mở rộng quan hệ hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước.

Câu 250. Nhiệm vụ đối ngoại được nêu ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV của Đảng (12/1976) là:

Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Câu 251. Chủ trương đối ngoại được nêu ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV của Đảng (12/1976) là:

- Củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia; sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực; thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Câu 252. Chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng được điều chỉnh từ giữa năm 1978?

- Trong quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đặc biệt chú trọng củng cố, tăng cường hợp tác mọi mặt với Liên Xô, coi quan hệ với Liên Xô là *hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại*.

- Nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn biến phức tạp.

- Góp phần xây dựng khu vực Đông Nam Á hòa bình, tự do, trung lập và ổn định.

- Đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Câu 253. Nội dung công tác đối ngoại được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982)?

- Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.

- Xác định quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của 3 dân tộc.

- Kêu gọi các nước ASEAN hãy cùng các nước Đông Dương đối thoại và thương lượng để giải quyết các trở ngại nhằm xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình và ổn định.

- Khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

- Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị.

Câu 254. Thành tựu của đường lối đối ngoại giai đoạn từ năm 1975 -1986?

- Quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa được tăng cường, đặc biệt là với Liên Xô.

- Từ năm 1975 đến 1977, Việt Nam đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước.

- Thiết lập quan hệ với các nước trong khối ASEAN.

- Tham gia nhiều tổ chức quan trọng của thế giới.

Câu 255. Thành tựu, ý nghĩa của hoạt động đối ngoại trong giai đoạn 1975 - 1986?

- Tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể, góp phần khôi phục đất nước sau chiến tranh.

- Tranh thủ được sự ủng hộ, hợp tác của các nước, các tổ chức quốc tế; đồng thời, phát huy được vai trò của nước ta trên trường quốc tế.

- Tạo thuận lợi để triển khai các hoạt động đối ngoại trong giai đoạn sau nhằm xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

Câu 256. Những hạn chế của hoạt động đối ngoại giai đoạn 1975 - 1986?

Quan hệ quốc tế gặp khó khăn, trở ngại lớn. Nước ta bị bao vây, cô lập, trong đó đặc biệt là từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, lấy cớ sự kiện Campuchia, các nước ASEAN và một số nước khác thực hiện bao vây, cấm vận Việt Nam.

Câu 257. Những Nguyên nhân của hoạt động đối ngoại giai đoạn 1975 - 1986?

- Chưa nắm bắt được xu thế chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn và chạy đua kinh tế trên thế giới; nên, đã không tranh thủ được các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

- Không kịp thời đổi mới quan hệ đối ngoại cho phù hợp với tình hình.

- Chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan.

Câu 258. Mục tiêu chiến lược của chính sách đối ngoại theo quan điểm Nghị quyết 13 (5/1988) của Bộ Chính trị?

Củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế.

Câu 259. Chủ trương đối ngoại được xác định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng?

Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Câu 260. Thành tựu của hoạt động đối ngoại giai đoạn 1986 - 1996 được tổng kết tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng?

- Nước ta đã phá được thế bao vây, cô lập, mở rộng quan hệ quốc tế trên phạm vi rộng lớn.

- Lần đầu tiên việt Nam có quan hệ chính thức với tất cả các nước lớn, kể cả 5 nước Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

- Tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định trong nước và khu vực, mở đường cho quan hệ hợp tác với bên ngoài.

- Những thành tựu về kinh tế, chính trị và quan hệ quốc tế sau mười năm đổi mới đã nâng cao thế và lực Việt Nam trên trường quốc tế.

Câu 261. Những điểm mới về chủ trương đối ngoại của Đại hội VIII so với Đại hội VII?

- Một là, chủ trương mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác.

- Hai là, quán triệt yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ.

- Ba là, chủ trương thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

Câu 262. Quan điểm đối ngoại, được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006)?

- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển.

- Chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu 263. Mục tiêu, nhiệm vụ của công tác đối ngoại được đề ra tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006)?

Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Câu 264. Nhiệm vụ của công tác đối ngoại được đề ra tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (4/2006)?

- Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế là để tạo thêm nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

- Kết hợp nội lực với ngoại lực tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

- Phát huy vai trò và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Câu 265. Quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng về *"xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ"*?

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Câu 266. Quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng về nội dung của chủ động hội nhập kinh tế quốc tế?

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế, không để rơi vào thế bị động; phân tích lựa chọn phương thức hội nhập đúng, dự báo được những tình huống thuận lợi và khó khăn khi hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu 267. Quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng về nội dung của tích cực hội nhập kinh tế quốc tế?

Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là khẩn trương chuẩn bị, điều chỉnh, đổi mới bên trong, từ phương thức lãnh đạo, quản lý đến hoạt động thực tiễn; từ trung ương đến địa phương, doanh nghiệp; khẩn trương xây dựng lộ trình, kế hoạch, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế; tích cực nhưng phải thận trọng, vững chắc.

Câu 268. Tư tưởng chỉ đạo của đường lối đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế?

- Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính.

- Giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

- Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế.

- Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ, không phân biệt chế độ chính trị xã hội.

- Kết hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

- Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài.

- Đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Câu 269. Những chủ trương lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Hội nghị trung ương lần thứ 4, khóa X (02/2007)?

- Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp.

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của tổ chức WTO.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu 270. Những chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế?

- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập.

- Xây dựng và vận hành có hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội như: giáo dục, bảo hiểm y tế, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng có hại cho môi trường,...

- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập.

- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

Câu 271. Thành tựu của đường lối đối ngoại đổi mới hơn 20 năm qua?

- Phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

- Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế.

- Thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý.

- Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

Câu 272. Ý nghĩa của đường lối đối ngoại đổi mới hơn 20 năm qua?

- Tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài kết hợp với các nguồn lực trong nước hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn.

- Góp phần giữ vững và củng cố độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Giữ vững an ninh quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc.

- Nâng cao vị thế và phát huy vai trò nước ta trên trường quốc tế.

Câu 273. Hạn chế qua hơn 20 năm đổi mới hoạt động đối ngoại?

- Trong quan hệ với các nước, nhất là nước lớn, còn lúng túng và bị động. Chưa xây dựng được quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau với các nước.

- Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ, gây khó khăn trong việc thực hiện các cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế.

<u>Câu 274.</u> Nguyên nhân của hạn chế qua hơn 20 năm đổi mới hoạt động đối ngoại?

- Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết.

- Doanh nghiệp nước ta hầu hết qui mô nhỏ, yếu kém cả về quản lý và công nghệ; trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trình độ trang thiết bị lạc hậu; kết cấu hạ tầng và các ngành dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất kinh doanh đều kém phát triển và có chi phí cao hơn các nước trong khu vực.

- Đội ngũ cán bộ lĩnh vực đối ngoại nhìn chung chưa đáp ứng nhu cầu cả về số lượng và chất lượng; cán bộ doanh nghiệp ít hiểu biết về luật pháp quốc tế, về kỹ thuật kinh doanh.

TỰ LUẬN

<u>Chủ đề 1</u>: Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động đến sự chuyển biến về xã hội, các giai cấp và mâu thuẫn của xã hội Việt Nam như thế nào?

Sau khi cơ bản hoàn thành giai đoạn vũ trang xâm lược nước ta, Pháp tiến hành các cuộc khai thác và thiết lập bộ máy thống trị. Chính sách cai trị của Pháp đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam.

1. <u>Chính sách cai trị của thực dân Pháp</u>

- Về chính trị: Thực dân Pháp tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn; chia Việt Nam ra thành 3 xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng, cấu kết với địa chủ.

- Về kinh tế: Thực dân Pháp tiến hành cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; đầu tư vốn khai thác tài nguyên (mỏ than, mỏ thiết, mỏ kẽm…); xây dựng một số cơ sở công nghiệp (điện, nước); xây dựng hệ thống đường bộ, đường thuỷ, bến cảng phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của nước Pháp.

- Về văn hoá: Thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hoá giáo dục thực dân; dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu…

2. Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam

- Giai cấp địa chủ Việt Nam: Giai cấp địa chủ chiếm khoảng 7% cư dân nông thôn nhưng đã nắm trong tay 50% diện tích ruộng đất. Sự cấu kết giữa giai cấp địa chủ với thực dân Pháp gia tăng trong quá trình tổ chức cai trị của người Pháp. Tuy nhiên, trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hoá, một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước, căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức khác nhau.

- Giai cấp nông dân: Là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam (chiếm khoảng 90% dân số), bị thực dân và phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề.

- Giai cấp công nhân Việt Nam: Ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, giai cấp công nhân tập trung nhiều ở các thành phố và vùng mỏ. Xuất thân từ giai cấp nông dân, ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, sớm tiếp thu ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, nhanh chóng trở thành một lực lượng tự giác, thống nhất.

- Giai cấp tư sản Việt Nam: Bao gồm tư sản công nghiệp, tư sản thương nghiệp, tư sản nông nghiệp. Trong giai cấp tư sản có một bộ phận kiêm địa chủ. Thế lực kinh tế và địa vị chính trị nhỏ bé và yếu ớt.

- Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam: Bao gồm học sinh, trí thức, thợ thủ công, viên chức và những người làm nghề tự do… Có lòng yêu nước, căm thù đế quốc thực dân và rất nhạy cảm với những tư tưởng tiến bộ bên ngoài vào.

Trong tất cả các giai cấp thì giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp duy nhất xứng đáng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Những mâu thuẫn của xã hội Việt Nam

- Mâu thuẫn cũ - mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến- vẫn tồn tại.

- Xuất hiện mâu thuẫn cơ bản mới: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai. Mâu thuẫn này ngày càng gay gắt và trở thành mâu thuẫn cơ bản chủ yếu.

Kết luận: Xã hội Việt Nam muốn phát triển đi lên phải giải quyết đồng thời cả hai mâu thuẫn. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc không tách rời cuộc đấu tranh giành dân chủ tự do.

Chủ đề 2: Tại sao trong quá trình đi tìm đường cứu nước (1911 - 1920) Nguyễn Ái Quốc đã chọn con đường cách mạng vô sản?

1. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX

Năm 1858, thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên xâm lược nước ta. Nhân dân ta không ngừng đứng lên đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Song, các phong trào yêu nước ở Việt Nam cho đến những năm đầu thế kỷ XX vẫn chưa giành được thắng lợi nào.

Trong đó phải kể đến một số phong trào sau:

1.1. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng Phong kiến

- Phong trào Cần Vương (1885 - 1896): Ngày 13/7/1885 vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương . Phong trào Cần Vương phát triển mạnh ra nhiều địa phương ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Ngày 01/11/1888 vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn tiếp tục đến năm 1896.

- Khởi nghĩa Yên Thế (1884): Nghĩa quân Yên Thế đã đánh thắng Pháp nhiều trận và gây cho chúng nhiều khó khăn thiệt hại. Cuộc chiến đấu của nghĩa quân Yên Thế kéo dài đến năm 1913 thì bị dập tắt.

1.2. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ Tư sản

- Phong trào Đông Du (1906 - 1908): Do Phan Bội Châu lãnh đạo. Phong trào mở đầu cho cuộc vận động giải phóng dân tộc, chủ trương đưa một số thanh niên tiên tiến đi du học và dùng văn thơ yêu nước để thức tỉnh quốc dân.

- Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907): Diễn ra dưới các hình thức tuyên truyền cải cách văn hoá, xã hội, hô hào thực nghiệp, đả phá tư tưởng và lề thói phong kiến, cổ vũ lòng yêu nước,vận động học chữ quốc ngữ.

- Phong trào Duy Tân (1906 - 1908): Vận động cải cách văn hoá, xã hội; động viên lòng yêu nước; đả kích bọn vua quan phong kiến; đề xướng tư tưởng dân chủ tư sản với các yêu cầu "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh".

Kết luận: Tất cả các phong trào đều thất bại và đều bị thực dân Pháp thẳng tay đàn áp. Vấn đề độc lập dân tộc vẫn không được giải quyết trước hết là do không có một đường lối cách mạng đúng đắn dưới sự chỉ đạo của một hệ tư tưởng tiên tiến, cách mạng và khoa học.

2. <u>Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - con đường cách mạng vô sản</u>

2.1. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước và gặp chủ nghĩa Mác - Lênin

- Nguyễn Ái Quốc nghiên cứu các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới: cách mạng Anh, Pháp, Mỹ, nhưng cũng nhận thức rõ những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản. Từ đó Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc thật sự cho nhân dân các nước nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.

- Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Người đi đến kết luận: chỉ có Cách mạng Tháng Mười là triệt để nhất.

- Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin. Luận cương ảnh hưởng quyết định đến lập trường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc: Người đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin và tán thành Quốc tế III.

- Người tìm thấy con đường duy nhất đúng đắn để cứu nước, cứu dân. Đó là: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

2.2. Nguyễn Ái Quốc chọn con đường cách mạng vô sản

Sự chọn lựa của Nguyễn Ái quốc dựa trên hai căn cứ chủ yếu:

- Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng triệt để giai cấp vô sản và nhân dân lao động khỏi ách áp bức, bóc lột, bất công,… mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân và đưa nhân dân lao động lên vai trò làm chủ của xã hội. Độc lập dân tộc chỉ có gắn với chủ nghĩa xã hội thì mới vững chắc.

- Cách mạng tháng Mười năm 1917 thành công đã mở ra thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Tính chất của thời đại mới đã tạo ra khả năng hiện thực cho các dân tộc lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Kết luận: Con đường cách mạng vô sản - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - là con đường hợp quy luật khách quan của cách mạng nước ta, đáp ứng khát vọng ngàn đời của nhân dân ta. Đó là: độc lập cho dân tộc, ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

<u>Chủ đề 3</u>: Trình bày quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. <u>Quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị</u>

Đó là quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào Việt Nam bằng sách, báo với những nội dung cơ bản như:

- Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng vô sản.

- Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa quan hệ khăng khít với cách mạng vô sản ở chính quốc.

- Vạch trần bản chất xâm lược, phản động, bóc lột, đàn áp tàn bạo của chủ nghĩa thực dân.

- Chỉ ra đường lối chiến lược cách mạng ở các nước thuộc địa là làm cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Song, trước hết phải giải phóng dân tộc, phải đánh đuổi bọn đế quốc, giành lấy độc lập, tự do.

- Giai cấp công nhân có sứ mệnh lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng.

- Về lực lượng cách mạng: công nông là gốc của cách mạng, học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn cách mạng của công, nông.

- Về phương pháp cách mạng: cách mạng bạo lực.

- Cách mạng muốn thắng lợi trước hết phải có Đảng cách mệnh.

- Về đoàn kết quốc tế: Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.

Như vậy, hệ thống quan điểm và lý luận về con đường cách mạng của Hồ Chí Minh được truyền vào Việt Nam đã trở thành tư tưởng cách mạng hướng đạo phong trào dân tộc và các tổ chức chính trị theo khuynh hướng cách mạng vô sản, dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

2. <u>Quá trình chuẩn bị về tổ chức</u>

2.1. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên

- Nhiệm vụ: Truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc đi đúng hướng, bồi dưỡng phong trào công nhân mau phát triển.

- Biện pháp: thực hiện chủ trương "vô sản hoá".

- Kết quả:

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin thực sự thâm nhập vào phong trào công nhân. Phong trào công nhân phát triển mạnh và trở thành phong trào mang tính chất tự giác. Phong trào đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

+ Chủ nghĩa Mác- Lênin thâm nhập vào phong trào yêu nước. Phong trào phát triển cả về số lượng và chất lượng. Phong trào đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Trước đòi hỏi của phong trào, ba tổ chức Cộng sản đã lần lượt ra đời: Đông Dương Cộng sản đảng (06/1929), An Nam Cộng sản đảng (08/1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn (09/1929).

2.2. Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Yêu cầu của lịch sử lúc bấy giờ là phải hợp nhất ba tổ chức lại thành một.

- Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản thành một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc- Người chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. <u>Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930</u>

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở nước ta trong thời đại mới, là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong những năm đầu của thế kỷ XX.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Sự ra đời của Đảng đã chấm dứt thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối cứu nước hơn hai phần ba thế kỷ, kể từ khi thực dân Pháp xâm lược.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi Hồ Chí Minh - Người đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

<u>Chủ đề 4:</u> Trình bày nội dung cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam được nêu lên trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng tháng 02/1930.

Hội nghị thành lập Đảng tháng 2/1930 đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt. Hai văn kiện trên đã nêu lên những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam của Đảng.

1. Chính cương vắn tắt:

- Đảng chủ trương làm "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản".

- Nhiệm vụ của cuộc cách mạng về phương diện chính trị, kinh tế, xã hội là:

+ Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập; dựng ra chính phủ công nông binh; tổ chức ra quân đội công nông.

+ Tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn của bọn đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh, tịch thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công và chia cho dân nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất, miễn thuế cho dân nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm tám giờ.

+ Dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Các nhiệm vụ đề ra bao gồm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó, nổi bật lên là nhiệm vụ chống đế quốc và tay sai phong kiến, giành độc lập cho toàn thể nhân dân.

2. Sách lược vắn tắt:

- Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo họ làm cách mạng ruộng đất; Đảng phải hết sức lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông… về phía giai cấp vô sản; đối với phú nông, trung tiểu chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng hoặc làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào ra mặt phản bội thì đánh đổ.

Trong khi liên lạc với giai cấp phải cẩn thận, không được đi vào đường lối thoả hiệp.

- Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

- Đảng phải liên kết với các dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

Kết luận: Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt do Hồ Chí Minh soạn thảo là Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là Cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thắm đượm tinh thần dân tộc. Độc lập dân tộc gắn liền với định hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh.

Chủ đề 5: Trình bày nội dung cơ bản của bản Luận cương chính trị (10/1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương cảng do Trần Phú chủ trì. Hội nghị quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, thông qua Nghị quyết "Về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng", thông qua Điều lệ Đảng và Luận cương chính trị của Đảng.

1. Nội dung Luận cương chính trị

- Luận cương phân tích đặc điểm, tình hình xã hội thuộc địa nửa phong kiến và nêu lên những vấn đề cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương do giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Về mâu thuẫn giai cấp: Mâu thuẫn diễn ra gay gắt "một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa".

- Về phương hướng chiến lược cách mạng Đông Dương: Lúc đầu sẽ làm cách mạng tư sản dân quyền có tính chất thổ địa và phản đế. Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Sau khi tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa .

- Về nhiệm vụ cách mạng: Sự cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ phong kiến, thực hành thổ địa triệt để; tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau, trong đó vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

- Về lực lượng cách mạng: "Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh, là giai cấp lãnh đạo cách mạng, nông dân là động lực mạnh của cách mạng, còn những giai cấp và tầng lớp khác ngoài công nông như tư sản thương nghiệp thì đứng về phía đế quốc chống cách mạng, còn tư sản công nghiệp thì đứng về phía quốc gia cải lương và khi cách mạng phát triển cao thì họ theo đế quốc. Trong giai cấp tiểu tư sản, bộ phận thủ công nghiệp thì có thái độ do dự; tiểu tư sản thương gia thì không tán thành cách mạng; tiểu tư sản trí thức thì có xu hướng quốc gia chủ nghĩa và chỉ có thể hăng hái tham gia chống đế quốc trong thời kì đầu. Chỉ có các phần tử lao khổ ở đô thị như những người bán hàng rong, thợ thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp thì mới đi theo cách mạng mà thôi".

- Về phương pháp cách mạng: lúc thường thì tuỳ theo tình hình mà đặt khẩu hiệu "phần ít " để dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng. Đến lúc có tình thế cách mạng, Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng sử dụng bạo lực cách mạng giành chính quyền.

- Về vai trò lãnh đạo của Đảng: Điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có đường lối chính trị đúng, có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nòng cốt.

- Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới; vì thế vô sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp.

2. Nhận xét

2.1. Ưu điểm

- Luận cương đã khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc về chiến lược cách mạng ở nước ta mà Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt đã nêu.

2.2. Hạn chế

- Hạn chế của Luận cương chính trị là không đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà nặng về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Luận cương không đề ra được một liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Pháp và tay sai, chưa đánh giá đúng mức vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản; phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc, cường điệu mặt hạn chế của họ; chưa thấy được khả năng phân hoá và lôi kéo một bộ phận giai cấp địa chủ vừa và nhỏ trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Chủ đề 6: Trình bày sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng thể hiện trong Nghị quyết hội nghị trung ương lần thứ 6 (11/1939), 7 (11/1940), 8 (5/1941).

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ, Pháp tham chiến. Ở Đông Dương, Pháp thi hành chính sách cai trị thời chiến.

- Chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm đảo lộn mọi mặt đời sống của nhân dân ta.

- Chính sách cai trị của Pháp đã làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp xâm lược phát triển ngày càng gay gắt, quyết liệt.

Sự chuyển biến của tình hình đòi hỏi Trung ương Đảng phải kịp thời điều chỉnh chiến lược cách mạng, định ra chủ trương, chính sách mới phù hợp.

2. Nội dung chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

Trên cơ sở khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược nhằm tập trung giải quyết nhiệm vụ hàng đầu là đánh đổ đế quốc và tay sai, giành lại độc lập dân tộc. Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng thể hiện trong Nghị quyết hội nghị trung ương lần thứ 6 (11/1939), 7 (11/1940), 8 (5/1941).

2.1. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939)

- Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc.

- Thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ. Lực lượng chính của Mặt trận là: công nhân, nông dân, đoàn kết với các tầng lớp tiểu tư sản thành thị và nông thôn, đồng minh trong chốc lát hoặc cô lập giai cấp tư sản bản xứ, trung, tiểu địa chủ. Mặt trận do giai cấp công nhân lãnh đạo.

- Chủ trương chuyển hướng về tổ chức: vừa xây dựng tổ chức hợp pháp, đơn giản rộng rãi, vừa xây dựng các đoàn thể quần chúng cách mạng bí mật. Xoay tất cả các cuộc đấu tranh vào hướng trung tâm là chống đế quốc và tay sai.

- Về xây dựng Đảng: Đảng phải liên lạc mật thiết với quần chúng. Phải khôi phục hệ thống tổ chức Đảng. Phải vũ trang lý luận cách mạng. Phải thực hiện phê và tự phê bình. Phải đấu tranh chống khuynh hướng hữu và "tả" khuynh.

2.2. Hội nghị lần thứ 7 (11-1940)

Tiếp tục khẳng định quan điểm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

2.3. Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (05/1941)

- Đặt ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu:

+ Tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất.

+ Thống nhất lực lượng cách mạng trên toàn cõi Đông Dương.

- Giành quyền độc lập tự do cho các dân tộc Đông Dương theo quan điểm thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Ở Việt Nam, sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật sẽ lập nên nước Việt Nam mới theo chế độ Dân chủ Cộng hoà.

- Hội nghị xác định tính chất của cuộc cách mạng: Lúc này, cách mạng Đông Dương mang tính chất là "cách mạng dân tộc giải phóng".

- Về Mặt trận: Phải có một tên mới có tính chất dân tộc hơn, có sức mạnh hiệu triệu đồng bào trong nước. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 chủ trương lấy tên là Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh. Các giới quần chúng được tổ chức và tập hợp trong các Hội cứu quốc: Hội Nông dân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc,…

- Hội nghị xác định vị trí, điều kiện, hình thức khởi nghĩa:

+ Nhận định điều kiện để cuộc khởi nghĩa nổ ra thắng lợi: giai cấp thống trị lâm vào khủng hoảng đến cực điểm, nhân dân không thể sống dưới ách thống trị của Nhật - Pháp, sẵn sàng vùng dậy khởi nghĩa, phe dân chủ đại thắng ở mặt trận Thái Bình Dương, Mặt trận cứu quốc đã thống nhất trên toàn quốc.

+ Ra sức chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, đi từ khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền ở địa phương, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

- Về xây dựng Đảng: Yêu cầu của công tác xây dựng Đảng lúc này là nhằm làm cho Đảng có đủ năng lực lãnh đạo cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng.

+ Tổ chức Đảng ở miền Nam giúp đỡ việc xây dựng Đảng ở Campuchia.

+ Tổ chức Đảng ở miền Trung giúp việc xây dựng Đảng ở Lào.

3. Ý nghĩa

- Sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc của Hội nghị Trung ương lần 6, 7, 8 chính là sự kế tục và hoàn chỉnh tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh đã vạch ra trong Cương lĩnh tháng 02/1930. Đây là bước trưởng thành vượt bậc của Đảng ta về lãnh đạo chính trị, về xây dựng đường lối cách mạng giải phóng dân tộc.

- Sự điều chỉnh chiến lược trên rất đúng đắn, sáng tạo, phát huy được tiềm năng, sức mạnh của toàn dân tộc, trực tiếp dẫn đến thành công của cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Chủ đề 7: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ngày 12/03/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ngày càng gay gắt, quyết liệt. Tình thế thất bại của Nhật ở mặt trận Thái Bình Dương buộc Nhật phải lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương.

- Đêm 09/03/1945, Nhật nổ súng đánh Pháp trên toàn Đông Dương. Pháp đầu hàng Nhật.

- Ngày 12/03/1945, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị "Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

2. Nội dung Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"

- Nhận định: Sự kiện ngày 09/03/1945 đã tạo ra cơ hội tốt cho các điều kiện khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi. Đó là: sự khủng hoảng chính trị do cuộc đảo chính gây ra, nạn đói ghê gớm và chiến tranh đã đến giai đoạn quyết liệt.

- Xác định kẻ thù chính:

+ Kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất lúc này là phát xít Nhật

+ Thay khẩu hiệu: "Đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp" bằng khẩu hiệu: "đánh đuổi phát xít Nhật"

+ Nêu khẩu hiệu: "Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương".

- Thay đổi hình thức đấu tranh cho phù hợp với thời kỳ tiền khởi nghĩa:

+ Tập dượt quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

+ Đẩy mạnh tuyên truyền xung phong có vũ trang.

+ Xây dựng các đội tự vệ cứu quốc, đội du kích.

+ Thành lập căn cứ địa cách mạng.

+ Phát động chiến tranh du kích ở những nơi có điều kiện.

+ Giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa để chủ động chuyển sang hình thức khởi nghĩa khi có điều kiện.

- Dự kiến điều kiện để tiến hành tổng khởi nghĩa. Đó là khi:

+ Quân đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật đã bám chắc tiến sâu vào nước ta, quân Nhật kéo ra mặt trận ngăn cản quân đồng minh để phía sau sơ hở.

+ Cũng có thể là cách mạng Nhật bùng nổ, chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật được thành lập hoặc Nhật bị mất nước và quân đội Nhật mất tinh thần.

Hội nghị cũng lưu ý, nêu cao tinh thần tích cực, chủ động, dựa vào sức mình là chính, không ỷ lại vào người mà tự bó tay mình.

3. Ý nghĩa của Chỉ thị

- Chỉ thị thể hiện rõ sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết và kịp thời của Đảng.

- Chỉ thị là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, dẫn đến thắng lợi trực tiếp của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8/1945.

Chủ đề 8: Phân tích ý nghĩa lịch sử và những bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám năm 1945.

1. Ý nghĩa lịch sử

1.1. Ý nghĩa trong nước

Cách mạng Tháng Tám đánh dấu một sự biến đổi to lớn trong lịch sử tiến hoá của dân tộc Việt Nam:

- Đập tan chính quyền thực dân phong kiến, đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ.

- Lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước Dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông - Nam châu Á.

- Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

- Việt Nam từ một nước vừa mang tính thuộc địa, vừa mang tính phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do.

- Đảng ta từ một Đảng hoạt động không hợp pháp trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã mở ra kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

1.2. Ý nghĩa thế giới

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi đầu tiên của chủ Mác - Lênin ở một nước vừa mang tính thuộc địa, vừa mang tính phong kiến.

- Với thắng lợi đó, Đảng và nhân dân ta đã góp phần làm phong phú kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Cung cấp nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.

- Mở ra thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.

- Góp phần cổ vũ, thúc đẩy phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc trên bán đảo Đông Dương và các dân tộc bị áp bức chống nô dịch của chủ nghĩa đế quốc.

- Cách mạng Tháng Tám thành công chứng tỏ: Trong thời đại ngày nay, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo hoàn toàn có khả năng giành được thắng lợi ở một nước thuộc địa bị đế quốc và tay sai bao vây từ bốn phía.

2. Bài học kinh nghiệm:

- Một là: Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

- Hai là: Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông.

- Ba là: Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

- Bốn là: Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.

- Năm là: Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

- Sáu là: Xây dựng một Đảng Mác - Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Chủ đề 9: Phân tích hoàn cảnh lịch sử của cách mạng nước ta sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công và nội dung cơ bản của Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" ngày 25/11/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

1. Hoàn cảnh lịch sử của cách mạng nước ta sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công

1.1. Những khó khăn

- Do thù trong, giặc ngoài gây ra: các nước đế quốc và các lực lượng phản động liên kết nhau bao vây, chống phá quyết liệt.

+ Đế quốc Anh đồng lõa tiếp tay cho thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ, bắt đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai.

+ Hai mươi vạn quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa chiếm đóng miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra.

+ Sáu vạn quân Nhật đang chờ giải giáp.

- Khó khăn về kinh tế, văn hoá, chính trị:

+ Kinh tế: Nghèo nàn, xơ xác, tiêu điều, lũ lụt, hạn hán, mất mùa, kho bạc trống rỗng.

+ Văn hoá: Các di sản văn hoá nô dịch quá nặng nề.

+ Chính trị: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa được các nước trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

1.2. Những thuận lợi

- Cách mạng Tháng Tám đem lại cho cách mạng Việt Nam thế và lực mới

+ Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền.

+ Nhân dân trở thành người làm chủ đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng.

- Chính quyền nhân dân tuy còn non trẻ nhưng được xây dựng có hệ thống từ trên xuống dưới và được nhân dân ủng hộ.

- Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, thêm bạn bớt thù, huy động mọi sức mạnh dân tộc, dùng sách lược đấu tranh linh hoạt và khôn khéo để từng bước vượt qua nguy hiểm, chủ động trước mọi tình thế và giữ vững chính quyền, đưa cách mạng tiến lên.

2. Nội dung cơ bản của Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" (25/11/1945)

Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ chiến lược và nhiệm vụ cần thiết của cách mạng nước ta.

2.1. Xác định tính chất của cuộc cách mạng

"Cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng".

2.2. Xác định kẻ thù chính của cách mạng

Kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp. Tập trung ngọn lửa đấu tranh vào thực dân Pháp. Lập mặt trận dân tộc thống nhất chống Pháp, mở rộng Việt Minh bao gồm mọi tầng lớp nhân dân. Thống nhất Mặt trận Việt -Miên - Lào chống Pháp xâm lược.

2.3. Nhiệm vụ của nhân dân cả nước

- Củng cố chính quyền cách mạng. Đây là nhiệm vụ bao trùm.
- Chống thực dân Pháp.
- Bài trừ nội phản.
- Cải thiện đời sống nhân dân.

2.4. Các biện pháp để thực hiện nhiệm vụ

- Về nội chính: xúc tiến bầu cử Quốc hội, lập Chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, xử lý bọn phản động, củng cố chính quyền nhân dân.
- Về quân sự: động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo kháng chiến lâu dài.
- Về ngoại giao: kiên trì nguyên tắc "bình đẳng tương trợ", thêm bạn bớt thù. Thực hiện khẩu hiệu "Hoa - Việt thân thiện" với Tưởng, chủ trương "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế" với Pháp.

3. Ý nghĩa

Chỉ thị "Kháng chiến, kiến quốc" đã giải quyết kịp thời nhiều vấn đề quan trọng về chỉ đạo chiến lược và sách lược cách mạng trong tình thế mới vô cùng phức tạp và khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa mới khai sinh.

Chủ đề 10: Phân tích những kinh nghiệm lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng trong giai đoạn 1945 - 1946 .

1. Đảng đã dựa chắc vào khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần để vượt qua khó khăn, đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài

- Phân tích khó khăn và thuận lợi của nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945.
- Đảng và chính quyền cách mạng đã phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường thực lực, vượt qua khó khăn, bảo vệ thành quả cách mạng (về chính trị, về quân sự, về kinh tế, về văn hoá,...)

2. Đảng lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, xác định đúng kẻ thù chủ yếu để cô lập và tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng, hoà hoãn với kẻ thù có thể hoà hoãn và biết nhân nhượng có nguyên tắc

- Đảng xác định những mâu thuẫn trong hàng ngũ của kè thù:
  + Mâu thuẫn giữa Anh – Pháp với Mỹ - Tưởng .
  + Mâu thuẫn giữa tay sai Pháp với tay sai Tưởng.
  + Mâu thuẫn trong nội bộ Pháp và trong nội bộ Tưởng.
- Phân tích từng kẻ thù (Anh, Tưởng, bọn Việt Quốc,Việt cách, Đại Việt.., Mỹ, Pháp..). Chỉ ra kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Phải tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng.
- Hoà với kẻ thù có thể hoà hoãn:

+ Từ tháng 9/1945 đến ngày 6/3/1946: hoà với Tưởng để tập trung sức đánh Pháp, hạn chế khả năng phá hoại của Tưởng và tay sai.

+ Từ ngày 6/3/1946 đến tháng 12/1946: tạm hoà với Pháp để đuổi Tưởng, quét sạch bọn tay sai của Tưởng, tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng.

- Nhân nhượng có nguyên tắc:

+ Bảo đảm chính quyền của dân, do dân và vì dân.

+ Bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng.

+ Nắm vững những công cụ bạo lực: bộ đội, công an,...

3. Đảng tranh thủ khả năng hoà bình, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước:

Sau Cách mạng Tháng Tám, tình hình có hai khả năng: chiến tranh và hoà bình. Đảng đã dùng mọi biện pháp tranh thủ khả năng hoà bình. Hoà với Tưởng và hoà với Pháp, ta có 16 tháng hoà bình. Trong thời gian đó, Đảng ra sức xây dựng lực lượng về mọi mặt, sẵn sàng chủ động đối phó kịp thời khi chiến tranh lan ra cả nước.

Kết luận: Theo Lênin một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự bảo vệ. Từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta biết tự bảo vệ và đã bảo vệ thành công thành quả của Cách mạng Tháng Tám.

Chủ đề 11: Trình bày quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12/1946).

1. Quá trình hình thành

- Đường lối kháng chiến của Đảng được hình thành từng bước trong quá trình chỉ đạo Nam bộ kháng chiến, qua thực tiễn đối phó với âm mưu, thủ đoạn của địch cũng như từ thực tiễn chuẩn bị lực lượng về mọi mặt của ta.

- Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trong chỉ thị kháng chiến kiến quốc, Đảng ta nhận định kẻ thù chính, nguy hiểm nhất của dân tộc là thực dân Pháp, phải tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng. Trong quá trình chỉ đạo cuộc kháng chiến Nam bộ, Trung ương Đảng và Hồ Chí Minh đã chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao để làm thất bại âm mưu của Pháp định tách Nam bộ ra khỏi Việt Nam.

- Ngày 19/10/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất, do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Xuất phát từ nhận định: "Không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình nhất định phải đánh Pháp", Hội nghị đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể cả về tư tưởng và tổ chức để quân dân cả nước sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới. Trong chỉ thị "Công việc khẩn cấp bây giờ" ngày 05/11/1946, Hồ Chí Minh đã nêu lên những việc có tầm chiến lược, toàn cục khi bước vào cuộc kháng chiến và khẳng định lòng tin vào thắng lợi cuối cùng.

- Đường lối kháng chiến của Đảng được hoàn chỉnh và thể hiện tập trung trong ba văn kiện lớn được soạn thảo và công bố sát trước và sau ngày cuộc kháng chiến

toàn quốc bùng nổ. Đó là Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 22/12/1946, "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Hồ Chí Minh ngày 19/12/1946 và tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trương Chinh xuất bản đầu năm 1947.

2. Nội dung đường lối

- Mục đích kháng chiến: kế tục và phát triển sự nghiệp Cách mạng Tháng Tám, "đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập".

- Tính chất kháng chiến: Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc đấu tranh của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa, là một cuộc đấu tranh tiến bộ, vì tự do, độc lập, dân chủ và hòa bình.

- Nhiệm vụ kháng chiến: "Cuộc kháng chiến này chính là một cuộc chiến tranh cách mạng có tính chất dân tộc độc lập và dân chủ tự do…nhằm hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc và phát triển dân chủ mới".

- Phương châm tiến hành kháng chiến: tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

+ Kháng chiến toàn dân: "Bất kì đàn ông, đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kì người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam phải đứng lên đánh thực dân Pháp", thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài.

+ Kháng chiến toàn diện: đánh địch về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trong đó:

• Về chính trị: thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình.

• Về quân sự: thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy, là "triệt để dùng du kích, vận động chiến. Bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài… vừa đánh vừa võ trang thêm; vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ".

• Về kinh tế: tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cấp, tập trung phát triển nền nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.

• Về văn hóa: xóa bỏ văn hóa thực dân phong kiến, xây dựng nền văn hóa dân chủ theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.

• Về ngoại giao: thực hiện thêm bạn, bớt thù, biểu dương thực lực. "Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp", sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập,…

+ Kháng chiến lâu dài (trường kì): là để chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hòa" của ta, chuyển hóa tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.

+ Dựa vào sức mình là chính: "phải tự cấp, tự túc về mọi mặt", vì ta bị bao vây bốn phía. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng không được ỷ lại.

+ Triển vọng kháng chiến: mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi.

Kết luận: Đường lối kháng chiến của Đảng với những nội dung cơ bản nêu trên là đúng đắn và sáng tạo, vừa kế thừa được kinh nghiệm của tổ tiên, đúng với các nguyên lý về chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phù hợp với thực tế đất nước lúc bấy giờ. Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi vẻ vang.

Chủ đề 12: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (02/1951) thông qua.

1. Hoàn cảnh lịch sử

Đến đầu năm 1951, tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương có nhiều chuyển biến mới. Đó là sự lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng trên trường quốc tế có lợi cho hòa bình và cách mạng. Nước ta đã được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi quan trọng. Song lợi dụng tình thế khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Điều kiện lịch sử đó đặt ra yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

2. Nội dung cơ bản Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam

- Tính chất xã hội: "Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân với tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đã được giải quyết trong quá trình kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ".

- Đối tượng cách mạng: Cách mạng Việt Nam có hai đối tượng, đối tượng chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

- Nhiệm vụ cách mạng: "Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc. Cho nên lúc này phải tập trung lực lượng vào việc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược".

- Động lực của cách mạng: có bốn giai cấp: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước, tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng là công nhân, nông dân và lao động trí thức.

- Đặc điểm cách mạng: "Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân lao động làm động lực, công nông và trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng đó không phải là cách mạng dân chủ tư sản lối cũ cũng không phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa mà là một thứ cách mạng dân chủ tư sản theo lối mới tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa".

- Triển vọng của cách mạng: "Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội".

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội: "Đó là con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ, xen kẽ với nhau".

- Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng: "Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân". "Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động Việt Nam. Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam".

- Chính sách của Đảng: Có 15 chính sách lớn nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi.

- Quan hệ quốc tế: Việt Nam đứng về phe hòa bình và dân chủ, phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, của Trung Quốc, Liên Xô; thực hiện đoàn kết Việt - Trung - Xô và đoàn kết Việt - Miên - Lào…

3. Ý nghĩa

"Chính cương Đảng Lao động Việt Nam" đã hoàn chỉnh thêm một bước đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân được vạch ra trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đường lối đó đã soi đường dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Chủ đề 13: Phân tích chủ trương đấu tranh ngoại giao, ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ của Đảng và Chính phủ ta vào năm 1954.

1. Chủ trương đấu tranh ngoại giao của Đảng và Chính phủ

- Mở cuộc tiến công trên mặt trận ngoại giao, phối hợp với cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 để kết thúc chiến tranh.

- Chiến thắng to lớn 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi.

- Tiến tới giải pháp hoà bình cho vấn đề Đông Dương.

2. Lập trường đàm phán của Việt Nam tại Hội nghị Giơ-ne-vơ

2.1 Nội dung đàm phán

Đình chỉ chiến sự trên toàn bán đảo Đông Dương đi đôi với một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam, Lào và Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương. Đây là những nội dung cơ bản được thể hiện trong lập trường 8 điểm mà trưởng đoàn đại biểu Việt Nam đã trình bày tại Hội nghị.

- Pháp phải công nhận chủ quyền, độc lập của Việt Nam trên khắp lãnh thổ Việt Nam và chủ quyền, độc lập của hai nước Lào, Campuchia.

- Ký một hiệp ước về việc rút quân đội ngoại quốc ra khỏi nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

- Tổ chức tổng tuyển cử ở 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

- Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Pathet Lào, Campuchia xét vấn đề gia nhập Liên hiệp Pháp.

- Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Pathet Lào, Campuchia công nhận quyền lợi kinh tế và văn hoá của Pháp. Quan hệ kinh tế giữa 3 nước với Pháp sẽ được quy định trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi.

- Hai bên cam kết không truy tố những người hợp tác với bên kia trong chiến tranh.

- Hai bên trao đổi tù binh.

- Ngừng bắn trên toàn Đông Dương.

2.2 Kết quả đàm phán

- Trải qua 8 phiên họp toàn thể, 23 phiên họp căng thẳng và phức tạp, ngày 20/7/1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ đã được ký kết.

- Nội dung hiệp định:

+ Các nước tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia.

+ Ngừng bắn hoàn toàn ở Việt Nam và trên toàn Đông Dương.

+ Pháp rút quân.

+ Vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời chia Việt Nam làm 2 miền. Tiến tới một cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước sau 2 năm để thống nhất nước nhà.

+ Lào có một khu tập kết lực lượng kháng chiến gồm 2 tỉnh Sầm Nưa và Phong Sa Lỳ.

+ Ở Campuchia, lực lượng kháng chiến không có khu tập kết và phục viên tại chỗ.

2.3. Ý nghĩa của việc ký hiệp định Giơ-ne-vơ

Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ và thắng lợi trên toàn chiến trường 3 nước Đông Dương, Hiệp định Giơ-ne-vơ đã góp phần chấm dứt cuộc chiến tranh

xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Đông Dương, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ đề 14: Trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

1. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

- Trong nước: việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, buộc chúng phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện để miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở miền Nam; tăng thêm niềm tự hào dân tộc cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Quốc tế: thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới, cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở ba nước Đông Dương, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Hồ Chí Minh nói: "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó cũng là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi vẻ vang của các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới".

2. Bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp

- Thứ nhất, đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt sâu rộng đường lối đó cho toàn Đảng, toàn dân thực hiện, đó là đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.

- Thứ hai, kết hợp chặt chẽ, đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội, trong đó nhiệm vụ tập trung hàng đầu là chống đế quốc giải phóng dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng.

- Thứ ba, thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh để có tiềm lực mọi mặt đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

- Thứ tư, quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài đồng thời tích cực, chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, đưa kháng chiến đến thắng lợi.

- Thứ năm, tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

<u>Chủ đề 15</u>: Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa của đường lối cách mạng Việt Nam sau tháng 7/1954 được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) thông qua.

1. <u>Quá trình hình thành đường lối</u>

Yêu cầu bức thiết đặt ra cho Đảng ta sau tháng 7/1954 là vạch ra được đường lối đúng đắn, vừa phù hợp với tình hình mỗi miền, tình hình cả nước, vừa phù hợp với xu thế chung của thời đại.

- Tháng 9/1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về "tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng". Nghị quyết đã chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của tình hình trong lúc cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới là: Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình; nước nhà tạm chia làm hai miền; từ nông thôn chuyển vào thành thị; từ phân tán chuyển đến tập trung.

- Tại Hội nghị lần thứ bảy (tháng 3/1955) và lần thứ tám (tháng 8/1955), Trung ương Đảng nhận định: Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

- Tháng 12/1957, tại Hội nghị Trung ương lần thứ mười ba, Đảng ta xác định: "Mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay là: củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình.

- Tháng 01/1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 ra nghị quyết về cách mạng miền Nam, Hội nghị xác định: Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là "giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam". "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân".

Quá trình đề ra và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chủ trương nói trên chính là quá trình hình thành đường lối chiến lược cho cách mạng cả nước được hoàn chỉnh tại Đại hội lần thứ III của Đảng.

2. <u>Nội dung đường lối</u>

Đại hội lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10/09/1960. Đại hội đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Cụ thể là:

- Nhiệm vụ chung: Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

- Nhiệm vụ chiến lược: "Cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại có hai nhiệm vụ chiến lược: một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước".

- Mục tiêu chiến lược: "Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và nhiệm vụ cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền trong hoàn cảnh nước nhà tạm bị chia cắt. Hai nhiệm vụ đó nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước giữa nhân dân ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hòa bình thống nhất Tổ quốc".

- Mối quan hệ giữa cách mạng hai miền: do cùng thực hiện một mục tiêu chung nên "Hai nhiệm vụ chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau".

- Vai trò, nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền đối với cách mạng cả nước: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

- Con đường thống nhất đất nước: trong khi tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, Đảng kiên trì con đường hòa bình thống nhất theo tinh thần Hiệp định Giơ-ne-vơ: thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử hòa bình thống nhất Việt Nam vì đó là con đường tránh được sự hao tổn xương máu cho dân tộc ta và phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

- Triển vọng của cách mạng Việt Nam: Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà, cả nước sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội.

3. Ý nghĩa của đường lối

- Đường lối đó thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng, đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Đường lối cách mạng Việt Nam đã thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng ta.

- Đường lối chiến lược chung cho cả nước và đường lối cách mạng ở mỗi miền là cơ sở để Đảng chỉ đạo quân dân ta phấn đấu giành được những thành tựu to lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thắng lợi chống các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam.

Chủ đề 16: Trình bày nội dung cơ bản về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng (9/1960) đề ra.

1. Đặc điểm tình hình miền Bắc khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tiến lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Đất nước bị chia làm hai miền và có chiến tranh với những hình thức và mức độ khác nhau.

- Các mô hình xã hội chủ nghĩa đang được thực thi ở các nước xã hội chủ nghĩa có những nhược điểm, sai lầm và đang biến dạng nên rất khó cho ta học tập rút kinh nghiệm.

- Được sự ủng hộ hết lòng và sự viện trợ to lớn về mọi mặt của các nước xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung cơ bản về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc do Đại hội đại biểu Đảng lần thứ III đề ra

2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt:

- Là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực.

- Đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2.2. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội là 2 mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất:

- Hai mặt đó quan hệ mật thiết, tác động và thúc đẩy nhau cùng phát triển.

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa đi trước một bước để mở đường.

2.3. Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ:

- Nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

- Điểm mấu chốt trong công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra mức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

2.4. Đồng thời với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hoá - tư tưởng:

Nhằm thay đổi căn bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hoá của toàn xã hội phù hợp với chế độ mới.

2.5. Định hướng và mục tiêu:

- Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

- Xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

2.6. Biện pháp chiến lược để đạt được mục tiêu:

- Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để tổ chức tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa với nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh, đồng thời phát triển kinh tế quốc doanh.

- Thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về văn hoá, tư tưởng và kỹ thuật.

- Yêu cầu cần đạt được của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội: Biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

3. Nhận xét

- Đường lối trên còn đại thể, chưa rõ ràng, không thoát khỏi những mô hình sai trái của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới lúc bấy giờ.

- Chưa thấy được sự cần thiết cần phải chia thời kỳ quá độ ra thành từng chặng đường với những mục tiêu và yêu cầu cụ thể.

- Tư duy lý luận về kinh tế còn yếu kém, tư tưởng chủ quan nóng vội nên không giải quyết đúng mối quan hệ có tính quy luật giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

- Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá ngay từ đầu khi tiền đề vật chất chưa được tạo ra và hoàn cảnh chiến tranh chưa cho phép thực hiện.

Chủ đề 17: Quá trình hình thành nội dung và ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước do Hội nghị lần thứ 11 (3/1965) và lần thứ 12 (12/965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vạch ra.

1. Quá trình hình thành

- Khi Mỹ thực hiện "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, các Hội nghị của Bộ chính trị đầu năm 1961 và đầu năm 1962 đã nêu chủ trương giữ vững và phát triển thế tiến công mà ta đã giành được sau cuộc "đồng khởi" năm 1960, đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng trên quy mô toàn miền.

- Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ chín (11/1963), ngoài việc xác định đúng đắn quan điểm quốc tế, hướng hoạt động đối ngoại vào việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đánh Mỹ và thắng Mỹ, còn quyết định nhiều vấn đề quan trọng về cách mạng miền Nam.

- Trước hành động gây "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3/1965) và lần thứ 12 (12/1965) đã tập trung đánh giá tình hình và đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Nội dung đường lối

- Về nhận định tình hình và chủ trương chiến lược: Trung ương Đảng cho rằng cuộc "chiến tranh cục bộ" mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, buộc phải thực thi trong thế thua, thế thất bại và bị động cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn chiến lược. Từ sự phân tích và nhận định đó, Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược

trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

- Quyết tâm và mục tiêu chiến lược: nêu cao khẩu hiệu: "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kì tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà".

- Phương châm chỉ đạo chiến lược: Tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam, đồng thời phát động chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc; thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

- Tư tưởng và phương châm đấu tranh ở miền Nam: giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. "Tiếp tục kiên trì phương châm: kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công", đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

- Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng "Chiến tranh cục bộ" ra cả nước.

- Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến đấu ở hai miền: trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Hai nhiệm vụ trên không tách rời nhau mà mật thiết gắn bó với nhau. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

3. Ý nghĩa của đường lối

- Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

- Thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

- Đó là đường lối chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Chủ đề 18: Phân tích chủ trương và ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh ngoại giao ký Hiệp định Pa-ri ngày 27/1/1973 của Đảng.

1. Phân tích chủ trương đấu tranh ngoại giao của Đảng.

1.1. Cơ sở đề ra chủ trương

- Xuất phát từ âm mưu của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam: Dùng thủ đoạn chính trị, quân sự, ngoại giao tạo ra "thế mạnh" buộc ta phải chấp nhận một giải pháp chính trị có lợi cho Mỹ.

- Xuất phát từ quan điểm của Trung ương Đảng:

+ Giành thắng lợi tới mức nào đó sẽ mở ra mặt trận ngoại giao, tiến tới giải pháp chính trị có lợi cho ta, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

+ Xuất phát từ truyền thống yêu chuộng hoà bình và theo xu thế chung giải quyết xung đột bằng thương lượng.

1.2. Chủ trương

Để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, Đảng chủ trương đẩy mạnh kháng chiến trên cả 3 mặt: chính trị, quân sự, ngoại giao.

- Nhiệm vụ của mặt trận đấu tranh ngoại giao: Phát huy thế chủ động tiến công, không ngừng đẩy mạnh hoạt động, góp phần tích cực vào cuộc chiến đấu của toàn dân nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

- Phương châm: Kiên trì đường lối độc lập, tự chủ của Đảng và Nhà nước, không ngừng tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, với nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lý trên thế giới trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ.

- Phương hướng hoạt động:

+ Cực lực tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ và đòi chấm dứt chiến tranh.

+ Nêu cao lập trường chính nghĩa và ý chí quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta, nêu cao thiện chí của ta trong thương lượng nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề Việt Nam.

+ Tích cực tranh thủ sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới. Mở rộng mặt trận nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

- Kết quả đạt được:

+ Những hoạt động tích cực trên mặt trận ngoại giao cùng với thắng lợi của nhân dân hai miền Nam, Bắc trong năm 1972 đã buộc Mỹ phải chấm dứt ném bom đánh phá miền Bắc không điều kiện và phải ký Hiệp định Pa-ri ngày 27/1/1973.

+ Nội dung hiệp định:

● Hoa Kỳ tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

● Chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt dính líu về quân sự và không can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam.

● Tôn trọng quyền tự quyết và đảm bảo quyền tự do dân chủ cho nhân dân miền Nam.

● Nhân dân miền Nam có quyền quyết định tương lai chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử thực sự tự do dân chủ. Việc thống nhất Việt Nam được thực hiện bằng phương pháp hoà bình.

● Nghĩa vụ của Hoa Kỳ là sẽ đóng góp vào việc hàn gắn lại vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam và trên toàn Đông Dương.

2. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh ngoại giao ký Hiệp định Pa-ri của Đảng:

Việc ký Hiệp định Pa-ri đánh dấu thắng lợi có ý nghĩa quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta:

- Nhân dân ta đã đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.
- Tạo điều kiện để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chủ đề 19: Trình bày thành quả của sự nghiệp xây dựng miền Bắc trong thời kỳ 1954 - 1975 và vai trò của miền Bắc đối với thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

1. Thành quả của sự nghiệp xây dựng miền Bắc trong thời kỳ 1954 - 1975

1.1. Trên lĩnh vực kinh tế

- Đảm bảo sản xuất vẫn duy trì, phát triển và trình độ sản xuất được nâng lên một bước (ngay cả trong thời kỳ có chiến tranh ác liệt).
- Mọi người đều có ăn, có mặc, những nhu cầu thiết yếu trong đời sống nhân dân được đảm bảo. Con cái mọi nhà đều được học hành.
- Cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội được xây dựng.

+ Trong công nghiệp: đã xây dựng những cơ sở đầu tiên của các ngành công nghiệp nặng như: điện, than, cơ khí, hoá chất, luyện kim,…

+ Trong nông nghiệp: nhiều công trình thủy lợi được xây dựng đảm bảo tưới tiêu cho hàng chục vạn hecta đất canh tác.

1.2. Trên lĩnh vực chính trị - xã hội

- Lối sống mới trở thành phổ biến, mọi người đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.
- Những giá trị tinh thần của dân tộc được phát huy cao độ: nhường cơm xẻ áo, xả thân vì Tổ quốc,…
- Cơ cấu giai cấp có sự thay đổi lớn:

+ Giai cấp bóc lột bị xoá bỏ.

+ Giai cấp công nhân trưởng thành về số lượng lẫn chất lượng.

+ Giai cấp nông dân nắm giữ quyền sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Khối liên minh công - nông được củng cố.

+ Trí thức xã hội chủ nghĩa được tăng cường.

- Sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục phát triển nhanh.

1.3. Trên lĩnh vực quốc phòng

- Tiềm lực kinh tế, quốc phòng được xây dựng.
- Tiếp thu và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế.

Nhờ vậy, miền Bắc đã đứng vững trong chiến tranh và đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng kỹ thuật và phương tiện hiện đại nhất của đế quốc Mỹ, mà tiêu biểu là đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của chúng vào năm 1972.

- Thực hiện một cách xuất sắc vai trò của hậu phương lớn đối với miền Nam.

2. Vai trò của miền Bắc đối với thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước

"Miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước với toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội".

- Với việc thực hiện một cách xuất sắc vai trò của hậu phương lớn, nhân dân miền Bắc đã góp phần để nhân dân miền Nam giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Mỗi bước trưởng thành của cách mạng miền Nam đều gắn với bước đi trên con đường xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

- Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc đã tạo ra một lực lượng xã hội đủ sức đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến tranh trên cả nước. Miền Bắc đã huy động 2/3 thanh niên trong toàn dân vào bộ đội và thanh niên xung phong.

- Miền Bắc đã xây dựng được lực lượng vũ trang phần lớn có trình độ cấp 3 và đại học nên có khả năng tiếp thu nhanh và sử dụng thành thạo các kỹ thuật quốc phòng hiện đại, đã phát huy tác dụng to lớn trong chiến tranh nhất là vào thời kỳ cuối, khi tác chiến đã phát triển lên trình độ hợp đồng binh chủng.

Kết luận: Những thành tựu đạt được tuy còn rất thấp, còn xa với những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, nhưng đặt vào hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, thì những thành tựu đó có giá trị thật lớn lao. Nó vừa thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước có chiến tranh, vừa là nhân tố tạo nên sức mạnh hậu phương miền Bắc trong thời kì chống Mỹ, cứu nước.

Chủ đề 20: Trình bày ý nghĩa lịch sử và bài học của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

1. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

- Đối với nước ta:

+ Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược nhân dân ta đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở

ra kỉ nguyên mới cho dân tộc ta, kỉ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần, thế và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, để lại niềm tự hào sâu sắc và những kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước giai đoạn sau.

+ Thắng lợi của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

- Đối với cách mạng thế giới:

+ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới kể từ sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, bảo vệ vững chắc tiền đồn phía Đông Nam Á của chủ nghĩa xã hội.

+ Đã làm phá sản chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, gây tổn thất to lớn và tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ trước mắt và lâu dài.

+ Đã góp phần làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới.

+ Đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ, tự do và hòa bình phát triển của nhân dân thế giới.

Đánh giá thắng lợi lịch sử của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) ghi rõ: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc".

2. <u>Bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:</u>

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học lịch sử có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc:

- Một là, đề ra và thực hiện đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ. Đường lối thể hiện ý chí và nguyện vọng tha thiết của nhân dân miền Bắc, nhân dân miền Nam, của cả dân tộc Việt Nam, phù hợp với các trào lưu của cách mạng thế giới nên đã động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh của tiền tuyến lớn với hậu phương lớn, kết hợp sức mạnh của nhân dân ta với sức mạnh của thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến đấu và chiến thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Hai là, tin tưởng vào sức mạnh của dân tộc, kiên định tư tưởng chiến lược tiến công, quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Tư tưởng đó là một nhân tố hết sức quan trọng hoạch định đúng đắn đường lối, chủ trương, biện pháp đánh Mỹ - nhân tố đưa cuộc chiến đấu của dân tộc ta đi tới thắng lợi.

- Ba là, thực hiện chiến tranh nhân dân, tìm ra biện pháp chiến đấu đúng đắn, sáng tạo. Để chống lại kẻ địch xâm lược hùng mạnh, phải thực hiện chiến tranh nhân dân. Đồng thời phải chú trọng tổng kết thực tiễn để tìm ra phương pháp đấu tranh, phương pháp chiến đấu đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo.

- Bốn là, trên cơ sở đường lối, chủ trương chiến lược chung đúng đắn phải có công tác tổ chức thực hiện giỏi, năng động, sáng tạo của các cấp bộ đảng trong quân đội, của các ngành, các địa phương, thực hiện phương châm giành thắng lợi từng bước để đi đến thắng lợi hoàn toàn.

- Năm là, phải hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở cả hậu phương và tiền tuyến; phải thực hiện liên minh ba nước Đông Dương và tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ ngày càng to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân và chính phủ các nước yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới.

Chủ đề 21: Trình bày nội dung cơ bản của đường lối tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) đề ra và hiệu quả của đường lối đó.

1. Hoàn cảnh lịch sử

- Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước độc lập, Đảng chủ trương hoàn thành thống nhất nước nhà về mọi mặt và đưa cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- 25/04/1976, tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước. Trong phiên họp đầu tiên, Quốc hội tuyên bố hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, đặt tên nước: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Các đoàn thể cách mạng nhanh chóng thống nhất.

- Nhân dân cả nước khẩn trương khôi phục kinh tế, ổn định đời sống.

2. Nội dung cơ bản của đường lối tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đề ra

2.1. Mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội:

- Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

2.2. Các biện pháp đòn bẩy để đạt mục tiêu:

- Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

- Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: quan hệ sản xuất, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - tư tưởng. Trong đó, cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt.

- Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ quá độ.

2.3. Thông qua đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa:

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

- Đưa nước ta từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Kết hợp xây dựng công nghiệp với nông nghiệp cả nước thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lí.

- Vừa xây dựng kinh tế Trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương. Kết hợp kinh tế Trung ương và kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.

- Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với việc xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng.

2.4. Thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ II (1976 - 1980):

- Đề ra hai mục tiêu vừa cơ bản, vừa cấp bách:

+ Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, hình thành một bước cơ cấu kinh tế mới trong cả nước.

+ Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.

3. Hiệu quả của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội đại biểu lần thứ IV của Đảng đề ra

3.1. Thành tựu

- Nhanh chóng thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, thiết lập được hệ thống chế độ mới trong cả nước.

- Áp dụng một loạt chính sách nhằm thúc đẩy quá trình thống nhất về mọi mặt.

- Tạo nên cuộc sống hoà hợp dân tộc làm cho thế và lực của cách mạng nước ta lớn hơn bao giờ hết.

- Bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực bảo vệ độc lập, hoà bình ở Đông Dương.

- Cơ bản hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, bước đầu ổn định sản xuất và đời sống.

3.2. Tồn tại

- Thành tựu kinh tế còn thấp so với yêu cầu và chưa tương xứng với công sức bỏ ra.

- Những tồn tại lớn chưa giải quyết được.

- Đất nước còn đương đầu với những khó khăn chồng chất và gay gắt về kinh tế và đời sống.

- Những mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế quốc dân chưa được thu hẹp.

- Thu nhập quốc dân chưa đảm bảo được tiêu dùng xã hội, chưa tạo được tích lũy từ bên trong.

- Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu.

- Tình hình cung ứng năng lượng, vật tư cơ bản, giao thông vận tải rất căng thẳng.

- Đời sống của nhân dân lao động còn nhiều khó khăn.

- Những hiện tượng tiêu cực trong xã hội còn kéo dài trên một số mặt.

Những tồn tại trên đã đưa đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.

3.3. Nguyên nhân của những tồn tại

- Nguyên nhân khách quan:

+ Nền kinh tế nước ta phổ biến là sản xuất nhỏ.

+ Gánh chịu hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh.

+ Phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

+ Thiên tai lớn xảy ra dồn dập.

+ Tiến hành cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Chủ quan trong trong việc đánh giá tình hình nước ta sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng: thiên về những thuận lợi, nhẹ về những khó khăn.

+ Đề ra chỉ tiêu quá cao.

+ Chủ quan nóng vội muốn bỏ qua những bước đi cần thiết như chủ trương nhanh chóng cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay những thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa,…

+ Buông lỏng luật pháp, buông lỏng công cụ chuyên chính đối với những kẻ vi phạm pháp luật, những kẻ phá hoại và chống đối cách mạng.

Chủ đề 22: Phân tích cơ sở hoạch định và nội dung đường lối đổi mới vào năm 1986 của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Cơ sở hoạch định

1.1 Dựa trên phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin, đổi mới tư duy, nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội:

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là quá trình lịch sử rất dài, phải trải qua nhiều thời kỳ, nhiều chặng đường, nhiều bước nối tiếp trong sự phát triển.

- Trong thời kỳ quá độ tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau, đan xen, cạnh tranh nhau cùng phát triển.

- Sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, cuộc đấu tranh giai cấp chưa phải đã chấm dứt. Các giai cấp bóc lột không nhanh chóng mất đi mà cùng với các giai cấp tàn dư của xã hội cũ, các lực lượng phản động trong và ngoài nước hình thành một thế lực thù địch với chế độ xã hội mới.

- Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có thể có nhiều hình thức nhà nước với các tên gọi khác nhau, nhưng bản chất của nó là một, đó là chuyên chính vô sản.

1.2. Dựa trên những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội:

- Quan điểm xây dựng chủ nghĩa xã hội: "Dân giàu, nước mạnh" - là xã hội xoá áp bức, bóc lột, làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no, tự do, hạnh phúc và học hành tiến bộ, mọi người, mọi nhà, mọi dân tộc sống với nhau bình đẳng và đoàn kết.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình gian khổ, khó khăn, lâu dài. Để đạt mục tiêu đó không thể nôn nóng, chủ quan duy ý chí, mà phải tuân theo qui luật với nhiều giai đoạn, thời kỳ cao thấp khác nhau, với những giải pháp khác nhau.

1.3. Thực tiễn của hơn ba thập kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

- Những kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc từ sau năm 1954 và trên cả nước ta từ sau năm 1975.

- Thực tiễn phức tạp của tình hình thế giới giúp cho Đảng ta nhận ra: mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ không còn thích hợp. Mô hình đó cần thay đổi cho phù hợp với nhu cầu khách quan - nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.4. Đổi mới từ các cơ sở Đảng và quần chúng nhân dân:

Mô hình chủ nghĩa xã hội cũ bộc lộ nhiều khuyết điểm. Để khắc phục, nhiều địa phương đã tự giác, sáng tạo tìm cách làm mới để thoát ra khỏi khó khăn kể cả trong nông nghiệp, trong công nghiệp, trong phân phối lưu thông,... Đảng ta quan tâm theo dõi, nắm bắt những tìm tòi có tính sáng tạo và kịp thời chỉ đạo tổng kết để đi đến quyết định đổi mới toàn diện.

2. <u>Nội dung đường lối</u>

2.1. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu, những khó khăn do khủng hoảng kinh tế - xã hội tạo ra, những sai lầm kéo dài của Đảng,… Đại hội tổng kết thành 4 bài học kinh nghiệm lớn:

- Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc".

- Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo qui luật khách quan.

- Phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

- Chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2.2. Đại hội đề ra nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

- Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

2.3. Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

- Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy.

- Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý.

- Tạo ra chuyển biến về mặt xã hội.

- Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

2.4. Đại hội nêu lên 5 phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội:

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư.

- Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

- Phát huy mạnh mẽ động lực của khoa học kỹ thuật.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

2.5. Về huy động sức mạnh của quần chúng:

Đại hội xác định phải phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện khẩu hiệu: " Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

2.6. Về tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực hiện của Đảng:

Đại hội nêu rõ: Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng mở đường cho đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ đề 23: Những thành tựu, hạn chế và những bài học lịch sử của 20 năm đổi mới.

1. Những thành tựu

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, công cuộc đổi mới nước ta đã đạt được những thành tự to lớn:

- Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện.

- Kinh tế tăng trưởng nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh.

- Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

- Chính trị xã hội ổn định.

- Quốc phòng và an ninh được giữ vững.

- Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao.

- Sức mạnh tổng hợp của quốc gia tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu trên đã chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đứng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn, hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành những nét cơ bản.

2. Những hạn chế

- Nước ta vẫn trong tình trạng kém, phát triển. Kinh tế vẫn còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và thế giới.

- Các lĩnh vực văn hóa xã hội, xây dựng hệ thống chính trị còn nhiều yếu kém.

- Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội,…

3. Những bài học lớn

- Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

- Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

- Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Chủ đề 24: Trình bày bài học kinh nghiệm về việc nắm vững và kết hợp đúng đắn vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi có sự lãnh đạo của Đảng.

1. Cơ sở đề ra đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

- Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong thời đại mới.
- Điều kiện, hoàn cảnh và yêu cầu khách quan của cuộc vận động cứu nước ở nước ta vào những năm 20 của thế kỷ XX.
- Xu thế phát triển chung của thời đại mới.

2. Nắm vững và kết hợp đúng đắn vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng

2.1 Đường lối

Cương lĩnh chính trị của Đảng xác định:

- Cách mạng Việt Nam là một quá trình cách mạng không ngừng trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở giai đoạn đầu - Làm xong mục tiêu cơ bản là giành chính quyền thì sẽ chuyển sang giai đoạn tiếp theo, quá độ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Mục đích cuối cùng là xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên nước Việt Nam. Xác lập vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân; xác lập sự liên minh công nhân, nông dân và trí thức.

2.2 Thực tiễn

- Thời kỳ 1930 - 1954: tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

+ Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: Độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp; chủ nghĩa xã hội là phương hướng tiến lên.

+ Mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến: Hai nhiệm vụ được tiến hành đồng thời trong mối quan hệ khăng khít không tách rời, song, không thể tiến hành song song nhất loạt ngang nhau. Chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu; chống phong kiến được thực hiện từng bước và phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc (minh họa)…

- Thời kỳ 1954 - 1975: kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Vị trí cách mạng từng miền: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng trên cả nước và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.

+ Mối quan hệ giữa cách mạng hai miền: Cách mạng hai miền có chung mục tiêu là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà. Quan hệ giữa cách mạng hai miền là quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến. Hai miền có mối quan hệ khăng khít, gắn bó, thúc đẩy nhau cùng phát triển.

+ Sức mạnh của đường lối kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: Huy động được sức mạnh của cả nước. Quy tụ được sức mạnh của các dòng thác cách mạng thời đại. Sức mạnh dân tộc cùng với sức mạnh của các dòng thác cách mạng thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp vĩ đại để dân tộc ta đánh Mỹ và thắng Mỹ.

- Thời kỳ 1975 - nay: xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

+ Quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn làm một.

+ Hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội (nhiệm vụ hàng đầu) và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Giữa hai nhiệm vụ có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau. Xây dựng là tạo điều kiện để bảo vệ. Bảo vệ là để xây dựng.

Chủ đề 25: Phân tích chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất.

1. Quan điểm của Đảng: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân

- Đây là quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời là sự kế thừa và phát triển tư tưởng "nước lấy dân làm gốc" của ông cha ta.

- Một trong những tư tưởng lớn của Đảng và Bác là: nhân dân có sức mạnh dời non lấp biển. Nhân dân là nền, là gốc của nhà nước, của chế độ, là gốc của mọi thắng lợi. Có dân là có tất cả. Đoàn kết càng rộng, càng vững chắc thì thắng lợi càng lớn.

2. Khối đại đoàn kết toàn dân - sức mạnh thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Trong hơn 70 năm qua, sức mạnh của Đảng ta, của cách mạng nước ta là sức mạnh của quần chúng nhân dân được giác ngộ, tổ chức lại dưới sự lãnh đạo của Đảng trong tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất (làm rõ vai trò của quần chúng nhân dân đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng).

3. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành công trong việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc

- Cơ sở của khối đại đoàn kết dân tộc: Thống nhất lợi ích dân tộc và lợi ích các giai cấp.

- Những hình thức tổ chức công tác quần chúng: đa dạng, phong phú, thích hợp với từng giai cấp, từng thời kỳ.

- Mục tiêu, động lực của cách mạng Việt Nam: Phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Nguyên tắc bảo đảm thực hiện đại đoàn kết: Đảng vừa là thành viên của Mặt trận, vừa là lực lượng lãnh đạo Mặt trận.

- Yêu cầu của việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

+ Đoàn kết mọi người trên cơ sở lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của dân tộc.

+ Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được thể hiện trong mọi đường lối, chủ trương của Đảng, trong chính sách và pháp luật của Nhà nước.

+ Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh có hiệu lực cao, thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

+ Mở rộng khối đại đoàn kết bằng các hình thức tập hợp đa dạng.

Chủ đề 26: Trình bày bài học kinh nghiệm về đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Quan điểm của Đảng về đoàn kết quốc tế được thể hiện là đoàn kết với giai cấp vô sản và nhân dân tất cả các nước, đoàn kết với phong trào giải phóng dân tộc

ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đoàn kết với tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới.

1. Đặt cách mạng Việt Nam trong xu thế chung của thời đại, kết hợp lợi ích dân tộc với lợi ích chung của nhân dân các nước

"Cách mạng An Nam cũng là một bộ phận trong cách mạng thế giới. Ai làm cách mạng trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả", "Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới",...

2. Chăm lo giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân

- Không có tinh thần yêu nước chân chính thì không có lập trường quốc tế đúng đắn. Trái lại, không có lập trường quốc tế đúng đắn thì cũng không có một đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn. Đó là hai mặt thống nhất của một đường lối cách mạng.

- Đứng vững trên lập trường cách mạng của giai cấp công nhân, trung thành với chủ nghĩa Mác- Lênin, Đảng ta kiên quyết chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh, hữu khuynh, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

3. Đoàn kết, hợp tác quốc tế trên cơ sở đường lối độc lập, tự chủ, nâng cao ý thức tự lực, tự cường

- Sự giúp đỡ của quốc tế là to lớn và rất quan trọng, là nhân tố không thể thiếu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường (trước hết là độc lập về đường lối) là hết sức cần thiết. Nó đòi hỏi Đảng ta phải có tư duy độc lập và sáng tạo. Độc lập, tự chủ không có nghĩa là đóng cửa khép kín, biệt lập với bên ngoài mà phải mở cửa, mở rộng quan hệ với các nước.

- Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và tăng cường đoàn kết quốc tế, hợp tác quốc tế là hai mặt thống nhất trong đường lối chiến lược nhất quán của Đảng ta.

- Trong nhận thức và hành động của mình, Đảng và nhân dân ta không chỉ tranh thủ sự ủng hộ to lớn của quốc tế mà còn có những đóng góp xứng đáng vào các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới, xây dựng sự đoàn kết, hợp tác giữa các nước.

Chủ đề 27: Trình bày những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và mang tầm vóc thời đại của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hơn bảy mươi năm qua, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã giành được những thắng lợi vĩ đại, làm cho bộ mặt của đất nước, của dân tộc ta hoàn toàn thay đổi.

1. Thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945

Với thắng lợi này nhân dân ta đã:

- Lật nhào ách thống trị hơn 80 năm của đế quốc Pháp - Nhật

- Lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

- Mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Là sự kiện tiêu biểu cho xu thế thời đại: xu thế cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với sự phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc

2.1. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai

Với thắng lợi này nhân dân ta đã:

- Bảo vệ được nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - thành quả của cách mạng Tháng Tám.

- Giải phóng miền Bắc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên nửa nước, tạo điều kiện vững chắc để nhân dân ta tiến lên giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước.

- Cắm thêm cột mốc mới - cột mốc sụp đổ hoàn toàn không có gì cứu vãn nổi của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới.

2.2. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Với thắng lợi này nhân dân ta đã:

- Kết thúc hoàn toàn cuộc cách mạng dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước và mở ra một giai đoạn cách mạng mới: giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất và tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đập tan cuộc phản kích lớn nhất của Mỹ và các lực lượng phản cách mạng kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II, giáng đòn thất bại đầu tiên vào chủ nghĩa thực dân mới do Mỹ ra sức áp đặt cho các nước chậm phát triển, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mỹ.

- Góp phần tăng cường lực lượng cho hệ thống xã hội chủ nghĩa; cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

3.Thắng lợi bước đầu trong sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Với thắng lợi này nhân dân ta đã:

- Đưa đất nước ta thoát ra sự khủng hoảng kinh tế - xã hội.

- Đất nước ta bước vào thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, tạo tiền đề vững chắc đưa dân tộc ta vững bước vào thế kỉ XXI.

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được nhận rõ và khẳng định tính đúng đắn của con đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

Chủ đề 28: Phân tích đường lối công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới. Đánh giá sự thực hiện đường lối đó.

1. Phân tích đường lối

1.1 Đặc điểm chủ yếu chi phối sự hình thành và điều chỉnh đường lối công nghiệp hóa của Đảng

- Tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp kém phát triển.

- Từ năm 1960 đến năm 1975, tiến hành công nghiệp hóa trong điều kiện đất nước bị chia cắt, miền Bắc vừa thực hiện vai trò hậu phương lớn, vừa đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Từ năm 1979 đến năm 1985 tiến hành công nghiệp hóa trong điều kiện đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

- Các nước xã hội chủ nghĩa thực hiện công nghiệp hóa theo đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng và cách mạng Việt Nam nhận được sự giúp đỡ to lớn của các nước anh em…

1.2. Đường lối công nghiệp hóa của Đảng

a. Ở miền Bắc từ năm 1960 đến năm 1975

- Đại hội III của Đảng (tháng 9/1960), trên cơ sở phân tích đặc điểm miền Bắc, trong đó đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đã khẳng định :

+ Tính tất yếu của công nghiệp hóa đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Quan điểm đúng này được khẳng định nhiều lần trong các Đại hội Đảng sau này.

+ Mục tiêu cơ bản của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa cân đối và hiện đại; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu cơ bản phải thực hiện lâu dài, qua nhiều giai đoạn.

- Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá III (tháng 4/1962) nêu phương hướng chỉ đạo và phát triển công nghiệp:

+ Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý:

+ Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp.

+ Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

+ Ra sức phát triển công nghiệp trung ương, đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương.

b. Trên phạm vi cả nước từ năm 1975 đến năm 1985

- Đại hội IV của Đảng (tháng 12/1976), trên cơ sở phân tích toàn diện tình hình trong nước và quốc tế, đề ra đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là: "Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội

chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp trong cả nước thành thành một cơ cấu công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất".

- Đại hội V của Đảng (tháng 3/1982):

+ Rút ra kết luận: từ một nền sản xuất nhỏ đi lên, điều quan trọng là phải xác định đúng bước đi của công nghiệp hóa cho phù hợp với mục tiêu và khả năng của mỗi chặng đường.

+ Nội dung chính của công nghiệp hóa trong chặng đường trước mắt của thời kỳ qúa độ là lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; việc xây dựng và phát triển công nghiệp nặng trong giai đoạn này cần làm có mức độ, vừa sức, nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

c. Đặc trưng chủ yếu của công nghiệp hóa thời kỳ 1960 -1985

- Công nghiệp hóa theo mô hình nền kinh tế khép kín, hướng nội và thiên về phát triển công nghiệp nặng.

- Công nghiệp hóa chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa; chủ lực thực hiện công nghiệp hóa là Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước; việc phân bổ nguồn lực để công nghiệp hóa được thực hiện thông qua cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp không tôn trọng các qui luật của thị trường.

- Nóng vội, giản đơn, duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm đến hiệu quả kinh tế xã hội.

2. <u>Đánh giá sự thực hiện đường lối</u>

2.1. Thành tựu và ý nghĩa

- So với năm 1955, số xí nghiệp tăng lên 16,5 lần. Nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành, đã có nhiều cơ sở đầu tiên cho các ngành công nghiệp nặng quan trọng như điện, than, cơ khí, luyện kim, hóa chất được xây dựng.

Đã có hàng chục trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật xấp xỉ 43 vạn người, tăng 19 lần so với năm 1960 là thời điểm bắt đầu công nghiệp hóa.

- Những kết quả trên đây có ý nghĩa hết sức quan trọng - tạo cơ sở ban đầu để nước ta phát triển nhanh hơn trong các giai đọan tiếp theo.

2.2. Hạn chế và nguyên nhân

- Hạn chế:

+ Cơ sở vật chất - kỹ thuật còn hết sức lạc hậu. Những ngành công nghiệp then chốt còn nhỏ bé và chưa được xây dựng đồng bộ, chưa đủ sức làm nền tảng cho nền kinh tế quốc dân.

+ Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp mới chỉ bước đầu phát triển, nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu về lương thực, thực phẩm cho xã hội. Đất nước

vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển, rơi vào khủng hoảng kinh tế xã hội.

- Nguyên nhân những hạn chế:

+ Về khách quan: Tiến hành công nghiệp hóa từ điểm xuất phát thấp (nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn) và trong điều kiện chiến tranh kéo dài, vừa bị tàn phá nặng nề, vừa không thể tập trung sức người, sức của cho công nghiệp hóa.

+ Về chủ quan: Những sai lầm nghiêm trọng xuất phát từ chủ quan duy ý chí trong nhận thức và chủ trương công nghiệp hóa.

Chủ đề 29: Phân tích nội dung và định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

1. Nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức

- Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có gía trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, từng dự án kinh tế - xã hội.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lĩnh thổ.

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng xuất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

2. Định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức

2.1. Đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân:

- Một là, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Hai là, về qui hoạch và phát triển nông thôn.

- Ba là, về giải quyết lao động, việc làm ở nông thôn.

2.2. Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ:

- Một là, đối với công nghiệp và xây dựng.

- Hai là, đối với dịch vụ.

2.3. Phát triển kinh tế vùng:

- Có cơ chế chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, đồng thời tạo ra sự liên kết giữa các vùng, khắc phục tình trạng chia cắt khép kín theo địa giới hành chính.

- Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam để tạo đông lực phát triển và sự lan tỏa đến các vùng khác, có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực để phát triển các vùng khó khăn.

2.4. Phát triển kinh tế biển:

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển (hệ thống cảng biển và vận tải biển, công nghiệp đóng tàu biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế

biển hải sản, phát triển du lịch,…). Sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.

2.5. Chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu công nghệ:

- Phát triển nguồn nhân lực có cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao; giảm tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, đến năm 2010 còn dưới 50% lực lượng lao động xã hội.

- Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số ngành và lĩnh vực then chốt. Chú trong phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

- Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo. Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài.

- Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đặc biệt là cơ chế tài chính.

2.6. Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên:

- Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia. Quan tâm đầu tư vào lĩnh vực môi trường, khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường. Ngăn chặn các hành vi hủy hoại và gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc chi trả cho việc xử lý ô nhiễm.

- Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

- Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

+ Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

Chủ đề 30: Phân tích đặc điểm, hình thức của cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp. Đánh giá sự thực hiện cơ chế đó ở nước ta.

1. Đặc điểm

Trước đổi mới, cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta là cơ chế kế hoạch hóa tập trung với những đặc điểm chủ yếu là:

- Thứ nhất, nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết từ trên xuống dưới. Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chỉ tiêu pháp lệnh được giao. Tất cả phương hướng sản xuất, nguồn vật tư, tiền vốn, định giá sản phẩm, tổ chức bộ máy, nhân sự, tiền lương…đều do các cấp có thẩm quyền quyết định. Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch, cấp phát vốn, vật tư cho doanh nghiệp, doanh nghiệp giao nộp sản phẩm cho nhà nước. Lỗ thì nhà nước bù, lãi thì nhà nước thu.

- Thứ hai, các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với quyết định của mình. Những thiệt hại vật chất do các quyết định không đúng gây ra thì ngân sách nhà nước phải gánh chịu. Các doanh nghiệp không có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, cũng không bị ràng buộc trách nhiệm đối với kết quả sản xuất kinh doanh.

- Thứ ba, quan hệ hàng hóa - tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước quản lý kinh tế thông qua chế độ cấp phát - giao nộp.

- Thứ tư, bộ máy quản lý cồng kềnh, nhiều cấp trung gian vừa kém năng động vừa sinh ra đội ngũ quản lý kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu.

2. Hình thức

- Bao cấp qua giá: Nhà nước quyết định giá trị tài sản, thiết bị, vật tư, hàng hóa thấp hơn giá trị thực của chúng nhiều lần so với giá thị trường. Do đó, hạnh toán kinh tế chỉ là hình thức.

- Bao cấp qua chế độ tem phiếu: Nhà nước quy định chế độ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên, công nhân theo định mức qua hình thức tem phiếu. Chế độ tem phiếu với mức giá khác xa so với giá thị trường đã biến chế độ tiền lương thành lương hiện vật, thủ tiêu động lực kích thích người lao động và phá vỡ nguyên tắc phân phối theo lao động.

- Bao cấp theo chế độ cấp phát vốn của ngân sách, nhưng không có chế tài ràng buộc trách nhiệm vật chất đối với các đơn vị được cấp vốn. Điều đó vừa làm tăng gánh nặng đối với ngân sách vừa làm cho sử dụng vốn kém hiệu quả, nảy sinh cơ chế "xin - cho"

3. Đánh giá sự thực hiện đường lối

Trong thời kì kinh tế còn tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng thì cơ chế này có tác dụng nhất định, nó cho phép tập trung tối đa các nguồn lực kinh tế vào các mục tiêu chủ yếu trong từng giai đoạn và điều kiện cụ thể, đặc biệt trong quá trình công nghiệp hóa theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Trong điều kiện nền kinh tế thế giới chuyển sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu dựa trên cơ sở áp dụng các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại thì cơ chế kế hoạch hóa tập trung ngày càng bộc lộ những khiếm khuyết của nó :

- Thủ tiêu cạnh tranh, kìm hãm tiến bộ khoa học - công nghệ.

- Triệt tiêu động lực kinh tế đối với người lao động.

- Không kích thích tính năng động, sáng tạo của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Làm cho kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, trong đó có nước ta, lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

Chủ đề 31: Phân tích sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kì đổi mới.

1. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII

Đây là giai đoạn hình thành và phát triển tư duy của Đảng về kinh tế thị trường. So với thời kì trước đổi mới, nhận thức về kinh tế thị trường có sự thay đổi căn bản và sâu sắc.

- Một là, kinh tế thị trường không phải là cái riêng của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại. Lịch sử phát triển nền sản xuất xã hội cho thấy sản xuất và trao đổi hàng hóa là tiền đề quan trọng cho sự ra đời và phát triển của kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường đã có mầm mống từ trong xã hội nô lệ,

hình thành trong xã hội phong kiến và phát triển cao trong chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản không sản sinh ra kinh tế hàng hóa, do đó, kinh tế thị trường với tư cách là kinh tế hàng hóa ở trình độ cao không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản mà là thành tự phát triển chung của nhân loại. Kinh tế thị trường lấy khoa học, công nghệ hiện đại làm cơ sở và nền sản xuất hóa cao.

- Hai là, kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường xét dưới góc độ "một kiểu tổ chức kinh tế" là phương thức tổ chức, vận hành nền kinh tế, là phương tiện điều tiết kinh tế lấy cơ chế thị trường làm cơ sở để phân bổ các nguồn lực kinh tế và điều tiết mối quan hệ giữa người với người. Kinh tế thị trường chỉ đối lập với kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc chứ không đối lập với các chế độ xã hội. Bản thân kinh tế thị trường không phải là đặc trưng bản chất cho chế độ kinh tế cơ bản của xã hội. Kinh tế thị trường tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau. Kinh tế thị trường vừa có thể liên hệ với chế độ công hữu và phục vụ cho chúng.

- Ba là, có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Các chủ thể kinh tế có tính độc lập, có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, lỗ, lãi tự chịu. Giá cả cơ bản do cung cầu điều tiết, hệ thống thị trường phát triển đồng bộ và hoàn hảo. Nền kinh tế có tính mở cao và vận hành theo quy luật vốn có của kinh tế thị trường như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, quy luật lưu thông tiền thị trường. Có hệ thống pháp quy kiện toàn và sự quản lý vĩ mô của nhà nước.

2. <u>Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X</u>

- Đảng xác định: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là "một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội".

- Nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta thể hiện ở bốn tiêu chí là:

+ Về mục đích phát triển: mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta nhằm thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

+ Về phương hướng phát triển: phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, trong mỗi cá nhân và mọi vùng miền…phát huy tối đa nội lực để phát triển nhanh nền kinh tế. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để nhà nước điều tiết nền kinh tế, định hướng cho sự phát triển vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

+ Về định hướng xã hội và phân phối: thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển và chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo, giải quyết

tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Hạn chế tác động tiêu cực của kinh tế thị trường.

Trong lĩnh vực phân phối, định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội. Đồng thời để huy động mọi nguồn lực kinh tế cho sự phát triển chúng ta còn thực hiện phân phối theo mức đóng góp và các nguồn lực khác.

+ Về quản lý: phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân. Bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết của nền kinh tế của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tiêu chí này thể hiện sự khác biệt cơ bản giữa kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, bảo đảm quyền lợi chính đáng của mọi người.

Chủ đề 32: Phân tích mục tiêu và quan điểm của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường

- Thể chế kinh tế là một bộ phận cấu thành của hệ thống thể chế xã hội, tồn tại bên cạnh cấc bộ phận khác như thể chế chính trị, thể chế giáo dục… thể chế kinh tế nói chung là một hệ thống quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

- Thể chế kinh tế thị trường là một tổng thể bao gồm các bộ quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường vừa chịu sự chi phối của các yếu tố đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hiểu là thể chế kinh tế thị trường, trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng về phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Mục tiêu cơ bản của hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là làm cho các thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu này yêu cầu phải hoàn thành cơ bản vào năm 2020.

- Những năm trước mắt cần đạt các mục tiêu:

+ Một là, từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, bảo đảm cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi. Phát huy vai trò của đạo của kinh tế nhà nước đi đôi với phát triển nhanh mạnh mẽ vác thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp. Hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

+ Hai là, đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp hành chính.

+ Ba là, phát triển đồng bộ, đa dạng các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới.

+ Bốn là, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

+ Năm là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội.

3. Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Chủ động tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chủ đề 33: Phân tích những chủ trương của Đảng nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Một số điểm cần thống nhất là:

+ Cần thiết sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Kinh tế thị trường là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu.

+ Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân mà đại diện là nhà nước, đồng thời bảo đảm và tôn trọng các quyền của người sử dụng đất.

+ Tách biệt vai trò của nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế - xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của nhà nước; tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của nhà nước với chức năng quản trị kinh tế của doanh nghiệp nhà nước.

+ Quy định rõ, cụ thể về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loài tài sản. đồng thời quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với xã hội. Bổ sung luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ phát triển sở hữu tập thể, các hợp tác xã, bảo vệ quyền và lợi ích của xã viên đối với tài sản. Tạo cơ chế khuyến khích liên kết giữa sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân, làm cho chế độ sở hữu cổ phần, sở hữu hỗn hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

+ Ban hành các quy định pháp lý về quyền sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, các nhân nước ngoài tại Việt Nam.

- Hoàn thiện thể chế về phân phối

+ Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn lực, phân phối và phân phối lại theo hướng bảo đảm tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển.

+ Các nguồn lực xã hội được phân bổ theo cơ chế thị trường và chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của nhà nước, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội.

+ Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, của người lao động và doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động.

+ Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế. Đổi mới, sắp xếp lại, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thu hẹp các lĩnh vực độc quyền nhà nước. Đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác theo cơ chế thị trường, theo nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi và phát triển cộng đồng. Thực hiện nghiêm túc, nhất quán một mặt bằng pháp lý kinh doanh không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế…

+ Đổi mới cơ chế quản lý của nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả.

3. Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường

- Hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường và tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa, dịch vụ và xử lý sai phạm. Phát huy tốt vai trò điều hành thị trường tiền tệ của ngân hàng nhà nước, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vừa kiểm soát lạm phát và từng bước mở rộng thị trường tín dụng, các dịch vụ ngân hàng cho phù hợp với cam kết quốc tế.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách cho hoạt động và phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán, tăng tính minh bạch, chống các giao dịch phi pháp, các hành vi rửa tiền, nhiễu loạn thị trường. Tạo điều kiên phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc các thành phần kinh tế, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm bảo hiểm thực hiện lộ trình mở cửa thị trường bảo hiểm theo cam kết hội nhập quốc tế. Hoàn thiện luật pháp, cơ chế chính sách để các quyền về đất đai và bất động sản vận động theo cơ chế thị trường. Hoàn thiện luật pháp chính sách về tiền lương, tiền công, trong đó tiền lương phải được coi là giá cả của sức lao động hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung cầu về sức lao động.

- Xây dựng đồng bộ luật pháp, cơ chế chính sách quản lý, hỗ trợ các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Nhà nước tăng đầu tư và đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa cho các ngành giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao.

4. Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường

- Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo, đặc biệt ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc và các căn cứ cách mạng trước đây.

- Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tự nguyện, nhân đạo, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, chăm sóc các đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hoàn thiện pháp luật, chính sách về bảo vệ môi trường, có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm, xử lý triệt để những ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ngăn chặn không để phát sinh thêm.

5. Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội

- Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện rõ ở chỗ chỉ đạo nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để xác định rõ, cụ thể và đầy đủ hơn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa để tạo ra sự đồng thuận trong xã hội.

- Đổi mới và nâng cao vai trò, hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước. Vai trò kinh tế của Nhà nước thể hiện rõ ở chỗ phát huy mặt tích cực và hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi để nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

- Các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp và nhân dân có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để phát huy vai trò của họ, Nhà nước phải tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để các tổ chức và nhân dân tham gia tích cực và có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi, giám sát thực hiện luật pháp, các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ đề 34: Đánh giá sự thực hiện đường lối chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

1. Kết quả và ý nghĩa

1.1. Kết quả

- Một là, sau hơn 20 năm đổi mới, nước ta đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hóa thành pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.

- Hai là, chế độ sở hữu với nhiều hình thức và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được hình thành: từ sở hữu toàn dân và tập thể, từ kinh tế quốc doanh và hợp tác xã là chủ yếu chuyển sang nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen, hỗn hợp, trong đó hình thức sở hữu toàn dân những tư liệu sản xuất chủ yếu và kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Điều đó đã tạo động lực và điều kiên thuận lợi cho giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Ba là, các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã và đang đi vào cuộc sống thay cho cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Các doanh nghiệp, doanh nhân được tự chủ sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh. Quản lý nhà nước về kinh tế được đổi mới từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh sang quản lý bằng pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

- Bốn là, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

1.2. Ý nghĩa

Sau hơn 20 năm đổi mới, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã hình thành và từng bước hoàn thiện thay cho thể chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp. Thể chế kinh tế mới đã đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, khắc phục được khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra những tiền đề cần thiết đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1 Hạn chế

- Quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, chưa đồng bộ và thống nhất.

- Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong doanh nghiệp nhà nước chưa giải quyết tốt, gây khó khăn cho sự phát triển và làm thất thoát tài sản nhà nước, nhất là khi cổ phần hóa. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác còn bị phân biệt đối xử. Việc xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai còn nhiều vướng mắc. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Thị trường tài chính, bất động sản, khoa học, công nghệ phát

triển chậm, quản lý nhà nước đối với các loại thị trường còn nhiều bất cập. Phân bổ nguồn lực quốc gia chưa hợp lý. Cơ chế xin - cho chưa được xóa bỏ triệt để. Chính sách tiền lương còn mang tính bình quân.

- Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu quả, hiệu lực quản lý còn thấp. Cải cách hành chính chậm, chưa đạt yêu cầu mục tiêu đề ra. Tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu vẫn nghiêm trọng.

- Cơ chế chính sách phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội đổi mới còn chậm, chất lượng dịch vụ, y tế, giáo dục, đào tạo còn thấp. Khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư và các vùng ngày càng lớn. Hệ thống an sinh xã hội còn sơ khai. Nhiều vấn đề bức xúc trong xã hội và bảo vệ môi trường còn chưa được giải quyết.

2.2. Nguyên nhân

- Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề hoàn toàn mới chưa có tiền lệ trong lịch sử. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế do công tác lý luận chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn.

- Năng lực thể chế hóa và quản lý tổ chức thực hiện của Nhà nước còn chậm, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.

- Vai trò tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp còn yếu.

Chủ đề 35: Phân tích cơ sở hình thành hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta.

1. Lý luận Mác - Lênin về thời kỳ quá độ và về chuyên chính vô sản

C. Mác chỉ ra rằng: giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ đến xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ về chính trị và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản. V.I.Lênin nhấn mạnh: muốn chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội thì phải có một thời kỳ chuyên chính vô sản lâu dài. Bản chất của chuyên chính vô sản là sự tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới.

Chuyên chính vô sản là một tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội nhưng việc vận dụng tư tưởng này cần xuất phát từ điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia.

2. Đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới

Về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, Đại hội IV của Đảng Cộng sản Việt Nam viết: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng,…Đại hội V của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục khẳng định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV đề ra. Như vậy, trước ngày Đảng đề ra đường lối đổi mới, hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức và hoạt động theo các yêu cầu, mục tiêu, nhiệm

vụ của chuyên chính vô sản; do vậy, tên gọi chính thức của hệ thống này được xác định là hệ thống chuyên chính vô sản.

3. Cơ sở chính trị

Cơ sở chính trị của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta được hình thành từ năm 1930 và bắt rễ vững chắc trong lòng dân tộc và xã hội

Cơ sở chính trị đó là sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng (các đảng khác: đảng Dân chủ, đảng Xã hội thừa nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối và duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam và là thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

4. Cơ sở kinh tế

Cơ sở kinh tế của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp.

Đó là nền kinh tế hướng tới mục tiêu xóa bỏ hoàn toàn chế độ tư hữu đối với tư liệu sản xuất, thiết lập chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất dưới hai hình thức: sỡ hữu nhà nước và sở hữu tập thể. Nhà nước trở thành một tổ chức kinh tế bao trùm. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chuyên chính vô sản được qui định bởi tính chất và cơ chế vận hành của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp.

5. Cơ sở xã hội

Cơ sở xã hội của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta là liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức

Kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp trong lĩnh vực kinh tế, chính trị và kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa đã tạo nên một kết cấu xã hội bao gồm chủ yếu là 2 giai cấp và 1 tầng lớp: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

Chủ đề 36: Trình bày hoàn cảnh lịch sử và nội dung xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới.

1. Hoàn cảnh lịch sử

1.1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (giai đoạn 1945 - 1954).

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đánh dấu sự hình thành ở nước ta một hệ thống chính trị cách mạng với những đặc trưng sau:

- Có nhiệm vụ thực hiện đường lối cách mạng đánh đuổi đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất đất nước, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Cơ sở tư tưởng đoàn kết cho hệ thống chính trị trong giai đoạn này là khẩu hiệu: "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết".

- Dựa trên nền tảng của khối đoàn kết dân tộc rộng rãi: không phân biệt giống nòi, giai cấp, tôn giáo, ý thức hệ,,…không chủ trương đấu tranh giai cấp. Đặt lợi ích dân tộc là cao nhất.

- Có một chính quyền tự xác định là công bộc của nhân dân. Coi dân là chủ và dân làm chủ; cán bộ sống và làm việc giản dị, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng (11/1945 – 02/1951) được ẩn trong vai trò của Quốc hội và Chính phủ, trong vai trò của cá nhân Hồ Chí Minh và các đảng viên trong Chính phủ.

- Có mặt trận (Liên Việt) và nhiều tổ chức quần chúng rộng rãi, làm việc tự nguyện không hưởng lương; do đó, không điều kiện công chức hóa, quan liêu hóa.

- Cơ sở kinh tế của hệ thống chính trị dân chủ nhân dân là nền sản xuất tư nhân hàng hóa nhỏ, phân tán, tự cấp, tự túc; bị kinh tế thực dân và chiến tranh kìm hãm, chưa có viện trợ.

- Đã xuất hiện sự giám sát (ở mức độ nhất định) của xã hội dân sự đối với Nhà nước và Đảng; sự phản biện giữa hai đảng khác (đảng Dân chủ và đảng Xã hội) đối với Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhờ đó, đã giảm thiểu rõ rệt các tệ nạn thường thấy phát sinh trong bộ máy công quyền.

1.2. Hệ thống chuyên chính vô sản (giai đoạn 1955 - 1975 và 1975 - 1989):

- Khi giai cấp công nhân giữ vai trò lãnh đạo cách mạng thì thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng là sự bắt đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự bắt đầu của thời kỳ thực hiện nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (miền Bắc sau năm 1954 và trên cả nước từ sau tháng 4 năm 1975).

- Từ sau tháng 4 năm 1975, với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước; Do đó, hệ thống chính trị nước ta cũng chuyển sang giai đoạn mới: từ hệ thống chuyên chính dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản trên phạm vi nửa nước (giai đoạn 1955 - 1975) sang hệ thống chuyên chính vô sản hoạt động trên phạm vi cả nước.

- Bước sang giai đoạn mới, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần IV nhận định: Muốn đưa sự nghiệp cách mạng đến toàn thắng, điều kiện tiên quyết trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

2. Nội dung xây dựng hệ thống chính trị

Việc xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản được quan niệm là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; tức là xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh các quan hệ xã hội thể hiện ngày càng đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; do đó, chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản gồm những nội dung sau:

- Một là, xác định quyền làm chủ của nhân dân lao động được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức.

- Hai là, xác định Nhà nước trong thời kỳ quá độ là Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, là một tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một tổ chức

thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với tiến trình phát triển của xã hội.

- Ba là, xác định Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản. Sự lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cao nhất cho chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, cho sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

- Bốn là, xác định nhiệm vụ chung của Mặt trận và các đoàn thể là bảo đảm cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước. Vai trò và sức mạnh của các đoàn thể chính là ở khả năng tập hợp quần chúng, hiểu rõ tâm tư nguyện vọng của quần chúng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng. Muốn vậy, đoàn thể phải đổi mới hình thức tổ chức và phương thức hoạt động cho phù hợp với điều kiện mới. Hoạt động của các đoàn thể phải năng động, nhạy bén với những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống, khắc phục bệnh quan liêu, đơn giản và khô cứng trong tổ chức và trong sinh hoạt. Mở rộng hình thức tổ chức theo nghề nghiệp, theo nhu cầu đời sống và nhu cầu sinh hoạt văn hóa để thu hút đông đảo quần chúng vào các hoạt động xã hội, chính trị.

- Năm là, xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý là cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội.

Chủ đề 37: Phân tích quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta.

1. Nhận thức mới về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị

- Nhận thức: đổi mới là một quá trình. Quá trình này bắt đầu từ đổi mới kinh tế, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, đồng thời, từng bước đổi mới hệ thống chính trị.

- Đổi mới thành công về kinh tế sẽ tạo điều kiện cơ bản để tiến hành đổi mới hệ thống chính trị thuận lợi. Hệ thống chính trị được đổi mới kịp thời, phù hợp sẽ là điều kiện quan trọng để thúc đẩy đổi mới và phát triển kinh tế.

2. Nhận thức mới về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) khẳng định: "Trong toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân ".

- Báo cáo Chính trị (Đại hội VII) chỉ rõ: thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

3. Nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và về động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới

- Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam: "Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã

hội khác nhau, nhưng cơ cấu, vị trí, tính chất của các giai cấp trong xã hội đã có nhiều thay đổi cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển, thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công, …".

- Động lực chủ yếu phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

4. Nhận thức mới về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị

- Hệ thống chính trị ở nước ta vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; trong đó, Đảng vừa là một bộ phận của hệ thống chính trị, vừa là hạt nhân lãnh đạo hệ thống ấy, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có chức năng thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, có vai trò quan trọng trong việc phản biện, giám sát xã hội, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Nhân dân là người làm chủ xã hội, làm chủ thông qua Nhà nước và các cơ quan đại diện; đồng thời, làm chủ trực tiếp ở cơ sở thông qua cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; làm chủ thông qua hình thức tự quản.

5. Nhận thức mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị

- Thuật ngữ về "xây dựng nhà nước pháp quyền" lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VII.

- Các Hội nghị và Đại hội Đảng sau đó tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và làm rõ thêm nội dung của nó:

+ Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.

+ Pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

+ Người dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền tự do sống và làm việc theo khả năng, sở thích của mình trong phạm vi pháp luật cho phép.

6. Nhận thức mới về vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị

Nhận thức rõ hơn về vai trò, vị trí, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Đảng Cộng sản cầm quyền là Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không làm thay Nhà nước. Đảng quan tâm xây dựng, củng cố Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, phát huy vai trò của các thành tố này trong quản lý, điều hành xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Chủ đề 38: Phân tích mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

1. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

1.1. Mục tiêu

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

1.2. Quan điểm

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, có hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

2. Chủ trương xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị

- Trọng tâm đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các bộ phận cấu thành hệ thống. Trong đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, vấn đề mấu chốt là đổi mới phương thức hoạt động của Đảng, khắc phục khuynh hướng Đảng bao biện làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.

- Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn coi trọng việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ đối với đổi mới các mặt của công tác xây dựng Đảng, với đổi mới tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức; đồng bộ với đổi mới kinh tế, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội, đẩy nhanh phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng đòi hỏi phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt các nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành.

Chủ đề 39: Phân tích mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng Nhà nước trong hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

1. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

1.1. Mục tiêu

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

1.2. Quan điểm

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, có hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

2. Xây dựng Nhà nước trong hệ thống chính trị:

2.1. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Nhà nước của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

- Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật, bảo đảm cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ; đồng thời, tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận.

2.2. Một số biện pháp lớn cần thực hiện để xây dựng Nhà nước pháp quyền

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, tính khả thi của các qui định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội. Đổi mới qui trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại.

- Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.

Chủ đề 40: Phân tích mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

1. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị:

1.1. Mục tiêu

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là

nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

1.2. Quan điểm

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, có hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều theo hướng tác động, thúc đẩy xã hội phát triển; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

2. Chủ trương xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị:

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chủ trương, chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

- Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên, Luật Công đoàn,…Quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân tham xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

- Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để khắc phục tình trạng hành chánh hóa, để nâng cao chất lượng hoạt động, làm tốt công tác dân vận theo phong cách trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

Chủ đề 41: Đánh giá sự thực hiện đường lối xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta thời kỳ đổi mới.

1. Kết quả và ý nghĩa:

1.1. Kết quả

- Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta có nhiều đổi mới góp phần xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Hoạt động của hệ thống chính trị ngày

càng hướng về cơ sở. Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có nhiều đổi mới theo hướng phát huy dân chủ, cải cách hành chính, công khai hoạt động của chính quyền, tăng cường đối thoại, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân. Dân chủ trong xã hội có bước phát triển. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng lên.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh. Nhà nước được từng bước kiện toàn từ cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa hình thức để tập hợp ngày càng rộng rãi các tầng lớp nhân dân; phát huy dân chủ; chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, bước đầu thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội.

- Đảng thường xuyên coi trọng việc xây dựng, chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, phong cách công tác có nhiều đổi mới và tiến bộ; dân chủ trong Đảng được phát huy, quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được củng cố.

Như vậy, qua 20 năm đổi mới, hệ thống chính trị đã thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng, quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực ngày càng được phát huy.

1.2. Ý nghĩa

Kết quả đạt được khẳng định đường lối đổi mới nói chung, đường lối đổi mới hệ thống chính trị nói riêng là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn, bước đầu đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Kết quả đổi mới hệ thống chính trị đã góp phần làm nên thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở nước ta.

2. <u>Hạn chế và nguyên nhân:</u>

2.1. Hạn chế

- Trong thực tế, hệ thống chính trị nước ta còn nhiều nhược điểm. Năng lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa ngang tầm với đòi hỏi của tình hình.

- Việc cải cách nền hành chính quốc gia còn rất nhiều hạn chế. Bộ máy hành chính còn nhiều nấc làm cho việc quản lý các quá trình kinh tế - xã hội chưa nhanh, nhạy và có hiệu quả. Tình trạng quan liêu, hách dịch, nhũng nhiễu của một bộ phận công chức chưa được khắc phục; kỷ cương, phép nước bị xem thường ở nhiều nơi.

- Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vẫn chưa thoát khỏi tình trạng hành chính, xơ cứng.

Nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị còn trầm trọng, quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm.

- Vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn yếu, chưa có cơ chế thật hợp lý để phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị nói chung, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nói riêng chất lượng còn hạn chế.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, còn lúng túng.

2.2. Nguyên nhân:

- Nhận thức về đổi mới hệ thống chính trị chưa có sự thống nhất cao, trong hoạch định và thực hiện một số chủ trương, giải pháp còn ngập ngừng, lúng túng, thiếu dứt khoát, không triệt để.

- Việc đổi mới hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức, còn chậm trễ so với đổi mới kinh tế.

- Lý luận về hệ thống chính trị và về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta còn nhiều điểm chưa sáng tỏ.

Chủ đề 42: Phân tích quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng nền văn hóa của Đảng thời kỳ trước đổi mới. Đánh giá sự thực hiện đường lối đó.

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng văn hóa qua các giai đoạn:

1.1 Giai đoạn 1943 - 1954:

- "Đề cương văn hóa Việt Nam" xác định lĩnh vực văn hóa là một trong 3 mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) của cách mạng Việt Nam và đề ra 3 nguyên tắc của nền văn hóa mới: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa. Nền văn hóa mới Việt Nam có tính chất dân tộc về hình thức, dân chủ về nội dung. Từ quan điểm và chủ trương trên, đến trước 09/1945, Đảng ta xác định nhiệm vụ đầu tiên xây dựng văn hóa của nước Việt Nam độc lập là chống nạn mù chữ và giáo dục lại tinh thần nhân dân.

- Trong báo cáo "Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam" (7/1948) đường lối văn hóa kháng chiến gồm những nội dung cụ thể sau:

+ Xác định mối quan hệ giữa văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc, cổ động văn hóa cứu quốc.

+ Xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng mà khẩu hiệu thiết thực lúc này là dân tộc, dân chủ (nghĩa là yêu nước và tiến bộ).

+ Tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở trường đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ.

+ Giáo dục lại nhân dân, cổ động thực hành đời sống mới.

+ Phát triển cái hay trong văn hóa dân tộc.

+ Bài trừ cái xấu xa hủ bại, ngăn ngừa sức thâm nhập của văn hóa thực dân, phản động; đồng thời, học cái hay, cái tốt của văn hóa thế giới.

+ Hình thành đội ngũ trí thức mới đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc và cho cách mạng Việt Nam.

1.2 Giai đoạn 1955 - 1986:

- Đại hội Đảng lần III (9/1960) chủ trương tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa đồng thời với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học - kỹ thuật, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, con người mới. Mục tiêu là làm cho nhân dân thoát nạn mù chữ và thói hư tật xấu do xã hội cũ để lại, có trình độ văn hóa ngày càng cao, có hiểu biết cần thiết về khoa học, kỹ thuật tiên tiến để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa.

- Đại hội Đảng lần IV (12/1976) và lần V (3/1982) tiếp tục đường lối phát triển văn hóa của Đại hội III, xác định nền văn hóa mới là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân. Nhiệm vụ văn hóa quan trọng trong giai đoạn này là tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước, phát triển mạnh khoa học, văn hóa nghệ thuật, giáo dục tinh thần làm chủ tập thể, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xóa bỏ ảnh hưởng của tư tưởng, văn hóa thực dân mới ở miền Nam.

2. <u>Đánh giá sự thực hiện đường lối:</u>

2.1 Kết quả và ý nghĩa:

Kết quả:

- Nền văn hóa dân chủ mới đã đạt nhiều thành tựu trong kháng chiến và kiến quốc:

+ Xóa bỏ dần những mặt lạc hậu, những cái lỗi thời trong di sản văn hóa phong kiến, trong nền văn hóa nô dịch của thực dân Pháp; bước đầu xây dựng nền văn hóa dân chủ mới với tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ Hoàn thành xóa nạn mù chữ, phát triển hệ thống giáo dục, thực hành rộng rãi đời sống mới; bài trừ hủ tục, lạc hậu.

+ Văn hóa cứu quốc đã động viên nhân dân tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ý nghĩa:

- Thành tựu trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa những năm thời kỳ trước đổi mới đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của cả nước.

- Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự đúng đắn mà còn là thắng lợi của chính sách văn hóa của Đảng - thắng lợi của chủ nghĩa yêu nước và nhân phẩm Việt Nam, của những giá trị tinh thần cao quý của con người Việt Nam.

2.2 Hạn chế và nguyên nhân:

Hạn chế:

Công tác tư tưởng và văn hóa thiếu sắc bén, thiếu tính chiến đấu. Việc xây dựng thể chế văn hóa còn chậm. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống có chiều hướng

phát triển. Đời sống văn học, nghệ thuật còn những mặt bất cập. Rất ít tác phẩm đạt đỉnh cao tương xứng với sự nghiệp cách mạng và sáng kiến vĩ đại của dân tộc. Một số công trình văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống có giá trị không được quan tâm bảo tồn, lưu giữ, thậm chí bị phá hủy, mai một.

Nguyên nhân:

- Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa trong giai đoạn này bị chi phối bởi tư duy chính trị "nắm vững chuyên chính vô sản" mà thực chất là nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, đấu tranh "ai thắng ai" giữa hai con đường, giữa hai phe, đấu tranh ý thức hệ.

- Mục tiêu, nội dung của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa giai đoạn này bị qui định bởi cách mạng quan hệ sản xuất mà tư tưởng chỉ đạo là triệt để xóa bỏ tư hữu, xóa bỏ bóc lột càng nhanh càng tốt, là đưa quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đi trước một bước, tách rời trình độ phát triển thực tế của lực lượng sản xuất.

- Chiến tranh cùng với cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp và tâm lý bình quân chủ nghĩa đã làm triệt tiêu động lực phát triển văn hóa, giáo dục; kìm hãm năng lực tự do sáng tạo.

Chủ đề 43: Phân tích quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng nền văn hóa thời kỳ đổi mới.

1. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI:

Xác định khoa học - kỹ thuật là một động lực to lớn đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế - xã hội; có vị trí then chốt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

- Lần đầu tiên đưa ra quan niệm nền văn hóa Việt Nam có đặc trưng: tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

- Cương lĩnh chủ trương xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú, đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ; khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những quan điểm thấp kém; khẳng định tiếp tục tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

- Kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

- Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của con người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Xác định khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

3. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII, VIII, IX, X và nhiều hội nghị Trung ương:

Xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Đây là một tầm nhìn mới về văn hóa.

- Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII, VIII: khẳng định khoa học và giáo dục đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước ra khỏi nghèo nàn và lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới; do đó, phải xem sự nghiệp giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát huy nhân tố con người - động lực trực tiếp của sự phát triển xã hội.

- Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (7/1998): chỉ ra 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình phát triển văn hóa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX (01/2004): xác định phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế.

- Nghị quyết Trung ương 10 khóa IX (7/2004):

+ Đặt vấn đề bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với nhiệm vụ không ngừng nâng cao văn hóa – nền tảng tinh thần của xã hội. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng về vị trí của văn hóa và công tác văn hóa trong quan hệ với các mặt công tác khác.

+ Nhận định về sự biến đổi của văn hóa trong quá trình đổi mới: cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế làm thay đổi mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thúc đẩy dân chủ hóa đời sống xã hội, đa dạng hóa thị hiếu và phương thức sinh hoạt văn hóa; do đó, phạm vi, vai trò của dân chủ hóa – xã hội hóa văn hóa và của cá nhân ngày càng tăng và mở rộng là những thách thức mới đối với sự lãnh đạo và quản lý công tác văn hóa của Đảng và Nhà nước.

Chủ đề 44: Phân tích quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng nền văn hóa thời kỳ đổi mới.

- Một là, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

+ Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội:

Các giá trị văn hóa tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và trong cả cộng đồng, được truyền lại, tiếp nối và phát huy qua các thế hệ, được vật chất hóa và khẳng định vững chắc trong cấu trúc xã hội của từng dân tộc, đồng thời nó tác động hàng ngày đến cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của mọi thành viên xã hội bằng môi trường xã hội - văn hóa.

+ Văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển:

Nguồn lực nội sinh của sự phát triển của một dân tộc thấm sâu trong văn hóa. Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới, tiếp nhận cái mới, tạo ra cái mới, nhưng lại không thể tách rời cội nguồn. Phát triển phải dựa trên cội nguồn bằng cách phát huy cội nguồn. Cội nguồn đó của mỗi quốc gia dân tộc là văn hóa.

Động lực của sự phát triển kinh tế một phần quan trọng nằm trong những giá trị văn hóa đang được phát huy.

Trong nền kinh tế thị trường, một mặt, văn hóa dựa vào tiêu chuẩn của cái đúng, cái tốt, cái đẹp để hướng dẫn và thúc đẩy người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề,…mặt khác, văn hóa sử dụng sức mạnh của các giá trị truyền thống, của đạo lý dân tộc để hạn chế xu hướng sùng bái lợi ích vật chất, sùng bái tiền tệ,…

Trong vấn đề bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững, văn hóa giúp hạn chế lối sống chạy theo ham muốn quá mức của "xã hội tiêu thụ", dẫn đến chỗ làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường sinh thái.

+ Văn hóa là một mục tiêu của phát triển:

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000, Đảng ta xác định: "Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người". Đồng thời, nêu rõ yêu cầu "tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường". Phát triển hướng tới mục tiêu văn hóa – xã hội mới bảo đảm phát triển bền vững, trường tồn.

+ Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng xã hội mới:

Việc phát triển kinh tế - xã hội cần đến nhiều nguồn lực, trong đó, tri thức của con người là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh, không bao giờ cạn kiệt. Các nguồn lực khác sẽ không được sử dụng có hiệu quả nếu không có những con người đủ trí tuệ và năng lực khai thác chúng.

- Hai là, nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu vì con người. Tiên tiến về nội dung, hình thức biểu hiện và các phương tiện chuyển tải nội dung.

Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị văn hóa truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp trong quá trình dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc. Đó là lòng nhân ái, khoan dung, trọng tình nghĩa, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống,…Bản sắc dân tộc còn đậm nét trong cả hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo.

Bản sắc dân tộc phát triển theo sự phát triển của thể chế kinh tế, thể chế xã hội và thể chế chính trị của các quốc gia. Nó cũng phát triển theo quá trình hội nhập kinh tế thế giới, quá trình giao lưu văn hóa với các quốc gia khác và sự tiếp nhận tích cực văn hóa, văn minh nhân loại.

- Ba là, nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Nét đặc trưng nổi bật của văn hóa Việt Nam là sự thống nhất mà đa dạng, là sự hòa quyện bình đẳng, sự phát triển độc lập của văn hóa các dân tộc sống trên cùng

lãnh thổ Việt Nam. Mỗi thành phần dân tộc có truyền thống và bản sắc của mình, cả cộng đồng dân tộc Việt Nam có nền văn hóa chung nhất. Sự thống nhất bao hàm cả tính đa dạng - đa dạng trong sự thống nhất. Không có sự đồng hóa hoặc thôn tính, kỳ thị bản sắc văn hóa của các dân tộc.

- Bốn là, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Mọi người Việt Nam phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân. Giai cấp công nhân, nông dân, trí thức là lực lượng chủ lực, nòng cốt trong xây dựng và phát triển văn hóa.

- Năm là, văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào cuộc sống, trở thành tâm lý, tập quán tiến bộ, văn minh là một quá trình cách mạng đầy khó khăn, phức tạp. Trong công cuộc đó, xây đi đôi với chống, lấy xây làm chính. Cùng với việc giữ gìn và phát huy những di sản quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, sáng tạo, vun đắp những giá trị mới, phải kiên trì đấu tranh bài trừ các hủ tục, các thói hư tật xấu, chống âm mưu lợi dụng văn hóa để thực hiện diễn biến hòa bình.

Chủ đề 45: Phân tích chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội của Đảng thời kỳ trước đổi mới. Đánh giá sự thực hiện đường lối đó.

1. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội:

1.1. Giai đoạn 1945 -1954:

+ Chính sách xã hội cấp bách lúc bấy giờ là làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành. Tiếp sau đó là làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm. Chủ trương trên đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được những hiệu quả thiết thực.

+ Các vấn đề xã hội được giải quyết trong mô hình Dân chủ nhân dân: Chính phủ có chủ trương và hướng dẫn để các tầng lớp nhân dân chủ động và tự tổ chức giải quyết các vấn đề xã hội của chính mình. Chính sách tăng gia sản xuất, chủ trương tiết kiệm,…trở thành phong trào rộng rãi. Khuyến khích mọi thành phần xã hội phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường. Thực hiện chính sách điều hòa lợi ích giữa chủ và thợ.

1.2. Giai đoạn 1955 - 1975:

Các vấn đề xã hội được giải quyết trong mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, trong hoàn cảnh chiến tranh. Chế độ phân phối về thực chất là theo chủ nghĩa bình quân. Nhà nước và tập thể đáp ứng các nhu cầu xã hội thiết yếu bằng chế độ bao cấp tràn lan dựa vào viện trợ.

1.3. Giai đoạn 1975 - 1985:

Các vấn đề xã hội được giải quyết theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp, trong hoàn cảnh đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng, nguồn viện trợ giảm dần, bị bao vây, cô lập và cấm vận.

2. Đánh giá việc thực hiện đường lối:

- Kết quả và ý nghĩa:

+ Chính sách xã hội thời kỳ trước đổi mới tuy có nhiều nhược điểm và hạn chế nhưng vẫn đảm bảo được sự ổn định của xã hội trong điều kiện chiến tranh ác liệt kéo dài và đạt được một số thành tựu phát triển trên một số lĩnh vực như: văn hóa, y tế, giáo dục, lối sống, đạo đức, kỷ cương, an ninh xã hội, hoàn thành nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn.

+ Những thành tựu đó nói lên bản chất tốt đẹp của chế độ mới và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong giải quyết các vấn đề xã hội trong điều kiện chiến tranh kéo dài và kinh tế chậm phát triển.

- Hạn chế và nguyên nhân:

+ Hình thành tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể trong cách giải quyết các vấn đề xã hội; chế độ phân phối bình quân không khuyến khích những đơn vị, cá nhân làm tốt, làm giỏi,…đã hình thành một xã hội đóng, ổn định nhưng kém năng động, chậm phát triển về nhiều mặt.

+ Nguyên nhân cơ bản là do chúng ta chưa đặt đúng tầm chính sách xã hội trong quan hệ với chính sách thuộc các lĩnh vực khác; đồng thời, lại áp dụng và duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu, bao cấp.

Chủ đề 46: Phân tích quá trình đổi mới nhận thức và quan điểm của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới.

1. Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội:

- Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần VI:

Nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách. Đặt rõ tầm quan trọng của chính sách xã hội đối với chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác.

- Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần VII:

Mục tiêu chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế là cơ sở, là tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời, thực hiện tốt các chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần VIII:

Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển.

- Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần IX:

Các chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

- Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần X:

Chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương.

-Hội nghị Trung ương 4 khóa X (01/ 2007):

Nhấn mạnh phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO. Xây dựng cơ chế đánh giá và cảnh báo định kỳ về tác động của việc gia nhập WTO đối với lĩnh vực xã hội để có biện pháp xử lý chủ động, đúng đắn, kịp thời.

2. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội**:**

- Một là, kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội.

+ Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội có liên quan trực tiếp.

+ Mục tiêu phát triển kinh tế phải tính đến tác động và hậu quả xã hội có thể xảy ra để chủ động xử lý.

+ Phải tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa các chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

+ Sự kết hợp 2 loại mục tiêu này phải được quán triệt ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, ở từng đơn vị kinh tế cơ sở.

- Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển.

+ Trong từng chính sách phát triển (của Chính phủ, ngành, Trung ương, địa phương) cần đặt rõ và xử lý hợp lý việc gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

+ Nhiệm vụ gắn kết này không dừng lại như một khẩu hiệu mà phải được pháp chế hóa thành các thể chế có tính cưỡng chế, buộc chủ thể phải thi hành.

+ Các cơ quan, các nhà hoạch định chính sách phát triển quốc gia phải thấu triệt quan điểm phát triển bền vững, phát triển hài hòa,…không chạy theo số lượng tăng trưởng bằng mọi giá.

- Ba là, chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.

+ Chính sách xã hội có vị trí, vai trò độc lập tương đối so với kinh tế, nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế, cũng không thể dựa vào viện trợ như thời bao cấp.

+ Trong chính sách xã hội phải gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ. Đó là một yêu cầu của công bằng xã hội và tiến bộ xã hội; xóa bỏ quan điểm bao cấp, cào bằng; chấm dứt cơ chế xin – cho trong chính sách xã hội

- Bốn là, coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội.

Quan điểm này thể hiện mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển phải là vì con người, vì một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Phát triển phải bền vững, không chạy theo số lượng tăng trưởng.

Chủ đề 47: Phân tích chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội thời kỳ đổi mới.

1. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội:

- Một là, khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

+ Tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển.

+ Tạo động lực làm giàu trong đông đảo dân cư bằng tài năng, sáng tạo của bản thân, trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức cho phép.

+ Xây dựng và thực hiện có kết quả cao chương trình xóa đói giảm nghèo; đề phòng tái đói, tái nghèo; nâng cao dần chuẩn đói nghèo khi mức sống chung tăng lên.

Hai là, bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

+ Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm.

+ Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội, tạo nhiều việc làm ở trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

+ Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội.

+ Đổi mới chính sách tiền lương; phân phối thu nhập xã hội công bằng hợp lý.

Ba là, phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.

+ Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; quan tâm chăm sóc y tế tốt hơn đối với các đối tượng chính sách; phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, các dịch vụ y tế ngoài công lập.

Bốn là, xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.

+ Quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản; giảm nhanh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng

+ Đẩy mạnh công tác bảo vệ giống nòi, kiên trì phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội.

Năm là, thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

+ Giảm tốc độ tăng dân số, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý.

+ Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; bảo đảm bình đẳng giới; chống nạn bạo hành trong quan hệ gia đình.

Sáu là, chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.

Bảy là, đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

2. Kết quả thực hiện đường lối:

2.1. Kết quả và ý nghĩa:

- Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào nhà nước và tập thể, trông chờ viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tính tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư.

- Thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời, phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất - kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

- Thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, đồng thời, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

- Từ chỗ nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.

- Khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo, coi việc có một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Thành tựu xóa đói giảm nghèo được nhân dân đồng tình, được quốc tế thừa nhận.

- Xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó, các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.

- Đã coi phát triển giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Cố gắng thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành; có chính sách trợ cấp bảo hiểm y tế cho người nghèo.

Nhìn chung, qua 20 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển xã hội đã đạt được nhiều thành tựu. Một xã hội mở đang dần dần hình thành với những con người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng đồng, vì Tổ quốc. Cách thức quản lý xã hội dân chủ, cởi mở và đề cao pháp luật hơn.

2.2. Hạn chế và nguyên nhân:

- Áp lực tăng dân số vẫn còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp đang là cản trở lớn đối với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề việc làm là bức xúc và nan giải.

- Sự phân hóa giàu nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.

- Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế và an sinh xã hội.

- Môi trường sinh thái bị ô nhiễm tiếp tục tăng thêm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.

- Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập; an sinh xã hội chưa được đảm bảo.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên là do tăng trưởng kinh tế vẫn tách rời mục tiêu và chính sách xã hội, chạy theo số lượng, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững xã hội. Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ đề 48: Phân tích hoàn cảnh lịch sử và nội dung đường lối đối ngoại của Đảng thời kỳ 1975 - 1986.

1. Hoàn cảnh lịch sử:

1.1. Tình hình thế giới:

- Từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX, sự tiến bộ nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ đã thúc đẩy lực lượng sản xuất thế giới phát triển mạnh. Nhật Bản và Tây Âu vươn lên trở thành hai trung tâm lớn của kinh tế thế giới; xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hòa hoãn giữa các nước lớn.

- Với thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975 và các nước Đông Dương, hệ thống xã hội chủ nghĩa lớn mạnh không ngừng, phong trào độc lập dân tộc và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân đang trên đà phát triển. Tuy nhiên, từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định.

- Tình hình khu vực Đông Nam Á có những chuyển biến mới: Sau năm 1975, Mỹ rút khỏi Đông Nam Á; khối quân sự SEATO tan rã; tháng 02 năm 1976, các nước ASEAN ký Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (Hiệp ước Bali) mở ra cục diện hòa bình, hợp tác trong khu vực.

1.2. Tình hình trong nước:

- Thuận lợi: Miền Nam được giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước đạt được những thành tựu quan trọng.

- Khó khăn:

+ Vừa phải khắc phục hậu quả của chiến tranh, vừa phải đối phó với chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

+ Các thế lực thù địch sử dụng những thủ đoạn nham hiểm chống phá cách mạng Việt Nam.

+ Tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn đã dẫn đến những khó khăn về kinh tế - xã hội.

2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng:

- Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần IV

+ Xác định nhiệm vụ đối ngoại: "Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta".

+ Trong quan hệ với các nước: củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia; sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực; thiết lập và mở rộng quan hệ bình

thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

+ Từ giữa năm 1978, Đảng đã điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại như: củng cố, tăng cường hợp tác mọi mặt với Liên Xô, coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại; nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt – Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn biến phức tạp; chủ trương góp phần xây dựng khu vực Đông Nam Á hòa bình, tự do, trung lập và ổn định; đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

- Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần V:

+ Xác định: Công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực trong đấu tranh nhằm làm thất bại chính sách của các thế lực hiếu chiến mưu toan chống phá cách mạng nước ta.

+ Về quan hệ với các nước: Đảng ta nhấn mạnh: đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; xác định quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của 3 dân tộc; kêu gọi các nước ASEAN hãy cùng các nước Đông Dương đối thoại và thương lượng để giải quyết các trở ngại nhằm xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình và ổn định; chủ trương khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình; chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị.

Như vậy, ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1975 – 1986 là xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố và tăng cường đoàn kết hợp tác với Lào và Campuchia; mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước không liên kết và các nước đang phát triển; đấu tranh với sự bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch.

Chủ đề 49: Trình bày những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng thời kỳ trước đổi mới

1. Kết quả và ý nghĩa:

1.1. Kết quả:

- Quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa được tăng cường, đặc biệt là với Liên Xô. Ngày 29/6/1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (khối SEV). Viện trợ hàng năm và kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong khối SEV đều tăng. Ngày 31/11/1978, Việt Nam ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô.

- Từ năm 1975 đến 1977, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao thêm với 23 nước; ngày 15/9/1976, Việt Nam tiếp nhận ghế thành viên chính thức Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF); ngày 21/9/1976, tiếp nhận ghế thành viên chính thức Ngân hàng thế giới (WB); ngày 23/9/1976, gia nhập Ngân hàng phát triển châu Á (ADB); ngày 20/9/1977, tiếp nhận ghế thành viên tại Liên hợp quốc; tham gia tích cực các hoạt

động trong phong trào Không liên kết,…Từ năm 1977, một số nước tư bản mở quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam.

- Cuối năm 1976, Philippin và Thái Lan là nước cuối cùng trong tổ chức ASEAN thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

1.2. Ý nghĩa:

Kết quả đối ngoại đạt được có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam:

- Đã tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể, góp phần khôi phục đất nước sau chiến tranh.

- Việc Việt Nam trở thành thành viên của các tổ chức đã tranh thủ được sự ủng hộ, hợp tác của các nước, các tổ chức quốc tế; đồng thời, phát huy được vai trò của nước ta trên trường quốc tế.

- Việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN đã tạo thuận lợi để triển khai các hoạt động đối ngoại trong giai đoạn sau nhằm xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

2. Hạn chế và nguyên nhân:

2.1. Hạn chế:

Quan hệ quốc tế gặp khó khăn, trở ngại lớn. Nước ta bị bao vây, cô lập, trong đó đặc biệt là từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, lấy cớ sự kiện Campuchia, các nước ASEAN và một số nước khác thực hiện bao vây, cấm vận Việt Nam.

2.2. Nguyên nhân:

- Ta chưa nắm bắt được xu thế chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn và chạy đua kinh tế trên thế giới; do đó, đã không tranh thủ được các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh; không kịp thời đổi mới quan hệ đối ngoại cho phù hợp với tình hình.

- Nguyên nhân cơ bản là do chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan.

Chủ đề 50: Phân tích hoàn cảnh lịch sử hình thành đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng thời kỳ đổi mới.

1. Tình hình thế giới giữa thập kỷ 80 thế kỷ XX:

- Cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc.

- Các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ,…dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế.

- Trên phạm vi thế giới, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột, tranh chấp vẫn còn, nhưng xu thế chung của thế giới là hòa bình, hợp tác phát triển.

- Các quốc gia, các tổ chức và lực lượng chính trị quốc tế thực hiện điều chỉnh chiến lược đối nội, đối ngoại và phương thức hành động cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bên trong và đặc điểm của thế giới.

+ Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước, nhất là những nước đang phát triển đổi mới tư duy đối ngoại, thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.

+ Các nước đổi mới tư duy về quan niệm sức mạnh, vị thế quốc gia: sức mạnh kinh tế được đặt ở vị trí quan trọng hàng đầu.

2. Xu thế toàn cầu hóa và tác động của nó:

- Xu thế toàn cầu hóa: Dưới gốc độ kinh tế, toàn cầu hóa là quá trình lực lượng sản xuất và quan hệ kinh tế quốc tế phát triển vượt qua rào cản bởi biên giới quốc gia và khu vực, lan tỏa ra phạm vi toàn cầu, trong đó, hàng hóa, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động,…vận động thông thoáng; sự phân công lao động mang tính quốc tế; quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đan xen nhau, hình thành mạng lưới quan hệ đa chiều.

- Những tác động của xu thế toàn cầu hóa:

+ Tích cực: thị trường mở rộng, trao đổi hàng hóa tăng mạnh đã thúc đẩy phát triển sản xuất các nước; nguồn vốn, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lý,… mang lại lợi ích cho các bên tham gia hợp tác. Toàn cầu hóa làm tăng tính tùy thuộc lẫn nhau, nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia, thuận lợi cho việc xây dựng môi trường hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước.

+ Tiêu cực: Các nước công nghiệp phát triển thao túng, chi phối quá trình toàn cầu hóa tạo nên sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế và làm tăng sự phân cực giữa nước giàu và nước nghèo.

3. Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương:

Từ những năm 1990, có nhiều chuyển biến mới: khu vực vẫn tồn tại những bất ổn (vấn đề hạt nhân, vấn đề tranh chấp lãnh hải vùng biển Đông, một số nước tăng cường vũ trang), là khu vực có tiềm lực lớn và năng động về phát triển kinh tế. Xu thế hòa bình và hợp tác trong khu vực phát triển mạnh.

4. Yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam:

- Giải tỏa tình trạng đối đầu, thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận, tiến tới mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung xây dựng kinh tế là nhu cầu cần thiết và cấp bách đối với nước ta.

- Do hậu quả nặng nề của chiến tranh và các khuyết điểm chủ quan nền kinh tế Việt Nam lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Để chống tụt hậu về kinh tế, ngoài việc phát huy tối đa nguồn lực trong nước, cần tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, trong đó, mở rộng và tăng cường hợp tác kinh tế, tham gia vào cơ chế hợp tác đa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Những đặc điểm, xu thế quốc tế và yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam xác định quan điểm và hoạch định chủ trương, chính sách đối ngoại thời kỳ đổi mới.

Chủ đề 51: Phân tích các giai đoạn hình thành và phát triển đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng thời kỳ đổi mới

1. Giai đoạn 1986 – 1996: Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

1.1. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VI:

Nhận đinh: "Xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta".

- Tháng 12/ 1987, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

- Tháng 5/ 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, khẳng định mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của Đảng, của nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế. Bộ Chính trị chủ trương kiên quyết chủ động chuyển từ tình trạng đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, ra sức đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

- Từ năm 1989, Đảng chủ trương xóa bỏ tình trạng độc quyền trong sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu. Chủ trương trên được xem là bước đổi mới đầu tiên trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

1.2. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VII:

Chủ trương: " Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình", với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Đại hội VII đã đổi mới chính sách đối ngoại với các đối tác cụ thể. Với Lào và Campuchia, thực hiện đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả trên tinh thần bình đẳng. Với Trung Quốc, Đảng chủ trương thúc đẩy bình thường hóa quan hệ, từng bước mở rộng hợp tác Việt – Trung. Trong quan hệ với khu vực, chủ trương phát triển quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á và châu Á – Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Đối với Hoa Kỳ, Đại hội nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ.

Như vậy, quan điểm, chủ trương đối ngoại rộng mở được đề ra từ Đại hội Đảng lần thứ VI, sau đó được các Nghị quyết Trung ương khóa VI, VII phát triển đã hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế.

2. Giai đoạn 1996 – 2008: Bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

2.1. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần VIII:

Khẳng định: tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế, chính trị khu vực và quốc tế; đồng thời, chủ trương xây dựng nền kinh tế mở và đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

So với Đại hội VII, chủ trương đối ngoại của Đại hội VIII có 3 điểm mới. Một là, chủ trương mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác; hai là, quán triệt yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức

phi chính phủ; ba là, lần đầu tiên trên lĩnh vực đối ngoại Đảng đưa ra chủ trương thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

2.2. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần IX:

Chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực. Lần đầu tiên Đảng nêu rõ quan điểm về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ: "Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp phát triển đất nước".

Đại hội IX phát triển phương châm của Đại hội VII: từ phương châm: "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển" thành phương châm: "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

2.3. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần X:

Nêu quan điểm: thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Đồng thời, đề ra chủ trương "chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế".

- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế: là hoàn toàn chủ động quyết định đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế, không để rơi vào thế bị động; phân tích lựa chọn phương thức hội nhập đúng, dự báo được những tình huống thuận lợi và khó khăn khi hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế: là khẩn trương chuẩn bị, điều chỉnh, đổi mới bên trong, từ phương thức lãnh đạo, quản lý đến hoạt động thực tiễn; từ trung ương đến địa phương, doanh nghiệp; khẩn trương xây dựng lộ trình, kế hoạch, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế; tích cực nhưng phải thận trọng, vững chắc.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế phải là ý chí, quyết tâm của Đảng, Nhà nước, toàn dân, của mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và toàn xã hội.

Như vậy, đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế được xác lập trong mười năm đầu của thời kỳ đổi mới. Đến Đại hội X được bổ sung, phát triển theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế.

Chủ đề 52: Phân tích nội dung đường lối đối ngoại hội nhập kinh tế của Đảng thời kỳ đổi mới.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo

1.1. Cơ hội và thách thức

- Cơ hội: Xu thế hòa bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hóa kinh tế tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế. Mặt khác, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao thế và lực của nước ta trên trường quốc tế, tạo tiền đề mới cho quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thách thức:

+ Những vấn đề toàn cầu như phân hóa giàu nghèo, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia,…gây tác hại bất lợi đối với nước ta.

+ Nền kinh tế Việt Nam phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt trên cả 3 cấp độ: sản phẩm, doanh nghiệp, quốc gia; những biến động trên thị trường quốc tế tác động nhanh và mạnh hơn đến thị trường trong nước, tiềm ẩn nguy cơ gây rối loạn, thậm chí khủng hoảng kinh tế - tài chính.

+ Lợi dụng toàn cầu hóa, các thế lực thù địch sử dụng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" chống phá chế độ chính trị và sự ổn định, phát triển của nước ta.

Những cơ hội và thách thức nêu trên tác động qua lại và chuyển hóa lẫn nhau: cơ hội không tự phát huy mà tùy thuộc vào khả năng tận dụng cơ hội. Tận dụng tốt cơ hội sẽ tạo thế và lực mới để vượt qua thách thức. Ngược lại, nếu không tận dụng hoặc bỏ lỡ cơ hội thì thách thức sẽ tăng lên, cản trở sự phát triển.

1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại

Lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế là để tạo thêm nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp nội lực với ngoại lực tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; phát huy vai trò và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

1.3. Tư tưởng chỉ đạo

- Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời, thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.

- Giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

- Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế.

- Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. Coi trọng quan hệ hòa bình, hợp tác trong khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương, khu vực và toàn cầu.

- Kết hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Xác định hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân.

- Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; tạo ra và sử dụng có hiệu quả các lợi thế so sánh trong quá trình hội nhập.

- Đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

- Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp.

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của tổ chức WTO.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập.

- Xây dựng và vận hành có hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội như: giáo dục, bảo hiểm y tế, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng có hại cho môi trường,...

- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập.

- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

Chủ đề 53: Phân tích thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân thực hiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới.

1. Thành tựu và ý nghĩa

1.1. Thành tựu

- Phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

- Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế.

- Thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý.

-Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

1.2. Ý nghĩa

Những kết quả trên rất quan trọng: đã tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài kết hợp với các nguồn lực trong nước hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn. Góp phần giữ vững và củng cố độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc; nâng cao vị thế và phát huy vai trò nước ta trên trường quốc tế.

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Trong quan hệ với các nước, nhất là nước lớn, chúng ta còn lúng túng và bị động. Chưa xây dựng được quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau với các nước.

- Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ, gây khó khăn trong việc thực hiện các cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế.

- Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết.

- Doanh nghiệp nước ta hầu hết qui mô nhỏ, yếu kém cả về quản lý và công nghệ; trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trình độ trang thiết bị lạc hậu; kết cấu hạ tầng và các ngành dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất kinh doanh đều kém phát triển và có chi phí cao hơn các nước trong khu vực.

- Đội ngũ cán bộ lĩnh vực đối ngoại nhìn chung chưa đáp ứng nhu cầu cả về số lượng và chất lượng; cán bộ doanh nghiệp ít hiểu biết về luật pháp quốc tế, về kỹ thuật kinh doanh.

Quá trình thực hiện đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 1986 đến năm 2008 mặc dù còn những hạn chế, nhưng thành tựu là cơ bản, có ý nghĩa rất quan trọng: góp phần đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển mới; thế và lực của cách mạng Việt Nam được nâng cao trên thương trường và chính trường quốc tế. Các thành tựu đối ngoại trong hơn 20 năm qua đã chứng minh đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới là đúng đắn và sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2006. Ngân hàng câu hỏi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho các trường Đại học, Cao đẳng). Hà Nội.

Bộ Giáo dục và đào tạo. 2007. Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Bộ Giáo dục và đào tạo. 2005. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

Đại học quốc gia Hà Nội. 2008. Một số chuyên đề Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam (sách tham khảo phục vụ giảng dạy và học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam). Hà Nội: Nxb Lý luận chính trị.

Lê Mậu Hãn. 2003. Các Cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia,

Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. 2002. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.

Nguyễn Trọng Phúc. Các Đại hội đại biểu toàn quốc và Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2006). Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.

Trung tâm bồi dưỡng, đào tạo giảng viên lý luận chính trị. 2004. Đổi mới ở Việt Nam- tiến trình, thành tựu và kinh nghiệm. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.

Trung tâm bồi dưỡng, đào tạo giảng viên lý luận chính trị. 2005. Tìm hiểu vai trò của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.

Trung tâm bồi dưỡng, đào tạo giảng viên lý luận chính trị.2004. Phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam - lý luận và thực tiễn. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.

Trường Đại học An Giang. Khoa Lý luận chính trị. 2007. Hướng dẫn học tập môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Tài liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam).

Đào Duy Tùng. 1994. Quá trình hình thành con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ I (tháng 3/1935).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 02/1951).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9/1960).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1976).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6/1996).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2001).

Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X (tháng 4/2006).

MỤC LỤC

Lời nói đầu……..trang 1

1. Phần trắc nghiệm 292 câu

Câu 1……trang 2

Câu 292……trang 59

2. Phần trả lời ngắn gọn 274 câu

Câu 1……trang 60

Câu 274……trang 105

3. Phần tự luận 53 chủ đề

Chủ đề 1……...trang 106

Chủ đề 53……..trang180

Danh mục tài liệu tham khảo……...trang 183